

Hậu Hắc Học (Mặt dày, tâm đen) Lý Tôn Ngô

Vài lời của những người dịch

Lý Tôn Ngô, tác giả của "**Hậu Hắc Học**", sinh ở Thành Đô năm 1879, năm thứ 5 đời Quang Tự (triều đình nhà Thanh), mất năm 1944 (trước cách mạng Trung Quốc thành công 5 năm). Lúc mới sinh, cha mẹ đặt cho ông cái tên là Thế Toàn, ông cho rằng tên đó không hay, nên tự đặt tên là Thế Giai, tự là Tôn Nho, muốn biểu lộ ý chí theo Khổng Tử; về sau ông không vừa ý với đạo Nho của Khổng Tử, cho nên đổi tên và lấy biệt hiệu là Tôn Ngô. Theo ông "hai chữ Tôn Ngô là ngọn cờ độc lập tư tưởng của tôi"

Sau cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc, ông đã từng đảm nhận một vài chức quan nhỏ ở cấp Tỉnh của Chính phủ Dân quốc do Tôn Trung Sơn lãnh đạo, làm giáo sư đại học ở Tứ Xuyên, về sau ông từ chức và dành thời gian nghiên cứu và viết.

Lý Tôn Ngô đã từng nghiên cứu, đọc kỹ lưỡng 24 pho sử lớn của Trung Quốc, các sách của Bách gia Chư tử và nhiều sách khác nữa, nhằm khám phá sự nhận thức của lịch sử, cũng như các học thuyết khác nhau từng tồn tại lâu đời ở Trung Quốc như Đạo Khổng, Đạo Lão, Đạo Phật và cả những học thuyết khác trên thế giới đã được truyền bá vào Trung Quốc. Khi sinh thời, ông đã tìm tòi, suy nghĩ rất nhiều về những người từ thời xưa đến thời ông, họ có "**bí quyết**" gì? Ông đem nhận thức của mình chính thành lý luận "**Hậu Hắc Học**".

Chữ "**Hậu**" có nghĩa là "**Dày**" và được viết rõ là "**Mặt dày**"; chữ "**Hắc**" là "**Đen**", cũng được viết rõ là "**Tâm đen**" hay "**Tâm can đen tối**". Theo ông đây là một triết lý rất đặc biệt, vì vậy trong khi dịch, chúng tôi phải viết hoa ở đầu các chữ "**Hậu Hắc Học**" với ý định nhấn mạnh ý nghĩa của từ ngữ mới lạ này.

"**Hậu Hắc Học**" chế giễu một cách sâu cay sự đen tối của một số chế độ chính trị với những bệnh tật, thói hư tật xấu trong chốn quan trường của xã hội Trung Quốc cũ. "**Hậu Hắc Học**" lần đầu tiên được công bố trên "Công luận nhật báo" ở thành đô năm Dân quốc nguyên niên, nhưng vì nội dung châm biếm rất sâu cay của nó về thói hư tật xấu trong chốn quan trường nên đã dấy lên sự đố kỵ và bị công kích dữ dội. Qua nhiều năm sau, năm 1934 mới chính thức xuất bản thành sách và được giới học giả cùng với nhiều học giả của Trung Quốc hưởng ứng, bình luận rất tốt. Trong mấy chục năm sau cách mạng Tân Hợi, xã hội Trung Quốc bị rối loạn, do đó tác giả cũng khắc họa và phân tích những hiện tượng xã hội và các "Chính trị

gia" thời đó trong "Hậu Hắc Học". Do đó có nhiều học giả nổi tiếng ở Trung Quốc đã bình luận và đánh giá: "**Hậu Hắc Học**" là một kỳ thư hiếm có. Để chứng minh cho lập luận "Hậu Hắc Học" của mình, ông đã đi sâu nghiên cứu tâm lý học và viết tiếp "**Tâm lý và lực học**", "**Tính linh và điện tử**", đó là những công trình nghiên cứu mà ông rất tâm đắc.

Theo nhà xuất bản "Cầu Thục" ở Bắc Kinh Trung Quốc. "Hậu Hắc Học" đã được truyền bá rộng rãi ở nước ngoài nhưng ở lục địa Trung Quốc lại hiếm thấy, vì vậy nhà xuất bản "Cầu Thục" cho rằng không thể để một cuốn sách hay như vậy bị mai một, cho nên đã sưu tầm, chỉnh lý lại và xuất bản. Từ tháng 1/1989 đến tháng 5/1990 đã in lại 8 lần với tổng số lượng 300.000 bản.

Toàn bộ cuốn sách được viết vào những năm 20, 30 và 40 của thế kỷ XX, vì vậy các từ ngữ, câu văn phần lớn viết theo kiểu cổ văn (Văn bác cổ) của Trung Quốc, nên khi dịch không dễ dàng. Chúng tôi cố gắng dịch thoát ý, nhưng lại bảo đảm đúng, lời lẽ gọn. Do đó chắc không tránh khỏi những thiếu sót, mong các độc giả thông cảm.

Ngoài ra, chúng tôi muốn nói thêm, toàn bộ cuốn sách có ý nghĩa rất sâu xa, rất đáng để học giả Việt Nam nghiên cứu. Nhưng tác giả có bàn thêm một số vấn đề viết vào thời kỳ đầu của thế kỷ XX, như: "**Tôn Ngô bàn về chính trị**", "**Tôn Ngô bàn về kinh tế**"...Chúng tôi cho rằng đó chỉ là ý kiến riêng của một học giả, cũng như bản thân Lý Tôn Ngô cho rằng: ông chủ trương "độc lập tư tưởng", nên các độc giả đều có quyền bình luận, đánh giá và phê phán.

Để bạn đọc thuận tiện theo dõi và tập trung nghiên cứu, chúng tôi sắp xếp lại mục lục và lược bỏ vài phần xét thấy không cần thiết như "Hậu Hắc Học" thể cổ văn, những câu đối viếng Tôn Ngô, vài đoạn phiếm đàm khác, mong bạn đọc thông cảm.

Chúng tôi xin được cảm ơn nhà xuất bản Văn hóa thông tin đã góp ý và hỗ trợ công tác biên tập để tài liệu tham khảo này được góp phần nhỏ bé vào việc tiếp thu có phê phán và chọn lọc những tinh hoa văn hóa Đông – Tây trong quá trình hội nhập và phát triển vì một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta

Những người dịch

HẬU HẮC HỌC

LỜI TỰA ĐỀ I

Tôi viết "Hậu Hắc Học" vào cuối triều đại Mãn thanh, chia làm 3 tập: Tập đầu: Hậu Hắc Học; Tập giữa: Hậu Hắc kinh; tập cuối: Tập lục Hậu Hắc truyện. Năm đầu của thời Dân Quốc đã đăng tải trên "Công luận nhật báo" ở Thành Đô. Độc giả có nhiều dư luận xôn xao, tôi cũng nhận được lời khuyên của bạn bè, tập giữa mới in nữa chừng đành phải dừng lại vậy. Trong thời gian ấy, tôi còn viết một bài: "Tôi hoài nghi các thánh nhân", nhưng không tiện đăng lên báo chí. Về sau không biết bản thảo quảng đâu mất. Năm Dân Quốc thứ 16, theo ký ức mới viết lại cả hai bài, đưa vào tập sách. Năm Dân Quốc 23, một người bạn quên biết ở Bắc Kinh, theo ý chủ quan, đem ba tập tách ra in từng tập lẻ. Năm Dân Quốc 25 theo ý muốn của nhiều độc giả nên đã tái bản lần nữa. Năm Dân Quốc thứ 26, nhà xuất bản Quốc Dân báo Thành Đô đã đem tập đầu in thành một cuốn sách nhỏ và phát hành, do Đường Chu Phong và Trung Giang Tạ Thụ Thanh viết lời bạt.

Khi tôi còn đi học tính thích hoài nghi. Trong lòng tôi lúc nào cũng có điều hoài nghi ấy, tiếp tục nghiên cứu thêm nữa, cho tới nay trải qua hơn 30 năm vẫn rút ra một kết luận như nhau. Gần đây viết một tập sách: "Tâm lý và lực học", nhằm coi đó là lời giải đáp cho sự hoài nghi ấy. Phàm những việc ở ngoài đời có phá mới có xây: "Hậu Hắc Học" và "Tôi hoài nghi các thánh nhân", có thể gọi là phá; "Tâm lý và lực học" được gọi là xây. "Tôi hoài nghi các thánh nhân" và "Hậu Hắc Học" là những tập viết trong cùng một thời kỳ, sau đọc hết những bài trong đó sẽ thấy quá trình tư tưởng của tôi.

Thế giới luôn luôn tiến hóa, có thể chia "Hậu Hắc Học" ra thành ba thời kỳ:

Nhân dân thượng cổ còn mê muội, không phân biệt cái gì là Hậu (dày) và cái gì là Hắc (đen), quả là một thứ lãng mạn chân chất. Học thuyết của Khổng tử đề xướng đạo đức, mộng tưởng về Nghiêu Thuấn và mong muốn trở lại phong thái cổ xưa, là Thời kỳ thứ nhất.

Về sau, tri thức của nhân dân được nâng lên, diễn ra hàng trăm cơ mưu biến hóa, có những loại tâm đen tối như Tào Tháo, mặt dày như Lưu Bị được sinh ra và vận dụng, thời này dẫu Khổng, Mạnh có sống lại cũng phải thất bại mà thôi, đó là thời kỳ thứ hai.

Nay đã bước vào thời kỳ thứ ba, những kẻ tâm đen tối như Tào Tháo, mặt dày như Lưu Bị, xuất hiện ngày càng nhiều, người thành công lại ít. Những người gặp vận may mà thành công, hoặc những kẻ không biết quay gót đành chịu thất bại, là nguyên cố thể nào? Ngày nay là thời kỳ thứ ba nên Tào, Lưu đã trở thành những nhân vật quá khứ rồi, những người ở thời kỳ này tất phải kham khảo và vận dụng đạo đức của Khổng, Mạnh, dường như phục hồi thời kỳ thứ nhất, thực tế thì giống như hồi phục mà không phải là hồi phục, mà là sự tiến hóa kiểu xoáy tròn như con ốc. Nói cách khác, phải có tấm lòng của Khổng, Mạnh; thực hành theo thuật của Tào, Lưu mới hợp

với thời kỳ thứ ba; ngày nay, Khổng, Mạnh có sống lại, tất chịu là kẻ thất bại mà thôi, nếu không có những thuật của Tào, Lưu; nếu Tào, Lưu có sống lại chẳng nữa cũng là kẻ thất bại, vì họ không có tấm lòng Khổng, Mạnh.

Hiện nay chúng ta đang sống là thời kỳ thứ hai, mở đầu thời kỳ thứ ba, nếu vận dụng theo "Hậu Hắc Học" mà thành công thì cũng là vật tàn dư của thời kỳ thứ hai, tuy thành công song vẫn là kẻ thất bại và bị đào thải tự nhiên của thời kỳ thứ ba.

Nghiêu, Thuấn là những nhân vật của Thời kỳ thứ nhất, sách của Khổng, Mạnh là học thuyết của Thời kỳ thứ nhất. Tào, Lưu là nhân vật của thời kỳ thứ hai; "Hậu Hắc Học" là do tôi viết, là học thuyết của thời kỳ thứ hai. "Tâm lý và lực học" mà tôi viết gần đây nhất là học thuyết của thời kỳ thứ ba. Hy vọng sẽ có những nhân vật của thời kỳ thứ ba xuất hiện, cho nên đọc "Hậu Hắc Học" của tôi, không thể không đọc "Tâm lý và lực học".

Vật mà ít thì quý, phong cách của người dân lúc sơ khai hồn nhiên, chân chất, không có bộ mặt dày, đen tối. Bỗng nhiên có người tâm địa vừa đen và có bộ mặt dày, tất sẽ khống chế được dân chúng, độc chiếm ưu thế. Dân chúng thấy thế sẽ bắt chước, anh không thể chế ngự được tôi, tôi không thể chế ngự được anh, chỉ độc có một người không có bộ mặt dày, tâm địa đen tối thì người ấy ắt được mọi người tín ngưỡng, thế là độc chiếm ưu thế. Thí dụ trong thương trường người buôn bán hồi sơ khai nhất có hàng tốt với giá thực, bỗng có một người làm hàng giả kiếm được nhiều tiền. Mọi người biết thế, tranh nhau làm như vậy, thế là cả thị trường đều là hàng giả. Chỉ độc có một nhà làm hàng thật đúng giá trị thì sẽ được khách, người ấy lại kiếm được nhiều tiền. Cho nên tình hình thương trường cũng có thể chia thành ba thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất nội dung tốt, hình dáng không đẹp; thời kỳ thứ hai hình dáng đẹp, nội dung không tốt; thời kỳ thứ ba hình dáng đẹp, nội dung tốt.

"Hậu Hắc Học" của tôi là sản phẩm của thời kỳ thứ hai. Những độc giả "Hậu Hắc Học" của tôi, cứ làm theo sách sẽ bị thất bại, điều đó tôi không chịu trách nhiệm. Chỉ trách bản thân người ấy đã sinh sau đẻ muộn hơn nhiều năm nên không thấy tình hình xã hội đã thay đổi. Rồi lại hỏi: Làm thế nào không thất bại? Hãy đọc "Tâm lý và lực học"

**Ngày 26 tháng 02 năm Dân Quốc thứ 27 Phú Thuận, Lý Tôn Ngô,
Viết ở Thành Đô**

LỜI ĐỀ TỰA II

Toàn văn "Hậu Hắc Học" vốn được dùng trong "Tôn Ngô luận Đàm", trên báo: "Thượng Hải luận ngữ bán nguyệt san" đăng lại, báo này cũng đã chuyển in thành một tập sách, ban đầu xuất bản ở Bắc Kinh. Lại tái bản ba lần ở Thành Đô, ủy thác cho Thành Đô Hoa Tây nhật báo xã và Trùng Khánh tiêu thụ và bán hết sạch. Năm nay tôi ở chỗ quê cũ, các nơi đều gửi thư yêu cầu tái bản. Tôi cho rằng sách viết của tôi như vậy dễ gây cho người

ta hiểu lầm, nên không muốn nói gì thêm nữa. Một người bạn tôi là Vương Quân Yên Mặc Hàm nói: "Ba chữ "Hậu Hắc Học" đã được truyền bá trong miệng của mọi người, không tài gì thu hồi lại được, tôi đã từng đọc kỹ toàn bộ tác phẩm của anh, "Hậu Hắc Học" là một căn bệnh xã hội, các tác phẩm của anh chính là thuốc chữa bệnh. Tôi xin gợi ý, anh tốt nhất nên hệ thống lại toàn bộ tư tưởng, những điểm quan trọng của tác phẩm viết lại một cách tỷ mỉ, tường tận, thành bản phát minh của "Hậu Hắc Học", cùng một lúc nói lên cả căn bệnh và phương thuốc chữa trị, khiến các nhân sĩ xã hội hiểu được dụng ý của anh, nếu không chỉ lưu truyền cho đời sau ba chữ "Hậu Hắc Học" mà thôi, nếu như vậy anh sẽ chịu tội trước xã hội". Tôi cảm động sâu sắc những lời của Vương Quân, viết một bài "Hệ thống tư tưởng của tôi", gửi cho Vương Quân in, ai hiểu tôi và trách tôi cũng không có cách nào khác.

Phần 1

Chương Một

HẬU HẮC HỌC

Kể từ khi tôi đi học biết chữ đến nay luôn nghĩ mình muốn làm một anh hùng hào kiệt, tìm học Tứ Thư, Ngũ Kinh đều thấy hoang mang, lại tìm đọc các tác phẩm của Bách Gia Chư Tử, cả 24 pho sử nữa, vẫn không đạt được gì, cho rằng các vị anh hùng hào kiệt xưa tất phải có một bí quyết nào đó không truyền lại, có lẽ tôi là kẻ dốt nát, không sao tìm được. Cùng quần không tài gì hiểu được, nhiều khi quên ăn quên ngủ, cứ thế trong nhiều năm trời. Một hôm bỗng nghĩ tới những nhân vật thời Tam Quốc, không ngờ lại bừng tỉnh nhận ra rằng: "Thấy rồi! Thấy rồi! các vị anh hùng hào kiệt xưa kia chẳng qua chỉ là những kẻ mặt dày tâm địa đen tối mà thôi".

Những vị anh hùng thời Tam Quốc, trước hết phải nêu lên Tào Tháo, sở trường đặc biệt của ông, tất cả đều ở tâm địa đen tối: Ông giết Lữ Bá Sa, giết Khổng Dung, giết Dương Tu, giết Đổng Thừa Phục Hoàn, giết Hoàng Hậu, Hoàng tử, ngang nhiên làm tất cả, hơn nữa còn trắng trợn nói: "Thà phụ người, không để người phụ ta". Quả là tâm địa đen tối đến cực điểm, đã có những việc làm như vậy, đương nhiên gọi là anh hùng cái thế rồi.

Tiếp đến phải kể đến Lưu Bị, sở trường đặc biệt của ông ta đều tất cả trên bộ mặt dày. Ông ta dựa vào Tào Tháo, dựa vào Lã Bố, dựa vào Lưu Biểu, dựa vào Tôn Quyền, dựa vào Viên Thiệu, chạy khắp đông tây, dựa dẫm vào người ta rồi lại bỏ, thật là vô liêm sỉ. Hơn nữa suốt cuộc đời chỉ giỏi khóc, người viết Tam Quốc Chí đã mô tả ông ta thật khéo tài tình, hễ gặp việc gì không thể giải quyết được là khóc một hồi trước mặt người đối thoại, lập tức chuyển bại thành thắng. Cho nên tục ngữ có nói: "Giang sơn Lưu Bị là

nhờ có khóc mà được!”. Đó cũng là một anh hùng có bản lĩnh. Ông ta và Tào Tháo có thể nói là một cặp tuyệt vời. Khi họ hâm nóng rượu luận bàn anh hùng trong thiên, một kẻ có tâm địa đen tối, mặt kẻ mặt dày mặt dạn, tôi không thể làm gì được anh, đều xoay quanh chuyện bọn viên Bản sơ bỉ ổi vô cùng, cho nên Tào Tháo nói: “Anh hùng trong thiên hạ, chỉ duy có sứ quân và Tào này mà thôi!”

Ngoài ra còn có Tôn Quyền, ông ta với Lưu Bị là đồng minh, hơn nữa còn là chỗ anh vợ thân tình, bỗng nhiên lại cướp đoạt kinh châu, giết chết Quan Vũ, tâm địa đen tối phảng phất như Tào Tháo, cái tâm địa đen tối ấy không cùng tiếp đó lại cầu hòa với Thục. Mức độ đen tối của Tôn Quyền kém một chút so với Tào Tháo, Tôn Quyền đã cũng Tào Tháo sánh vai xưng anh hùng đã từng chống lại không chịu thua, bỗng nhiên lại xưng thần với Tào, thế là mặt dày mặt dạn phảng phất giống Lưu Bị, dày đến mức độ lại tuyệt giao với Ngụy, bộ mặt dày cũng chỉ kém Lưu Bị một chút mà thôi. Tôn Quyền tuy không đen tối như Tào, nhưng lại có đủ cả hai thứ cũng không thể không coi là một anh hùng. Cả ba người nếu mổ xẻ việc làm của từng người một thì đều là câu chuyện “Anh không thể chinh phục được tôi, tôi không thể chinh phục được anh” cho nên thiên hạ thời đó không thể không chia làm ba vậ.

Về sau Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền nối tiếp nhau chết cả, cha con họ Tư Mã thừa cơ nổi lên. Ông thâm tóm cả sự tham lam của Tào, Lưu, đã thành công lớn nhờ nắm được môn “Hậu Hắc Học”, ông ta lừa dối những người vợ góa con côi, tâm địa đen tối như Tào Tháo vậy; có thể chịu mọi nhẫn nhục, mặt dày mặt dạn còn hơn cả Lưu Bị. Tôi đọc lịch sử một đoạn Tư Mã Ý chịu nhẫn nhục, khi nhận bộ quần áo đàn bà rồi, bỗng đập bàn lớn tiếng: “Thiên hạ phải thuộc về họ Tư Mã!” cho nên khi có thời cơ ấy, thiên hạ không thể không thống nhất. Đây là “Việc đến tất phải đến, lẽ đời cố nhiên là như vậy” Võ Hầu Gia Cát là bậc kỳ tài trong thiên hạ, một người giỏi nhất trong thời Tam Quốc. Khi gặp Tư Mã Ý cũng không làm gì nổi, ông ta quyết tâm “Phải cút cung tận tụy cho đến chết thì thôi”, cuối cùng không giành được tấc đất nào ở Trung Nguyên nữa, rút cục học máu mà chết. Có thể thấy cái tài phò tá nhà vua cũng không phải là địch thủ của những kẻ nổi tiếng “Hậu Hắc”.

Tôi lấy những việc làm của mấy người, nghiên cứu đi nghiên cứu lại, mới phát hiện được bí quyết không hề truyền lại của thời xưa này. Cả 24 bộ sử điều nhất quán họ là “Hậu Hắc cả mà thôi”. Bây giờ lại đem những sự việc của nhà Hán để chứng minh thêm.

Hạng Vũ là một anh hùng bạt sơn cái thế. Tiếng quát của ông vang động làm hàng ngàn người bạt vía, tại sao phải chịu chết ở Đông Thành làm trò cười cho thiên hạ? Nguyên nhân thất bại của ông ta đã được Hàn Tín nói lên bằng hai câu: “Lòng nhân ái của người vợ, sự dũng cảm của người chồng”, đã bao quát đủ rồi. Lòng nhân ái của người vợ là trong lòng không có sự bất nhẫn, căn bệnh ấy là do tâm can không đen tối; sự dũng cảm của người chồng là không chịu nín nhịn, căn bệnh ấy không phải ở bộ mặt dày.

Bữa tiệc ở Hồng Môn, Hạng Vũ và Lưu Bang cùng ngồi một chiếu, Hạng Vũ đã rút kiếm ra, chỉ cần kề vào cổ Lưu Bang thì cái chiếu bài "Thái Cao Hoàng Đền" sẽ về ông ta ngay. Hạng Vũ vẫn cứ loanh quanh không nỡ nhả tâm, thế rồi Lưu Bang trốn thoát. Sự thất bại của Hạng Vũ ở Cai Hạ, nếu vượt được Ô Giang, khuấy đảo lại giang sơn chưa biết ai sẽ chết. Ông ta lại nói: "Mượn tám ngàn người con cháu đất Giang Đông, vượt sông sang phía tây, nay không còn một ai trở về được, giả sử anh, em, bố, mẹ họ ở bên kia sông vẫn thương nhớ ta, còn mặt mũi nào mà gặp họ. Giả sử họ không nói thì lòng ta tránh sao hổ thẹn được!?". Câu nói ấy vô cùng sai lầm. Ông nói: "Mặt mũi nào mà gặp họ". Lại nói rằng: "Lòng ta biết hổ thẹn!" rút cục bộ mặt thật của một con người cao cả là sao sống được, rồi không suy nghĩ thêm rằng, lại than rằng: "Trời quên ta rồi, không phải tội là không đánh". E rằng có lên trời cũng không sao thoát được.

Chúng ta nghiên cứu một chút những việc làm của Lưu Bang. Lịch sử đã ghi: Hạng Vũ hỏi Hán Vương rằng: "Thiên hạ đồn đại đã nhiều năm, quanh quần vẫn là những chuyện về hai ta, tôi quyết đánh một trận thư hùng với Hán vương". Hán vương cười nói rằng: "Ta thà đấu trí, chứ không đấu lực". Xin hỏi hai chữ "cười tạ" từ đâu ra vậy! Khi Lưu Bang gặp Lang Sinh vào lúc hai hầu gái đang rửa chân cho Lưu Bang, Lang Sinh trách ông là kẻ bề trên, ông ta lập tức không rửa chân nữa mà đứng dậy tạ lỗi. Thử hỏi hai chữ "Tạ Lỗi" từ đâu ra vậy? còn bố đẻ ông ta, ông ta đứng bên bàn thờ đặt một cốc nước cặn, còn đối với con gái thì ông ta lại rất thô lỗ, khi quân Sở truy đuổi đến, ông ta có thể đẩy con gái con gái xuống xe, về sau lại giết Hàn Tín, giết Bành Việt "được sung quên ná, được vả bỏ sung", thử hỏi tâm địa của Lưu Bang là trạng thái gì vậy, đâu được như Hạng Vũ "Lòng nhân ái của người vợ, sự dũng cảm của người chồng", quả là không phải là hạng hiểm thấy sao? Trong sách của Thái Sử Công có ghi: Chỉ có Lưu Bang có tướng mạo Hoàng Đế, Hạng Vũ thì mắt hai tròng, mà không một chữ nói đến, bộ mặt dày, tâm địa đen tối của hai người, viết sử như vậy không đáng hổ thẹn sao?

Mặt dày của Lưu Bang, tâm địa của Lưu Bang, so với những người khác biệt rõ ràng, có thể coi là tài trí, cao đạo. Chữ "Hắc" ở đây quả là "Sống hòa nhã, làm êm ả, không vượt quá giới hạn những gì mong muốn trong lòng". Về chữ "Hậu" thì còn phải thêm quá trình học tập thầy học của ông ta là Trương Lương là cụ Dĩ Thượng. Tài đức cao rộng của họ vô cùng trong sáng đáng phải noi theo. Việc dạy học của Cụ Dĩ Thượng có biết bao tác dụng, không phải không dạy cho Trương Lương biết về những bộ mặt trơ trẽn, những kẻ không biết hổ thẹn. Đạo lý này đã được Tô Đông Pha nói rất rõ ràng trong "Lưu Hầu Luận". Trương Lương là người sớm có chí hướng tìm hiểu mọi lý lẽ đến nơi đến chốn, hề nói lời nào là giác ngộ người khác, cho nên các bậc lão thành coi là người thầy của Vua chúa. Những điều kể của ông, những người nông cạn thì không thể hiểu nổi cho nên trong sử ký nói: "Lời nói của Trương Lương, người thường không thể hiểu nổi, chỉ có Bái Công biết dùng thôi. Lương nói, Bái công được trời phú cho". Đủ thấy học vẫn như vậy tỏ rõ tư chất con người, những bậc thầy giỏi khó mà đạt được,

những đồ đệ tốt cũng không dễ tìm ra. Khi Hàn Tín xin phong tước Tề Vương, Lưu Bang dường như hiểu lầm, xưa nay toàn dựa vào thầy mình, đứng lên mớm lời cho, na ná giống như các thầy giáo sửa bài tập cho học sinh trong nhà trường. Cái tư chất trời phú cho Lưu Bị có khi còn có sai lầm, sự tinh thông học vấn ở đây có thể thấy được

Tư chất trời phú của Lưu Bang khá tốt, học lực lại sâu, đã phá tất tạt năm đạo luân thường từ xưa truyền lại: Vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè rồi quét sạch những điều lễ nghĩa, liêm sỉ cho nên có thể thu phục được đám anh hùng khác, thống nhất đất nước, xây dựng nhà Hán kéo dài tới bốn trăm mấy chục năm sau. Cho đến khi bộ mặt dày, tâm địa đen tối của ông ta bị tiêu hủy thì hệ thống nhà Hán mới tiêu vong.

Thời kỳ Hán Sở tranh hùng, có một người mặt rất dày, tâm địa không đen tối, cung quy lại thất bại, người đó là ai? Đó là Hàn Tín mà ai nấy đều đã biết. Đã chịu cái nhục là chui qua háng người ta, ông ta có thể nhẫn nhục chịu đựng, mức độ trơ trên không kém gì Lưu Bang. Song ông ta lại thiếu chữ "Hắc" (tâm địa đen tối), khi ông ta làm Tề vương, nếu ông ta nghe lời Bàng Thông, thì quý hóa biết bao, nhưng ông ta lại khăng khăng nhớ tới ân huệ nhường cơm sẻ áo của Lưu Bang nên nói rằng: "Mặc áo của người ta, phải nghĩ tới người cho mình ăn cơm của người ta cho, thì phải làm việc gì cho người ta dù có chết". Về sau chuyện xảy ra ở nhà Trường Lạc Chung khiến ông ta đầu lìa khỏi cổ, di hại tới cả chín họ. Thật là mình làm mình chịu. Ông ta nói về Hạng Vũ là nhờ lòng nhân ái của người vợ, đủ thấy tâm địa ông ta không đen tối, thế mà làm việc vẫn chịu thất bại. Bản thân ông ta biết nguyên tắc lớn ấy, nên cũng không đáng trách Hàn Tín.

Đồng thời lại có một người nữa, tâm địa đen tối mà bộ mặt thì không dày nên cũng chịu thất bại. Người này thì ai nấy cũng biết, họ Phạm, tên Tăng. Lưu Bang công phá Hàm Dương, đem theo cả con nhỏ, vẫn thúc đẩy quân tiến đánh, nhưng không hề xâm phạm vợ vết sợi tơ sợi tóc nào cả. Phạm Tăng thì tâm địa đen tối cũng tựa tựa như Lưu Bang, tìm trăm phương ngàn kế, chỉ mong dồn Lưu Bang vào chỗ chết, chỉ có bộ mặt là không trơ trên nhưng lại nóng tính. Hán vương dùng kế của Trần Bình, bị ly gián với vua Sở, Phạm Tăng dùng dùng nổi giận tìm cách bỏ đi, về đến Bành Thành, bị ung nhọt sau lưng rồi chết. Phàm những người làm việc lớn lại có cái tình khùng nóng nảy như vậy? "Phạm Tăng mà không ra đi, Hạng Vũ mà không chết", nếu họ có thể nhẫn nại một chút, những sơ hở của Lưu Bang vốn có rất nhiều và có thể tiến công dễ dàng. Phạm Tăng phần chí bỏ cuộc, vứt đi tất cả sinh mệnh của mình, cả giang sơn của Hạng Vũ, vì không nhẫn nại được việc nhỏ, đã làm hỏng việc lớn. Tô Đông Pha còn coi ông là nhân vật anh kiệt, liệu có phải là một vinh dự quá đáng lắm không?!

Nghiên cứu những sự việc nói trên, học vấn về "Hậu Hắc Học" là như vậy, phương pháp rất đơn giản, dùng đến lại rất thần diệu, dùng ít hiệu quả nhỏ, dùng nhiều hiệu quả lớn. Lưu Bang, Tư Mã Ý đã học được hết mới thống nhất Trung Quốc được sao? Tôi nói: "Sách Trung Dung của Đạo nho gia

phải nói đến “Vô thanh vô Xú” (không tiếng vang, không thổi) mới đạt được”.

Tóm lại từ thời tam đại cho tới ngày nay, các vương hầu, tướng soái, các hào kiệt, thánh hiền, nhiều đến nỗi không sao kể xiết, cứ xem việc làm của họ thì khắc biết, không có gì nằm ngoài những điều ấy. Sách có ghi chép đầy đủ cả, sự thật cũng khó nói sai. Các độc giả có thể theo con đường mà tôi đã chỉ và tự đi tìm lấy, tự nhiên sẽ thấy ngọn ngành phải trái, đạo lý rõ ràng.

Chương hai

Hậu Hắc Kinh

Lý Tôn Ngô nói: “Không mỏng gọi là dày, không trắng gọi là đen. Người mặt dày trong thiên hạ là kẻ tàn nhẫn”. Bài viết này là tâm pháp (phương pháp tâm lý học) của người xưa truyền thụ cho Tôn Ngô e rằng để lâu sẽ sai lạc đi, nên viết thành kinh sách để người đời sau tiếp thụ. Sách này mở đầu nói đến hai chữ “Hậu Hắc”, nó tản mát trong hàng ngàn hàng vạn sự việc, cuối cùng hợp lại thành Hậu Hắc. Nếu đặt riêng thành nguyên tắc thì có nhiều, nếu vo tròn lại thì ẩn giấu ngay ở bộ mặt và tâm can, nó vô cùng kỳ thú, đều là học thuyết thực dụng cả. Ai thích đọc chơi cho vui cũng được, có nhiều người áp dụng suốt đời cũng không hết.

Nói Hậu Hắc là mệnh trời, nói Hậu Hắc một cách đại thể là Đạo, nói Hậu Hắc được một cách chín chu, Hậu Hắc là giáo, Hậu Hắc là như vậy, không xa rời nó được, nếu xa rời thì không còn là Hậu Hắc nữa. Cho nên quân tử giữ gìn cẩn thận sao không “Hắc”, nguy nhất là mỏng, là trắng, là quân tử phải có Hậu Hắc. Gọi là “Hậu”, tức là không để lộ những nỗi vui mừng, giận, buồn. Nếu để lộ ra mà không e ngại thì gọi là Hắc. Trong thiên hạ có vô khối loại Hậu như vậy, trong thiên hạ cũng rất nhiều người đạt như vậy, trong thiên hạ cũng rất nhiều người đạt được Hắc như vậy. Đạt được Hậu Hắc thì thiên hạ sợ, quỷ thần cũng kiêng nể.

Một chương của Hữu kinh: Tôn Ngô đặt ra những lời thuật lại bí quyết của người xưa không truyền lại. Lời thuật đầu tiên thì nguồn gốc của Hậu Hắc do trời sinh ra không thể thay đổi được, thật ra Hậu Hắc là thứ mình muốn có không thể tách rời. Bí quyết dạy dỗ Hậu Hắc là phải công phu đẩy lên thật cao, muốn học nó phải tự mình gạt bỏ nhân nghĩa bên ngoài. Hậu Hắc giữ cái tự nhiên vốn có của nó. Đó là điều chủ yếu của bài viết này, những lời lẽ dưới đây do Tôn Ngô nêu ra nhằm làm rõ nghĩa của chương này.

Tôn Ngô nói: Đạo của Hậu Hắc dễ mà lại khó, ân nghĩa vợ chồng có thể biết được và nó cũng đến thế mà thôi. Có những cái chưa biết về Tào, Lưu như những điều bất cập của đạo vợ chồng. Đạo Hậu Hắc cũng vậy, Tào Lưu cảm nhận nhiều điều lớn lao của Hậu Hắc, còn tiếc chưa hiểu biết hết, hướng hồ người đời.

Tôn ngô nói: Người ta nói về Hắc (đen), nếu vôi vàng quy nạp cả than vì chỉ là một màu. Người ta nói về Hậu (dày), nếu gặp đạn pháo bắn vào không thể vỡ nổi.

Tôn Ngô nói: Đạo của Hậu Hắc là gốc của mình có thể chinh phục được chúng dân, khảo xét các vua chúa đều không sai, kiểm định lại trời đất không hề trái ngược, quỷ thần không nghi ngờ gì bản chất của nó; các vương hầu, các thánh nhân cả trăm đời cũng không nghi hoặc gì

Tôn Ngô nói: Vua nhờ ở gốc, vững ở Đạo mới lập nên được, Đạo Hậu Hắc cũng vậy, sao không phải là gốc của con người?

Tôn Ngô nói: Trời sinh Hậu Hắc ở ta, người đời không như ta sao?

Tôn Ngô nói: Ta không được thấy Lưu Bang thì nay được thấy Tào Tháo, ta không được thấy Tào Tháo, mà nay được thấy Lưu Bị, Tôn Quyền là được rồi.

Tôn Ngô nói: Một ấp có mười nhà tất có Hậu Hắc như Tôn Ngô, song lại không có thuyết minh của Tôn Ngô.

Tôn Ngô nói: Khi ta chưa ăn hết phần cơm bước vào Hậu Hắc, quả là gặp rút, tất phải đổ ngã.

Tôn Ngô nói: Nếu có tài đẹp như Hạng Vũ, lại biết Hậu Hắc nữa, Lưu Bang không đủ sức địch nổi.

Tôn Ngô nói: Trồng ngũ cốc là đẹp lắm, nếu như không thành thạo thì chẳng khác gì cỏ. Người Hậu Hắc cũng phải thông thạo như vậy đấy.

Tôn Ngô nói: các bậc Đạo học coi Hậu Hắc là giặc sống phải trung tín. Làm phải liêm khiết, ai nấy đều mừng, tự cho là thế, chứ không thể nào là đạo của Tào, Lưu. Nên nói: Hậu Hắc là giặc vậy.

Tôn Ngô nói: Sao lại không hoài nghi những người không Hậu Hắc! Vạn vật tuy dễ sinh ra dưới gầm trời, một ngày nóng, mười ngày lạnh, cũng có những vật chưa ra đời. Ta thấy người ta nói về Hậu Hắc không phải là hiểm, ta đành lui và tìm đến thầy học đạo vậy! Làm sao có được thấy học Đạo như thế? Không chuyên tâm dồn chí mà học thì không đắc đạo được. Tôn Ngô là người phát minh "Hậu Hắc Học", phải để cho Tôn Ngô thu hút thêm hai người Hậu Hắc mới được. Một người chuyên tâm dồn chí, chỉ nghe lời Tôn Ngô nói. Một người dồn hết tấm lòng nghe nhằm đạt tới người thầy học đạo, suy nghĩ, đứng tên cùng các vị thánh hiền, được học như vậy thế đâu phải không gian khổ! Có được tư chất ấy chẳng phải là khổ luyện lắm ru?! Nói: không phải thế.

Tôn Ngô nói: Việc thất bại ở đây, người quân tử tất là làm ngược lại, Ngô này không phải là Hậu, làm ngược lại Hậu tất nhiên thất bại, người quân tử cũng tự làm ngược lại. Ngô này không phải là Hắc nữa, tự phản ngược lại là Hắc, là chịu thất bại? Quân tử nói: người phản tôi thì cũng là người loạn trí vậy thôi! Như thế chẳng khác gì cầm thú! Dùng Hậu Hắc để giết cầm thú cũng là khó làm sao.

Tôn Ngô nói: Đạo Hậu Hắc vừa ác vừa thiện, tựa như sức leo núi gian khổ, chưa thử qua thì không thể tới được. Ví dụ, đi xa tự tất thấy xa, leo cao tự

thấy rằng bản thân không Hậu Hắc không làm gì được cho vợ con ta, không biết dùng Hậu Hắc thì sẽ không thể làm được gì cho vợ con cả.

Tôi viết Hậu Hắc kinh ý muốn giúp cho người mới học, tiện cho việc đọc thành lời để tránh khỏi quên mất. Chẳng qua là có một vài đạo lý sâu xa quá, nên tôi phải thuyết minh thêm trong những lời văn của kinh sách thôi. Tôn Ngô nói: Không dày ư, có mài cũng không mỏng được; không đen ư, có rửa cũng không sáng được. Về sau tôi đổi thành: Không dày ư, càng mài càng dày; không đen ư, càng rửa càng đen. Có người hỏi tôi: "Thế giới làm gì có loại ấy?". Tôi nói: "Vết sẹo ở chân tay, nếu càng mài càng dày; đã dính than bùn nếu càng rửa bụi than càng đen". Da mặt con người rất mỏng, nếu mài xát từ từ thì dần dần sẽ dày thêm. Tâm con người mới sinh ra đã đen, gặp được người giảng giải về nhân quả, người nói về đạo lý, nắm được một vài đạo đức nhân nghĩa, phủ lên mặt mới thấy không đen được. Giả dụ đem rửa sạch những chỗ che phủ ấy, thì cái bản chất của đen lại tự nhiên xuất hiện

Tôn Ngô nói: Cái Hậu Hắc không phải do từ bên ngoài đào luyện, ta vốn có nó rồi. Dân được trời sinh ra có Hậu Hắc. Điều này có thể thí nghiệm: Có thể tìm một bà mẹ, nói bà bế con mình cho nó ăn cơm, đứa bé thấy mẹ cầm bát trong tay, nó sẽ giơ tay ra để kéo, nếu không để phòng nó sẽ đập vỡ bát. Người mẹ cầm trong tay một cái bánh nướng đưa lên miệng, nó có thể với tay giật cái bánh trong miệng mẹ, nhét ngay vào mồm nó. Lại như đứa bé ngồi trong lòng mẹ uống sữa hay khi ăn bánh, thằng anh đến trước mặt nó, nó sẽ giơ tay đẩy thằng anh, đánh thằng anh. Những sự việc ấy đều không học mà có thể làm được, không phải suy tính mà biết được đấy, tức là "Biết giỏi làm giỏi" (Lương tri lương năng) vậy. Đem những điều biết giỏi làm giỏi ấy mở rộng thêm nữa, thì có thể làm nên sự việc kinh thiên động địa được, Đường Thái Tông giết Kiến Thành là người anh ruột, giết Nguyên Cát là em ruột, lại còn đem con cái của Kiến Thành và Nguyên Cát giết sạch cả, đem vợ Nguyên Cát nhốt vào hậu cung, lại bức bách bố phải nhường Thiên hạ lại cho ông ta. Những hành vi ấy của ông ta thật giống khi còn nhỏ giật miếng bánh trong miệng mẹ và đẩy thằng anh ra. Cái thứ biết giỏi làm giỏi ấy như kiểu đánh anh ruột đã được mở rộng ra vậy. Những người bình thường đã biết giỏi làm giỏi mà không biết cái đạo mở rộng thêm ra, duy chỉ có Đường Thái Tông đã mở rộng nó ra được, nên ông ta trở thành một anh hùng thiên cổ. Nên Tôn Ngô nói: Mùi vị ở mồm quên rồi, màu sắc hàng ngày đã quen với vẻ đẹp rồi, nó sẽ hiện lên mặt và in sâu vào trong lòng, sao lại quen thế nhỉ? Mặt và lòng dạ có cùng như nhau không? Gọi là Hậu cũng được, là Hắc cũng được, là người anh hùng đặc biệt biết những cái tai đã quen được biểu hiện trên mặt và lòng dạ của mình.

Đạo lý này của Hậu Hắc đã bày ra rất rõ ràng. Trước mắt, bất cứ người nào cũng thấy được. Chẳng qua, bởi thoát nhìn thấy đã bị những lời văn kinh điển mê hoặc, hoặc học thuyết của một tiên sinh giảng đạo dim xuống che lấp đi mà thôi. Nên Tôn Ngô nói: Cây ở núi Ngưu Sơn đẹp lắm, lại đem trâu bò đến chăn ở đấy. Còn có những người như vậy, sao lại không có Hậu và Hắc vậy thay! Con người làm tan mất Hậu Hắc đi, cũng như người thợ đổi

với cây vậy, ngày nào cũng chặt, thì Hậu Hắc của anh ta không còn nữa. Hậu Hắc không còn, mà muốn làm anh hùng thật khó lắm thay! Người chưa thể trở thành anh hùng vì chưa trải qua Hậu Hắc. Vậy tính con người là ở đâu? Nếu không thể bỏ được bữa ăn, ngày càng dài càng thâm sâu Hậu Hắc, nếu buông lơ việc nuôi dưỡng Hậu Hắc thì Hậu Hắc sẽ kém sút từng ngày đấy.

Tôn Ngô nói: Đứa bé thấy có bánh nướng trong miệng mẹ đều biết cướp đoạt bằng được. Con người ta vốn có lòng dạ cướp miếng bánh trong miệng mẹ, nên có thể đem ra dùng vậy, rồi sau đó mở rộng ra để trở thành anh hùng, trở thành hào kiệt. Thấy như vậy nên nói: Người lớn không để mất lòng ham muốn của trẻ con. Nếu buông lơ không bổ sung cho đủ bảo vệ thân thể có thể coi như là rút thân phận mình đó.

Có một loại người thiên tư vô cùng cao đẹp, họ tự biết rõ cái đạo lý này, đều mang hết sức lực ra làm, rất bí mật không để ai biết. Nên Tôn Ngô nói: hành động mà không đọc sách, tập luyện mà không chịu khó, suốt đời sẽ không biết những kẻ Hậu Hắc nhan nhản đầy ra đấy.

Những học thuyết thế gian đều bị người ta hiểu lầm, duy chỉ có Hậu Hắc thì tuyệt nhiên không thể có ai hiểu lầm được. Dù có đi tới sơn cùng thủy tận, khi làm kẻ hành khất xin miếng cơm ăn, cũng còn hứng thú hơn nhiều so với người khác, nên Tôn Ngô nói: Lớn thì từ Hoàng đế, nhỏ đến kẻ hành khất, cũng đều lấy Hậu Hắc làm cái gốc cho mình.

“Hậu Hắc Học” rất rộng lớn, uyên thâm. Người sở hữu nó sẽ trở thành người đặc đạo, cần phải chuyên tâm dồn chí học qua một năm, mới có thể ứng dụng. Học qua ba năm mới có thể thành công to được. Nên Tôn Ngô nói: “Nếu như là người Hậu Hắc, thì cố gắng hết tuần hết tháng ắt được. Ba năm sẽ thành công”.

Chương ba

TẬP LỤC HẬU HẮC TRUYỆN

Có người hỏi tôi rằng: “ Ông phát minh ra “Hậu Hắc Học”, tại sao ông làm việc gì cũng đều thất bại? Tại sao bản lĩnh học trò của ông cao hơn ông, việc nào ông cũng đều thua chúng cả?”

Tôi nói: “Ông nói thế sai rồi. Phàm những nhà phát minh đều không đủ sức leo lên tận đỉnh cao được. Đạo giáo là do Khổng tử phát minh, Khổng Tử đã leo lên tận đỉnh cao rồi, học vấn của Nhan, Tăng, Tử, Mạnh còn thấp hơn một bậc, học vấn của các vị sau này như Châu, Trình, Chu, Trương còn thấp hơn một bậc nữa. Càng theo thầy kiểu đó càng thấp, nguyên nhân của nó là vì bản lĩnh của giáo chủ quá lớn. Đại loại học vấn của những người phương

Đông đều như thế cả. Lão tử trong Đạo giáo, Thích ca trong Đạo phật đều có cùng hiện tượng như vậy. Duy chỉ có khoa học phương tây lại không như thế, khi phát minh còn rất thô thiển, càng nghiên cứu càng tinh vi sâu sắc hơn. Người phát minh ra hơi nước chỉ biết cái lý của hơi nước sôi bốc lên làm bật nắp đậy nồi. Người phát minh ra điện chỉ biết được cái sự vận động của con ếch chết, những người đi sau tiếp tục nghiên cứu, chế ra các loại máy móc có biết bao tác dụng mà người phát minh ra điện và hơi nước, trước đó không có thể ngờ được. Đủ thấy rằng khoa học của phương Tây là người sau hơn hẳn người trước, học trò đã vượt hơn thầy dạy. “Hậu Hắc Học” của tôi giống như khoa học của phương Tây, tôi chỉ có thể nói lên hơi nước bốc lên làm bật cái vung nồi, sự vận động của con ếch chết. Trong đó có biết bao đạo lý, rồi mong chờ người sau nghiên cứu nữa, bản lĩnh của tôi kém hơn các học trò, gặp họ tất nhiên sẽ thất bại. Bản thân họ lại bị các học sinh họ dạy cho sau này đánh bại. Đời sau sẽ thắng đời trước, tự nhiên “Hậu Hắc Học” sẽ sán lạn lên nhiều!”

Lại có người hỏi: “Ông nói “Hậu Hắc Học” thần diệu như vậy, tại sao không thấy ông làm được một số việc thật oanh liệt?”

Tôi nói rằng: “Tôi xin hỏi, Khổng Phu Tử của chúng ta rốt cục làm được bao nhiêu việc oanh liệt cơ chứ? Những điều mà ông ta nói là để làm chính trị, xây dựng các vương quốc, một nước có dư ngàn đạo lý, rút cục thực hiện được mấy việc cho một nước có nền chính trị tốt đẹp?

Bộ sách đại học do Tăng Tử viết chuyên nói về trị quốc bình thiên hạ, xin hỏi sự trị quốc của ông ta ở nơi nào? Thiên hạ thái bình ở đâu? Bộ sách Trung Dung của Tử Tư đã viết về “Trung hòa vị dục” (là chủ nghĩa trung dung, không thiên về một bên nào cả, hoặc không thiên về một bên nào thái quá hoặc thiên về sự bất cập), xin hỏi chủ trương “Trung hòa vị dục” của ông được áp dụng ở đâu vậy? Ông không đi hỏi các vị ấy, mà quay lại chất vấn tôi. Khi gặp được những người thầy sáng suốt, còn đạo lý thì khó nghe, những phương pháp tinh vi sâu sắc và khéo léo chưa từng có ấy có tới hàng nghìn hàng vạn nhưng khó gặp. Ông đã nghe mà vẫn hoài nghi, thế thì sao tránh khỏi tự mình đã lầm?”

Năm Dân Quốc thứ nhất, khi tôi công bố “Hậu Hắc Học”, gặp người bạn họ La, mới làm việc ở huyện X, đã từng xem xét biết bao công việc nói một cách rất vui mừng rằng, phải chỉnh đốn như thế nào. Lại nói: Vì một việc nào đó, đã bị thất thố, vứt bỏ chức quan rồi, vụ án đến nay vẫn chưa kết thúc được, rồi thấy vô cùng chán nản. Tiếp đó lại bàn đến “Hậu Hắc Học”, tôi nói cho ông ấy biết tất cả nguyên văn, ông ấy được nghe tỏ ra rất thích thú vị; nhân lúc ông ta say sưa nghe, tôi đứng phắt dậy, đập bàn, đánh giọng lại nói: “Ông La! Ông làm việc cả đời, lúc thắng lúc bại, rút cục nguyên nhân thành công của ông ở đâu? Nguyên nhân thất bại ở chỗ nào? Tóm lại ông có thể bỏ sót hai chữ Hậu Hắc được không? Nhanh lên! Nhanh lên! Không được phép chậm trễ, hoài nghi nữa”.

Ông ta nghe lời tôi nói, như tiếng sét bên tai, ngậy ra một lúc lâu mới than thở rằng “Quả không thể rời hai chữ ấy ra được”. Ông bạn họ La ấy, cuối cùng có thể nói là một thẳng góc.

Tôi công bố “Hậu Hắc Học” đã dùng hai chữ biệt hiệu là “Độc Tôn” với ý muốn nói: “Trong thiên hạ có tôi là Độc tôn mà thôi”. Viết thư cho bạn bè cũng dùng biệt hiệu, cuối cùng tôi lại viết là Thục Tù. Có người hỏi: “Giải thích hai chữ Thục Tù là như thế nào?”

Tôi trả lời: “Tôi công bố “Hậu Hắc Học”, có người nói tôi là điên rồ, xa rời kinh sách, phản lại Đạo không thể không nhốt vào trại những người điên”. Thế thì tôi đã trở thành kẻ tù tội ở đất Thục rồi, vì thế biệt danh là Thục Tù.

Sau khi tôi công bố “Hậu Hắc Học”, rất nhiều người ra sức thực hành, làm cho Tứ Xuyên thành một vương quốc Hậu Hắc. Có người hỏi tôi: “Thủ lĩnh Trung Quốc không phải ông thì còn ai nữa?”.

Tôi nói: “Thế thì tôi đã trở thành Tù trưởng ở đất Thục rồi”. Vì vậy mới lấy tên là Thục tù. Tôi giảng giải “Hậu Hắc Học”, lại có người trở thành đệ tử chăm chỉ của tôi, mặc áo, dùng bát kiểu của tôi. Nhưng cuộc sống của tôi là đến các nhà đưa bát xin cơm. Cái bát ấy phải giữ lại để dùng, chỉ còn cái áo da chó của tôi cho anh ta mặc, cho nên chữ Độc đã mất theo con chó, thành chữ Thục. Những đệ tử cao thủ của tôi có rất là nhiều, đệ tử tốt là cao thủ (tác giả viết cao túc, là chân cao) còn thầy dạy là loại thấp kém. Chân của đệ tử cao tới một trượng, còn chân của Thầy dạy chỉ ngắn một tấc, cho nên chữ Tôn lược bỏ chữ “Thốn” (nghĩa là 1 tấc) thành ra chữ “Tù”, vì nguyên nhân ấy tôi đành gọi là “Thục Tù” vậy.

Tôi phát biểu về “Hậu Hắc Học”, nói chung những người đã đọc, nói rằng: “Học vấn của ông về bộ môn này uyên thâm rộng lớn, chúng tôi đã đọc cuốn sách đó, tựa như đọc Trung Dung, Đại học nói chung, không rời khỏi tay được, xin hãy vì cái thân phận thấp hèn mọn của chúng sinh, hãy nói lên tất cả những cách thực hiện, truyền thụ tất cả những cách thực dụng nữa, chúng tôi mới có thể theo đó để làm cho tốt được”

Tôi trả lời: “Các vị muốn làm cái gì cơ?”. Đáp rằng: “Tôi muốn làm quan, hơn nữa còn muốn làm sao rất oanh liệt, nói chung mọi người đều muốn làm đại chính trị gia cả”. Vì thế tôi đã truyền cho họ, “Sáu chân ngôn cầu làm quan”, “Sáu chữ chân ngôn để làm quan” và “Hai cách làm việc khéo”

SÁU CHỮ “CHÂN NGÔN” CẦU LÀM QUAN

Sáu chữ “Chân ngôn” cầu làm quan: “KHỔNG, CỔNG, XUNG, PHỦNG, KHỦNG, RỔNG”. Ý nghĩa của sáu chữ này rất nổi tiếng như sau:

1. Khổng:

Tức là rối rắm, chia làm hai loại: Một là, nói về công việc, người cầu làm quan phải bỏ mọi công việc ra ngoài đã, không làm thợ, không buôn bán, không nghĩ đến việc cày bừa, cấy hái, cũng không học hành, người làm quan phải kiên nhẫn, không thể vội vàng, hôm nay không được thì ngày mai lại tới, năm này không được thì sang năm lại tới

2. Cống:

Chữ cống này mượn trong tục ngữ của Tứ Xuyên. Ý nghĩa của nó tương tự như xiên thủng "Xiên vào rồi lại xiên ra", có thể nói là "Cống nạp vào lại rút lấy ra được". Cầu làm quan thì phải xiên thủng, đó là điều ai nấy đều biết, những định nghĩa thật không dễ, có người nói: "Định nghĩa của chữ Cống là có lỗ thủng thì phải xiên vào". Tôi nói: "Thế thì sai! Nói như vậy mới được một nửa, có lỗ thủng phải xiên, không có lỗ thủng làm sao xiên vào được". Định nghĩa của tôi là: "Có lỗ thủng phải xiên, không có lỗ thủng cũng phải xiên. Có lỗ thủng rồi phải khoan rộng ra, không có lỗ thủng thì phải lấy cái dùi xiên một lỗ thủng mới"

3. Xung:

Lời nói phổ thông là: "Huênh hoang, khoác lác", ngôn ngữ của Tứ Xuyên là: "Bỏ đi cái đội đầu", vứt bỏ trong lời nói và trên cả chữ nghĩa. Trong lời nói lại chia thành nói với dân thường và đứng trước mặt "cụ lớn", trên chữ nghĩa cũng lại chia thành hai loại: báo, tạp chí và các thiếp trần.

4. Phủng:

Tức là nịnh, có dáng điệu nịnh nọt, giống như Hoa Hâm khúm núm trước Ngụy công trên sân khấu là một điển hình.

5. Khủng:

Có nghĩa là làm cho sợ hãi, là một động từ cập vật. Đạo lý của chữ này rất tinh vi, sâu sắc, tôi không dám nhiều lời. Chức quan là một vật cao quý nhường nào, làm sao có thể cho người khác một cách dễ dàng được? Có người chia chữ "Phủng" thành 12 vạn phần mà vẫn không đạt hiệu quả, vì không hiểu hết ý nghĩa của chữ "Phủng". Phàm là vị quyền cao chức trọng đều có chỗ yếu kém, chỉ cần tìm ra được điểm yếu của vị ấy, điểm nhẹ một huyết, vị ấy sẽ hoảng hốt sợ hãi, lúc ấy lập tức đem chức quan ra tặng anh. Người học cần phải biết "Khủng" và "Phủng" có tác dụng tương hỗ. Người giỏi chữ "Phủng" thì trong nịnh có "Khủng", người ngoài nghe những lời anh ta nói trước mặt "cụ lớn" thì câu nào cũng thấy đón đưa, vâng dạ, thực ra họ lại ngầm đánh vào điểm yếu. "Cụ Lớn" nghe rồi toát mồ hôi hột. Người giỏi chữ "Phủng", trong "Khủng" có nịnh, người ngoài coi anh ta là ngạo mạn, câu nói nào cũng trách cứ "cụ Lớn" thật ra người được nghe thì hài lòng, hân hoan và gân cốt lại "rã rời", "trời mà sáng suốt, người khác được nhờ", "người thợ giỏi cho người quy cách, không thể cho người tay nghề

giỏi". Người cầu làm quan phải hiểu từng ly từng tý là điều rất cần thiết, khi dùng chữ "Khủng" phải hết sức thận trọng, suy xét kỹ, nếu dùng quá mức, những bậc bề trên sẽ từ chỗ bị si nhục thành phần nô, làm như thế không phải là phần lại cái tôn chỉ lớn của việc cầu làm quan hay sao? Đó là điều khó xiết bao, khi hoặc cần đến mới dùng, không thể dùng chữ "Khủng" một cách nông cạn.

6. Tống:

Tức là biếu quà, có thể chia làm 2 loại lớn nhỏ:

Biếu lớn: đem những bọc tiền, ngân phiếu đưa đi; Biếu nhỏ: thực hiện tặng quà tết, chân giò thui và mời đến quán ăn. Chia người được biếu làm hai loại: một là người có chức vụ thao túng quyền lực, hai là người chưa nắm quyền lực, nhưng lại có thể là trợ thủ của ta.

Thực hiện được 6 chữ trên, chắc chắn mỗi chữ đều đem lại những hiệu quả kỳ diệu. Các vị tai to mặt lớn khi ngồi một mình thường nghĩ và tự nói: "Anh X muốn làm quan, đã nói nhiều lần (đó là tác dụng hiệu quả của chữ "Không"). Hẳn và ta có quan hệ gì? (đó là tác dụng của chữ "Cống"). Anh X có nhiều tài trí (đó là tác dụng hiệu quả của chữ "Xung"), hẳn đối với ta rất tốt (đó là hiệu quả của chữ "Phủng"), nhưng người này có lắm mưu mẹo, nếu không bố trí, sẽ xảy ra rắc rối (đó là hiệu quả của chữ "Khủng"), nghĩ đến đây, quay đầu lại nhìn những đồng đen sì hoặc sáng long lanh đầy ắp trên bàn (đó là tác dụng hiệu quả của chữ "Tống"), không có gì phải nói thêm nữa, treo bài ngà lên, khuyết điểm nào đó là do anh X đưa lại. Cầu làm quan đến đây coi là mọi việc đã làm viên mãn. Vì thế cứ việc lên ngựa nhận chức, rồi thực hành chân ngôn 6 chữ của người làm quan.

SÁU CHỮ "CHÂN NGÔN" CỦA NGƯỜI LÀM QUAN

Chân ngôn sáu chữ của người làm quan: "KHÔNG, CUNG, BĂNG, HUNG, LUNG, LỘNG". Ý nghĩa của sáu chữ này như sau:

1. Không:

Có nghĩa là rỗng tuếch. Một là trên văn tự: phàm những văn bản trình báo cấp trên, ra thông báo, đều chỉ là những lời lẽ chung chung, trống rỗng, trong đó kỹ năng viết rất khéo; tôi khó có thể nói kỹ, nếu tới các cơ quan quân chính, đọc hết các chữ văn bản dán trên tường sẽ hiểu hết thôi. Hai là, khi làm việc đều linh hoạt sống động, nghiêng sang tây cũng được, ngả sang đông cũng xong, có khi làm như sấm vang bão táp, thật ra bên trong lại lén lút tìm đường tháo lui, nếu thấy tình thế không lợi thì có thể quay người đi theo con đường khác, quyết không thể trói buộc bản thân mình.

2. Cung:

Có nghĩa là cung kính, khép nép, so vai, rụt cổ chia làm 2 loại trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp là nói với cấp trên, gián tiếp là nói với bạn bè thân thích, lính của cấp trên và các ông nọ bà kia.

3. Bǎng:

Tục ngữ gọi là bệ vệ, một chữ trái nghĩa với chữ "Cung": Nếu nói với cấp trên và dân chúng thì chia làm hai cấp: Một là, biểu hiện bề ngoài tỏ ra là một nhân vật oai nghiêm, không ai xúc phạm được; hai là, trong trò chuyện tỏ ra đầy kính sách, thông hiểu đại tài. Nói về chữ "Cung" đối với bát cơm trên mặt đất thì bắt tất phải coi là trên mặt đất, nói về chữ "Bǎng" khi không có bát cơm trên mặt đất thì bắt tất phải coi nhất định là cấp dưới và dân chúng. Khi quyền của bát cơm không thuộc về cấp trên; khi quyền cái bát cơm thuộc cấp dưới hoặc dân chúng, lại đổi "Bǎng" thành "Cung". Đạo lý của ta phải tỏ ra linh hoạt, vận dụng khéo léo và chỉ nằm trong suy nghĩ mình biết mà thôi.

4. Hung: Chỉ có thể đạt được mục đích của ta khi bắt người khác quy phục, dù phải bán vợ đợ con cũng không được oán ghét nhưng phải chú ý một lớp vỏ nhân nghĩa đạo đức, phải phủ trên chữ "Hung"

5. Lung:

Tức là tai điếc: "Ai chê cười chửi mắng cũng mặc, làm quan ta cứ làm" nhưng trong người điếc còn hàm nghĩa người mù nữa, nếu trên văn bản, đơn từ có tỏ ra bức tức thì nhắm mắt không cần xem.

6. Lộng:

Tức là làm Tiên. Rồng bay đến đây kết huyết, mười một chữ đặt ra ở trên đều phải nhằm vào chữ này. Chữ "Lộng" và chữ "Tống" trong cầu làm quan là hai mặt đối chiếu nhau, có biểu thì có móc. Phải hết sức chú ý chữ "Lộng" này là trong công việc làm sao phải chạy việc mới thành công, có khi không được việc dù phải móc túi ra cũng không sao; nếu được việc móc bao nhiêu cũng không cần khách khí làm gì.

Tôi chẳng qua mới hiểu thô thiển mười hai chữ trên đây, còn nhiều nghĩa tinh vi của nó chưa thể phát huy được. Những bậc làm quan có chí, có thể theo đó tìm ra bí quyết, xin tự nghiên cứu lấy.

HAI CÁCH LÀM VIỆC KHÉO

1. Cưa mũi tên:

Có một người bị tên bắn trúng mời thầy thuốc ngoại khoa đến chữa. Thầy thuốc cưa cán mũi tên, rồi đòi lễ tạ. Hỏi ông ấy tại sao ông ấy không rút đầu mũi tên ra. Thầy thuốc nói: đó là việc của khoa nội. Ông hãy tìm thầy thuốc khoa nội thì hơn. Đây chỉ là một mẩu chuyện xưa truyền tụng lại.

Sự làm việc của các cơ quan và các ông lớn đều dùng cách làm việc như thế cả:

Ví dụ phê một đơn từ: “Căn cứ đơn từ được đề trình lên, không thuộc cấp tôi giải quyết, sẽ gửi về quan huyện điều tra xem xét, xử lý nghiêm minh”. “Không thuộc cấp tôi”, mấy chữ này là cách cưa đứt cán mũi tên “việc của quan huyện” là thuộc về khoa nội. Lại có người cầu cạnh tôi làm một việc, tôi nói: “Tôi rất tán thành việc này, thế nhưng, còn phải thương lượng với một người nữa”. Ba chữ “Rất tán thành” là “cắt cán mũi tên”, “Một người nữa” là khoa nội; hoặc lại nói: “Tôi sẽ làm trước một phần việc, “sau đó” là thuộc “khoa nội”. Có người chỉ cắt mũi tên, chứ không phải bảo người ta tìm khoa nội, cũng có khi không thềm cắt mũi tên, đã bảo người ta đi khoa nội, thật là đủ mọi cách xoay. Cứ suy xét kỹ khắc hiểu được.

2. Cách hàn nôi

Nồi nấu cơm bị dò, mời thợ hàn nôi đến hàn nôi, người thợ hàn dùng một mảnh sắt cạo nhỏ dưới đáy nồi, một mặt nói với chủ nhà: “Xin ông nhóm lửa để tôi đốt bụi than nhỏ nôi”; khi chủ nhà quay người đi nhóm lửa, anh ta lấy búa gỗ nhẹ mấy cái vào đáy nồi, vết nứt ấy đã rộng ra nhiều, và khi chủ nhà quay lại, anh ta chỉ cho chủ nhà xem, và nói: “Vết nứt trong đáy nồi này của ông rất dài, mỡ bên trên phủ kín, không nhìn thấy được, tôi cạo nhỏ than thì đã hiện rõ lên rồi, nếu không chèn mấy cái đinh vào thì không được”. Chủ nhà cúi đầu xuống xem: “Giỏi, Giỏi! hôm nay không gặp được anh, thì e rằng cái nồi này không dùng được nữa”. Sau khi hàn xong, chủ nhà và thợ hàn nôi đều rất vui mừng và anh thợ hàn ra đi.

Trịnh Trang Công dung túng Công Thúc Đoạn khiến hãn làm nhiều điều bất nghĩa, nên mới cất công trừng trị, đó là một cách hàn nôi. Trong lịch sử có rất nhiều loại này. Có người nói: “ Ở Trung Quốc đổi nhiều cách làm, có rất nhiều nơi làm cả việc cắt thịt ra để chữa bệnh”. Đó chính là các quan lớn thay đổi cách làm, dùng theo cách hàn nôi mà thôi. Trong chốn quan trường nhà Thanh trước kia đại để đều dùng cách cưa cán tên và hàn nôi hỗ trợ nhau.

Hai cách làm khéo nói trên đây là những ví dụ chung của cách làm việc, vô luận là xưa hay nay, trong hay ngoài nước, nếu hợp với những ví dụ chung ấy thì đều thành công. Làm ngược với ví dụ chung ấy sẽ thất bại. Quản Trọng là nhà chính trị lớn của Trung Quốc, ông ta làm việc đều dùng hai cách đó. Người Địch (dân tộc ít người ở miền Bắc Trung Quốc, xưa kia gọi là dân man rợ) đánh nước Vệ, nước Tề án binh bất động, chờ đến khi người Địch đánh tan nước Vệ, mới ra tay nghĩa cử “Hưng binh để cứu nước bị diệt”, đó là cách hàn nôi. Không nên trách nước Sở tiếm xưng Vương miện với chiến dịch Triệu Lăng, mà trách vua nước Sở chiếm đoạt tất cả mà không chịu cống nạp, đó là cách cưa cán mũi tên vậy.

Thời ấy thực lực nước Sở thắng nước Tề không khó lắm, song Quản Trọng dám khuyên Tề Hoàn Công cử binh đánh Sở, có thể nói là đập nát đáy nồi để hàn lại. Đến khi nước Sở tỏ rõ thái chống lại, ông ta lập tức làm cái việc kiểu như cửa cán mũi tên. Chiến dịch Triệu Lăng là kiểu lúc đầu dùng cách hàn nồi, cuối cùng dùng cách cửa cán mũi tên, Quản Trọng gỡ đáy nồi nát ra rồi lại có thể hàn lại được. Cho nên gọi là bậc kỳ tài trong thiên hạ.

Viên quan Võ Minh Quý đã mang quân vây chặt bọn giặc cỏ, lại cố ý cho chúng chạy ra. Đó là dùng cách hàn nồi. Sau đó không chặn được chúng đến nỗi đất nước bị tàn phá, vua bị giết. Đập nát nồi khiến không hàn được nữa cho nên gọi là “kẻ bầy tôi ngu xuẩn phạm tội với quốc gia”. Nhạc Phi muốn khôi phục Trung Nguyên đã đón Nhị Đế trở về, ông ta chỉ mới vừa có ý đồ rút mũi tên ra đã bị rước lấy tai họa bị giết. Minh Anh Tông trước đó cũng bị bắt, Vu Khiêm đưa vua trở về, ý đồ là rút hẳn mũi tên ra, nhưng vẫn chuốc lấy tai họa bị giết. Vậy, nguyên do ra sao? Vì đã vi phạm những ví dụ chung.

Tể tướng Vương Đạo của triều đình nhà Tấn khi có một tên phản tặc, không cất quân đi đánh. Đãi Khản trách tể tướng, ông ta viết thư trả lời: Ta luôn mong mỗi ngày đêm chờ tặc hạ. Khản xem bức thư này cười và nói: “Ông ta chẳng mong mỗi ngày đêm” gì đâu. Vương Đạo “mong mỗi ngày đêm” để chờ Đào Khản, tức là đẩy đầu mũi tên chờ thầy thuốc khoa nội. Các quan khóc lóc ở triều đình, Vương Đạo biến sắc mặt nói: “Đương lúc hợp sức cứu Vương Thất, khắc phục thần châu, làm gì đến nỗi làm tù nhân cho Sở mà phải khóc”. Ông ta ra mặt bất bình nghiêm nhiên trừng mắt... ra điều sẽ đi hàn nồi, thực ra chỉ nói vài câu lời lẽ đẹp, rồi coi thế là xong. Tưởng nhớ Nhị đế đang bị giam cầm ở miền Bắc, suốt đời không thể trở về, mũi tên vẫn chưa rút ra được, hành động đó của Vương Đạo, có vài chỗ giống như Quản Trọng, vì vậy trong lịch sử gọi ông ta là “Giang tả di Ngô” (Kẻ thích ở ngoài vùng Giang Tả - Ý nói là kẻ phản bội). Nếu độc giả thực hành theo những cách làm mà tôi đã nói, đảm bảo sẽ trở thành con cháu Quản Trọng, một nhà chính trị lớn bậc nhất.

KẾT LUẬN

Tôi đã nói hết “Hậu Hắc Học” rồi, đặc biệt muốn nói với các độc giả một bí quyết, phàm khi sử dụng Hậu Hắc, thì nhất định phải thoa lên mặt một lớp nhân nghĩa đạo đức, chớ không để nó biểu hiện ra một cách lộ liễu. Sự thất bại của Vương Mãn là do cái nguyên cố để lộ ra hết cả. Nếu Vương Mãn suốt đời không để lộ thì e đến nay trong miếu của Khổng Tử còn có thể viết “Bài vị bậc tiên nho Vương Mãn” được ăn quá nhiều thịt lợn nguội (Tác giả dùng chữ “thịt lợn nguội” là những vật mang đến lễ ở đền, miếu, ý châm chọc cay độc).

Trong bài “Khó nói” của Hàn Phi Tử có nói: “Hãy dấu kín lời anh nói, và chỉ lộ cái gì biểu lộ trên người anh”. Phàm là học trò của tôi nhất định phải hiểu

được cung cách đó. Giả dụ có người hỏi anh: "Có thừa nhận Lý Tôn Ngô không?". Bạn hãy dùng sắc mặt rất nghiêm trang và nói rằng: "Người đó cực kỳ xấu, hẳn nói về "Hậu Hắc Học", tôi không thừa nhận hẳn được". Mồm tuy nói như thế, còn trong lòng lại rất cung kính, cung kính coi như: "Lý Tôn Ngô là một vị đại thánh, là tổ sư của thánh". Nếu có thể làm được như vậy, thì bảo đảm bạn sẽ làm nên rất nhiều sự nghiệp kinh thiên động địa, được người đời ngưỡng mộ. Sau khi chết còn được đưa vào miếu của Khổng Tử ăn thịt lợn nguội nữa. Cho nên mỗi khi tôi nghe người ta chửi tôi, tôi rất vui mừng, nói rằng: "Đạo của ta được thực hiện nhiều đấy"

Tôi nói: "Phải bồi một lớp nhân nghĩa đạo đức bên ngoài Hậu Hắc". Đó là chỉ nói khi gặp các Thầy giảng dạy về đạo đức. Giả dụ khi gặp những bạn bè mà nói đạo đức, bạn cũng cùng hẳn nói nhân nghĩa đạo đức, thế chẳng thú vị hay sao? Lúc ấy phải bồi lên bốn chữ "Thần thánh kính yêu". Chẳng lẽ hẳn không gọi bạn là "đồng chí" hay sao? Tóm lại, ngoài mặt phải bồi thêm một lớp gì, để người học tâm thần tỉnh táo, tùy thời ứng xử, nhưng không bỏ rơi tôn chỉ mục đích mà phụng sự hai chữ Hậu Hắc, có chí thì nên.

Phần 2

HẬU HẮC TÙNG THOẠI

SỬ QUAN VỀ HẬU HẮC, TRIẾT LÝ HẬU HẮC, ỨNG DỤNG HẬU HẮC HỌC, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN HẬU HẮC HỌC

Tác giả phát minh "**Hậu Hắc Học**" vào những năm cuối thời Mãn Thanh, chú yếu nói về những anh hùng hào kiệt trong 24 bộ sử, những bí quyết thành công của họ, không ngoài 4 chữ: "**Mặt dày, tâm đen**", nêu ra những sự thật của lịch sử để dẫn chứng. Năm Dân Quốc nguyên niên đưa đăng tải trong Công luận nhật báo ở thành đô. Bài này viết ra để đùa vui, nào ngờ từ đó về sau, ba chữ "**Hậu Hắc Học**" lại tràn ngập ở Tứ Xuyên, trở thành một danh từ phổ thông, tôi cũng không hiểu ra sao. Mỗi khi gặp những người bạn không quen biết, người khác giới thiệu, nói rằng: "Đây là ông Lý, người phát minh ra "**Hậu Hắc Học**"". Thế là ba chữ Lý Tôn Ngô và ba chữ "**Hậu Hắc Học**" được hợp thành một, giống như Thích Ca Mâu Ni hợp làm một với Phật giáo, Khổng Tử hợp làm một với Nho giáo vậy.

Có một lần ngồi trong bàn làm việc, một ông chỉ vào tôi và nói với mọi người: "Ông này họ Lý, tên Tôn Ngô, là người tiên tiến của "**Hậu Hắc Học**"". Tôi vội vàng lên tiếng thanh minh: "Ông nói sai rồi, tôi là tổ sư của "Hậu Hắc Học", các ông mới là những người tiên tiến của "**Hậu Hắc Học**". vị trí của tôi ngang hàng với Thích Ca Mâu Ni trong Phật giáo, Khổng Tử trong Nho giáo". Đương nhiên tôi xưng là Tổ sư, các bạn tự liệt mình vào những người đứng bên cạnh, ngang hàng với 12 người đứng bên cạnh của Thích Ca Mâu Ni, Tứ khoa thập triết (**là những học trò giỏi của Khổng Tử được**

chia thành 4 khoa: Đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; Khoa chính sự có Trọng Hữu, Quý Lộ; Khoa văn học có Tử Du, Tử Hạ; Khoa ngôn ngữ có Tử Cống, Tế Ngã và Thập triết: trong số môn đồ của Khổng Tử có 10 nhà hiền triết: Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Trọng Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ, Tử Cống, Tế Ngã) của Khổng Tử, đối với những người bình thường khác, đương nhiên được xưng là những phần tử tiên tiến.

"Hậu Hắc Học" là bí quyết từ thiên cổ không truyền lại, tôi đã khám phá được ra, có thể gọi là một công lớn như ở thời Ngu Công vậy. Mỗi khi đến một nơi nào đều có người mời tôi nói về **"Hậu Hắc Học"**, đời tôi ôm ấp cái học thuyết không được truyền lại, không dám nhận là của riêng, đành phải chịu nhần nại học tập nghiên ngẫm rồi theo đó viết ra, cho nên đặt tiêu đề là **Hậu Hắc Tùng Thoại**

Có người phản bác tôi rằng: "Từ xưa đến nay đâu có hiếm những kẻ mặt dày mặt dạn, tâm địa đen tối! đó là việc cực kỳ phổ biến, sao ông lại dám mạo xưng là người phát minh?" Tôi nói: "Cái gọi là nhà phát minh cũng giống như một kỹ sư khoáng sản tìm những khoáng vật như than đá, sắt thép. Đâu có phải là kỹ sư khoáng vật bỗng nhiên lấy được những khoáng chất chôn sâu dưới đất, trong đất vốn vốn đã có than đá, sắt thép, kỹ sư khoáng sản đào bỏ đi lớp đất đá trên mặt đất, các khoáng vật than đá, sắt thép tự nhiên xuất hiện, như thế được gọi là phát minh rồi. Hậu Hắc là cái vốn có của con người, nhưng bị che lấp bởi Tứ Thư, Ngũ Kinh, Tong nho ngữ lục và Cảm ứng thiên (những luận văn viết về sự cảm ứng của trời đất), Âm chất văn (những luận văn viết về sự phúc đức mà chỉ có quỷ thần mới biết được), Giác tế chân kinh (một loại kinh nhà phật giác ngộ người đời). Tôi quét sạch bụi, khiến **Hậu Hắc** đều hiện ra cả, có thể gọi là nhà phát minh vậy"

Niu – tôn (Newton) phát minh ra sức hút, sức hút này cũng không phải Niu – tôn mang lại, từ khi khai thiên lập địa, lòng đất đã có sức hút, đã trải qua hàng triệu năm mà không ai biết, đến khi Niu – tôn ra đời mới phát hiện ra được. Học vấn về môn học Hậu Hắc này, từ thời xưa đến nay chưa có ai nghiên cứu. Đã không làm thì không viết được, học tập mà không mài rũa cho rõ, cho đến khi Lý Tôn Ngô ra đời, mới phát hiện ra được nó. Niu – tôn có thể là nhà phát minh sức hút, Lý Tôn Ngô đương nhiên có thể gọi là nhà phát minh **"Hậu Hắc Học"**

Có người nói với tôi: "Nước ta năm này qua năm khác không ngừng rối loạn, chính là do kẻ này người khác thực hành hậu hắc học nên mới gây ra sự đổ bể như vậy, nay lại bị nước láng giềng hùng mạnh chèn ép, chính vì thế mà nạn vong quốc đang ở trước mắt, ông còn để sự sống ra **"Hậu Hắc Học"** làm gì?". Tôi nói: "Chính vị họa mất nước đang ở trước mắt nên cần đề xướng **"Hậu Hắc Học"**. Có nghiên cứu kỹ môn học này mới có thể bình định được tình hình rối loạn trong nước, mới có thể đối ngoại được, Hậu Hắc là thứ kỹ thuật để giải quyết công việc, giống như dùng quyền thuật đánh người vậy.

*Các ông đều đã biết: Phàm những nhà thuật quyền đều phải đóng cửa luyện tập mấy năm, sau đó mới có thể đấm đá với người khác được. Từ Tân Hợi đến nay đã có biết bao kẻ nổi lên làm loạn đều là những đệ tử môn học này của tôi cả, còn có cả đệ tử của các trường tư thục nữa, thực tập ngay ở thực địa. Các sư huynh sư đệ của họ, cọ xát đấm đá lẫn nhau, đến nay đã 24 năm rồi, coi như là đã tập luyện xong. Họ mở cửa xong ra, đấm đá với người khác, có thể gọi là: "Lấy mình chế ngự kẻ địch, kẻ địch nào không lui; lấy cái đó để lập công, trận đánh nào mà không thắng". Tôi dựa vào kiến giải này, đặc biệt nêu ra một khẩu hiệu: "Hậu Hắc cứu quốc". Xin hỏi những người đang sống, muốn chống lại các nước mạnh có cách nào khác ngoài "**Hậu Hắc Học**"? cho nên không thể không viết "Hậu Hắc Học" vậy".*

Chống lại các nước mạnh phải có lực lượng, những người trong nước đều nghiên cứu sâu sắc "**Hậu Hắc Học**", mới có thể coi là có năng lực. Ví dụ, bắn tên thì tên phải bắn ra thật trúng. Xưa kia người ta ra khỏi cửa thì bà con và anh em bắn lẫn nhau, anh bắn tôi và tôi bắn anh. Còn ngày nay lấy các nước mạnh làm mục tiêu để bắn mũi tên nào cũng hướng vào bia ấy mà bắn, sở dĩ tôi gọi "**Hậu Hắc cứu quốc**" là như thế đấy.

Người xưa đã từng làm "**Hậu Hắc cứu quốc**", như Việt vương Câu Tiễn. Sau khi ở Cối kê thất bại, Câu Tiễn tự mình xin làm bầy tỳ cho Ngô vương, đưa vợ vào làm tỳ thiếp trong cung Ngô vương, đó là bí quyết của "Hậu". Về sau cử binh đánh Ngô, Phù Sai sai người đến khóc lóc xin tha, cam chịu xin làm bầy tỳ, đưa vợ ra xin làm tỳ thiếp, Câu Tiễn không buông tha, không biết Phù Sai không được, đó là bí quyết của "**Hắc**" vậy. Do đó thấy rằng: "**Hậu Hắc cứu quốc**" trình tự của nó trước hết dùng "Hậu", tiếp đó dùng "Hắc". Việc làm của Câu Tiễn đáng để chúng ta kham khảo

Hạng Vũ là một anh hùng bạt sơn cái thế, nguyên nhân thất bại của ông ta được Hàn Tín nói bằng hai câu: "Dũng khí của kẻ thất phu, lòng nhân ái của đàn bà", đã đoán định cả rồi. Dũng khí của kẻ thất phu là không chịu nổi nóng giận, căn bệnh đó không phải là "Hậu", lòng nhân từ của đàn bà, trong lòng không có gì là bất nhân, căn bệnh ấy không phải là "Hắc". Cho nên tôi giảng giải "**Hậu Hắc Học**", cũng lấy cái không "Hậu" không "**Hắc**", không phải tất cả đều không Hậu Hắc, nếu dùng ngược lại Hậu Hắc, đáng "Hậu" mà lại dùng "**Hắc**", đáng "**Hắc**" mà dùng "Hậu" thì sẽ thất bại thôi. Xin lấy ví dụ ở Triều đại nhà Minh, không tự lượng sức mình, đã khinh thường đem quân đánh Mãn Châu, tức là dùng cái dũng khí của kẻ thất phu. Không biết giặc dã mãnh, khó thuận phục, quyết chí chống lại, tức là lòng nhân ái của đàn bà. Do đó triều đại nhà Minh phải mất nước, căn bệnh này là phản lại hai chữ Hậu Hắc. Những người có chí cứu quốc không thể không đem tâm huyết nghiên cứu kỹ lưỡng sâu sắc.

Hôm qua tôi trở về nơi ở, thấy một người bạn quen ngồi trong phòng khách, vừa mới gặp đã nói ngay rằng: "Tại sao anh lại đăng "Hậu Hắc Học" lên báo? Lòng người bây giờ hiểm độc, dối trá, đã đại loạn rồi, đáng ra phải bàn về đạo đức, để mong cứu vãn, anh lại ném ra nghị luận kỳ quặc ấy,

tránh sao không khiến lòng người ngày càng hư hỏng?”. Tôi nói: “Anh quá lo đấy”, tôi kể hết tư tưởng, đầy đủ ngọn ngành cho bạn nghe, nghe đến canh hai, ông bạn lại thấy hứng thú, nói rằng: “Nói như vậy thì anh quả đã là tín đồ của Khổng Tử, **“Hậu Hắc Học”** là liều thuốc tuyệt diệu cứu chữa lòng người trên đời này. Từ nay về sau, tôi xin làm một tín đồ dưới trướng của Giáo chủ Hậu Hắc”

Tôi sáng tác **“Hậu Hắc Học”**, toàn chỉ dùng theo thư pháp của Xuân Thu, không cần phân biệt: Thiện, ác; dựa vào sự việc ở trong sách, tự sẽ thấy thiện ác. Với môn Hậu Hắc này, dùng với ý đồ tư lợi một chút thôi, là hành vi rất bỉ ổi, nhưng nếu lại là ý đồ vì lợi ích chung cho chung dân, là đạo đức cao thượng chưa từng có, cho nên những kẻ không hiểu thư pháp Xuân Thu, thì không thể đọc Hậu Hắc được.

Năm Dân Quốc thứ sáu, nhà xuất bản Công báo Thành Đô in **“Hậu Hắc Học”** thành một cuốn sách. Nghi Tân Đường Chu Phong đề tựa, Trung Giang Tạ Thụ Thanh viết lời bạt. Thụ Thanh viết rằng: **““Hậu Hắc Học”** như là một con dao sắc, dùng để trừ phản nghịch là thiện, dùng để hại lương dân là ác. Thiện và ác có quan hệ gì đến con dao. Nếu dùng Hậu Hắc làm việc thiện sẽ là người thiện, nếu dùng Hậu Hắc để làm việc ác sẽ là kẻ ác” cách nói ấy của Thụ Thanh là rất đúng

Lời của Chu Phong nói rằng: **“Cuốn sách này là của Tôn Ngô không quy tụ hết cả một bày đại gian đại trá từ thiên cổ đến nay, mà định tội trạng của từng tên, ta đọc thuộc sách này thì sẽ nhìn rõ những kẻ Hậu Hắc, đều như thể cả, ngõ hầu ứng phó với đời được, không đến nỗi ngu dại như đã xảy ra bao đời nay”**. Câu nói này của Chu Phong có lý của nó, không được đầy đủ như Thụ Thanh nói

Trang tử nói: **“Không quy vào một mối, hoặc phong bế lại, hoặc không tránh khỏi giải tỏa”**. Ô hô! Phải chăng Trang Tử là người khởi đầu nói Hậu Hắc vậy thay. Đem ngôi vua nhường cho người khác, Thuấn làm như vậy thì thành thánh nhân, Tào Thừa, Lưu Dự làm thế thì thành nghịch thần. Tôn Ngô nói: **“Việc làm của Thuấn, Ngu nếu gọi là Hậu Hắc, liệu có thật thế không, còn quá nhiều nghi hoặc. Chu Phong cầm sách Trang Tử không rời tay nhưng chưa đạt tới **“Hậu Hắc Học”**, tiếc thay, cuối đời Chu Phong từ chỗ sáng láng đến cùng quẫn, chỉ nói về học thức, trở về Thành Đô chết vì bệnh nghèo. Hạ Phủ đưa câu đối viếng có nói: **“Có tiền mua sách, không tiền mua gạo”**. Giá như chỉ dùng tiền mua một bộ **“Hậu Hắc Học”**, tiền còn là thì mua gạo, thì đến nay vẫn sinh tồn được, thế nhưng Chu Phong vẫn chưa tỉnh ngộ, buồn thay! buồn thay!**

Tôi viết **“Hậu Hắc Học” có hai ý:**

A. Như Chu Phong nói: **“...*Thâu tóm hết cả một bày đại gian đại trá, định nghĩa tội ác của từng tên*”**. **“Hậu Hắc Học”** được công bố năm Dân Quốc thứ nhất và thêm tạp lục truyện còn có: **Sáu chữ chân ngôn để cầu làm quan,**

Sáu chữ chân ngôn của người làm quan và hai cách làm việc khéo, tất cả đều thuộc loại A"

B. Như Thụ Thanh nói: *"Dùng Hậu Hắc để làm việc thiện", những chuyện được nói ở Hậu Hắc từng thoại là thứ loại B".*

Các độc giả nếu nghiên cứu kỹ học vấn của tôi, hẳn sau nếu có người làm theo "Hậu Hắc Học", các vị chỉ nhắm mắt là rõ, có thể nói thẳng rằng: "Bạn là học sinh lớp A của Lý Tôn Ngô, tôi và anh cùng tốt nghiệp một lớp, anh hãy bớt dở cái trò đó ra". Do đó, sự tương kiến thành thực giữa bạn học với bạn học, thì từ nay thiên hạ thái bình vậy, đó là sự thành công của "Hậu Hắc Học". Có người bảo, Lão Tử nói: "Không thể nói cho người khác hết lợi khí của một nước". Ông mang "Hậu Hắc Học" nói công khai, vạn nhất mà bọn Hán gian của Trung Quốc dịch sang các tiếng nước ngoài như Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật truyền lan cho tất cả các giới, các nước mạnh nắm được bí quyết này, lại dùng các phương pháp khoa học để chỉnh lý, sẽ tác động phản ngược lại với ta, khác nào thuốc nổ do ta phát minh, cải tiến thêm một chút lại bắn vào ta, thề thì được gì cơ chứ? Tôi nói: "Chỉ sợ người ta không dịch, càng dịch được nhiều càng tốt, Tống Triều đã dùng Tư Mã Quang làm Tế tướng, nhiều người nước Liêu nghe tin đã khuyên răn các quan ở biên giới rằng: "Trung Quốc dùng Ông Tư Mã thì ta chớ sinh sự". Các nước mạnh nghe nói Trung Quốc đã xuất hiện giáo chủ Hậu Hắc lại không sợ mất mát sao?" Khổng Tử nói: "Lời thì trung tín, làm thì thành thực, kính trọng, dù cho các nước lân bang ngang ngược thì ta vẫn có thể làm được", chính sách đối ngoại của nước ta xưa nay vẫn xây dựng trên chữ "Thành". Nay có thể bảo thẳng thắn rõ ràng cho họ biết: "Nước ta hiện hiện đang lập những trường "Hậu Hắc Học" ở khắp nơi, thần vị cũng lễ trong trường là: "Việt Vương, Câu Tiễn - người đã trở thành đại thánh tiên sư". Giáo chủ Hậu Hắc đã mở trường dạy hàm thụ, mỗi ngày đều có bài giảng công bố trên báo, xác định kế hoạch làm chìm đắm nước Ngô trong 10 năm. Trong 10 năm ấy, họ đòi điều kiện gì, nước ta sẽ đáp ứng điều kiện đó, chờ sau 10 năm coi như tính xong món nợ là được". Miệng chúng ta nói như vậy, trong thực tế sẽ làm như thế, dứt khoát không thêm lựa bịp họ. Nhưng phải cảnh cáo các vị Hán gian phiên dịch khi dịch "Hậu Hắc Học" phải phụ chú thêm một đoạn: "Lúc ban đầu thân phận Câu Tiễn chỉ là bầy tôi đối với Ngô Vương, còn vợ là tỳ thiếp, Câu Tiễn không nghe, không giết Ngô Vương không được". Họ còn được thêm những món tiền lãi lớn gấp mấy lần. Đó là những điều dạy bảo của các vị tiên sư xưa kia để lại cho chúng ta, vậy xin mời các nước mạnh, ngoài số tiền nộp ban đầu, hãy chuẩn bị thêm số tiền lãi nữa là được". Xưa kia Vương Đức Dụng phòng giữ biên cương, Khiết Đan (tộc người Đông Hồ, một vùng ở đông bắc Trung Quốc ngày nay, thời ngũ đại nhà Tấn đổi quốc hiệu là Liêu, thời nhà Tống bị nước Kim tiêu diệt) sai người đến trinh sát, các tướng sĩ đề nghị bắt, Đức Dụng nói "Không cần". Ngày mai tổ chức cuộc duyệt binh lớn, thật ra là đem thực tình quân ngũ cho người ta thấy, trinh sát trở về báo cáo. Khiết Đan lập tức sai người đến nghị hòa. Giả dụ người nước ngoài biết trên dưới chính phủ tới người dân nước ta điều nhất trí nghiên cứu "Hậu Hắc Học", tự lượng sức mình không

thể địch nổi, vì thế dã tâm của chúng phải rụt lại thôi. Mười năm sau không xảy ra giặc dã chém giết lớn, thế là "Hậu Hắc Học" tạo phúc cho nhân loại, hỏi có gì đáng ngại

Sự phiên dịch của các ngài Hán gian cũng coi là công đấy. Người ta lớn tiếng bàn về đạo đức, song nào có hiểu hết được đâu. Chuyện xưa nói: "Dân nhìn lửa bốc mạnh thì sợ, nên ít có người chết. Nước lặng yếu, dân nhờn hay đùa nghịch, nên nhiều người chết". Các ngài Hậu Hắc hãy cùng tôi thu mình lại như sự hóa thân của Phật như lai

Ông bạn Lô Dân Tâm đã sáng tạo một thứ học thuyết vô cùng tinh túy, nói rằng: *"Những việc trên đời được chia làm hai loại, một loại làm được mà không nói được, một loại nói được mà không làm được. Ví dụ, việc vợ chồng cùng sống chung phòng, dù có làm gì, nếu đem chuyện ấy ra nói cho mọi người biết sẽ thành trò cười, đó là làm được mà không nói được. Lại như hai người bạn lấy những lời đùa nghịch chơi trò đóng kịch chằng hạn như đóng vai người mẹ và các chị em chửi mắng, ai nghe thấy sẽ không trách, nếu thực hiện trong thực tế đúng như vậy, thì người ta quả trách nhiều đấy, có thể là nói được mà không làm được. Những người của giới chính trị, giới học thuật đều không thể không lưu ý học thuyết này của Dân Tâm, chư vị độc giả không thể không biết đến "Hậu Hắc Học" là thứ làm được mà không nói được".*

Câu "Làm được mà không nói được" được cước chú trong sách Luận ngữ "Có thể nói cho dân làm, không nói cho dân biết"; câu "nói được mà không làm được" đã được Mạnh Tử cước chú ở chương Tinh Điền và Chu Lễ. Giả dụ nay Vương Mẫn, Vương An Thạch, kể cả Dân Tâm được đưa lên hàng cổ vấn cao cấp, chắc không thể để thiên hạ gây nên những chuyện tồi tệ như thế.

Ngày 18 tháng 10 năm Tân Hợi xảy ra cuộc binh biến ở Thành Đô, trật tự toàn thành phố vô cùng rối loạn, Dương Tân Hữu ra đảm nhiệm tổng đốc tuần cảnh bắt những người gây rối loạn để trị an, xử phạt ngay tại chỗ, rồi ra bản cáo thị, mô phỏng giọng văn yết thị bảy tội chém của Trương Hiến Trung, toàn là những chữ chém, chém, chém, rất được hoan nghênh của nhiều người. Già gái trai khắp thành phố, hể đề cập đến tên của tổng đều hết lời ca tụng. Về sau trật tự ổn định một chút, ông ta đã có một bài tuyên ngôn rằng: "Từ nay về sau bắt đầu thực hiện chế độ chuyên chế". Vì thế lời đề nghị sôi lên sùng sục, trên báo chí chỉ trích ông ta, hội nghị của tỉnh cũng lên án ông ta rằng: "Này là thời đại dân chủ, làm sao có thể dùng thủ đoạn chuyên chế". Những thủ đoạn trước đó của Tân Hữu, thuần túy thực hiện chế độ chuyên chế một cách ngang nhiên, về sau công khai nói thẳng đổi thành chế độ chuyên chế với Tân Hợi là tiến hóa, chỉ vì nói rõ ra hai chữ chuyên chế cho nên phải chịu cái vạ dị nghị. Dân tâm nói: "Việc trong thiên hạ, có việc làm được mà nói thì không được". Việc của Tân Hữu là một dẫn chứng rất hay đã được Khổng Tử chú giải như những việc kiểu Tân Hữu: "Có thể nói dân làm, không thể nói cho dân biết".

Tôi định ra một lệ chung: “Dùng “Hậu Hắc Học” để mưu đồ riêng tư lợi riêng mình là hành động thấp hèn, bỉ ổi; dùng “Hậu Hắc Học” để mưu đồ lợi ích chung của chúng dân là đạo đức cao thượng không gì sánh được”. Tân Hữu chuyên chế đã man ngang ngược, tam can hấn đến tối, mà người ta không ngớt lời ca tụng, nguyên do là vì mưu lợi chung.

Câu nói Hậu Hắc là cứu quốc, làm cũng làm được, nói cũng nói được, chẳng qua những người học thức quá kém, thì không thể nói với họ được mà thôi. Lần này tôi công khai giảng giải “Hậu Hắc Học”, tức là biến nó trở thành khoa học.

Hồ Lâm Dực đã từng nói: “Nếu có lợi cho nước thì tôi sẽ làm tất cả cho dù là những việc đen tối vô sỉ chẳng nữa”. Tương truyền Lâm Dực khi làm tuần phủ ở Hồ Bắc, một viên quan làm tổng đốc phu nhân, Hiên Đài đến chúc thọ, mang theo cả lời chúc, sau đó mới biết là ngày sinh nhật của phu nhân, lại mang lời chúc cất đi rồi quay về. Các quan khách khác cũng làm theo đó bỏ đi. Một lúc sau Lâm Dực đến, có người bảo cho ông biết, ông nghe rõ, dơ ngón tay cái lên nói rằng: “Phiên Đài giỏi! Phiên Đài giỏi”. Nói xong, rút tờ lời chúc mừng cao lên với bộ mặt rạng rỡ đi chúc thọ. Các quan nghe nói tuần phủ đã đến, lại tấp nập quay lại. Ngày hôm sau, vợ chồng tổng đốc quỳ lạy mẹ Hồ Lâm Dực xin làm con gái nuôi, Lâm Dực là anh trai. Từ đó về sau trong những việc về quân sự phải cùng hội bàn với tổng đốc, đều mời cả em gái nuôi tới dự. Viên quan văn ấy hơi trù trừ, nghi ngờ. Vợ ông ta nói nhỏ bên tai rằng: “Việc của ông sánh sao được với ông anh họ Hồ của chúng ta, ông cứ làm theo lời anh ấy là được”. Vì thế Lâm Dực làm việc vô cùng thuận lợi. Sự thân thiện của viên quan họ Hồ có quan hệ cực lớn với thời trung hưng Mãn Thanh. Lâm Dực làm việc ấy có thể coi là mặt dày mặt dạn vậy, dân chúng không nói ông ta là đê tiện, ngược lại nêu ra là một hành vi đẹp nữa, tại sao thế? Đó là tấm lòng vì nước.

Nghiêm Thế Phan là tên quan đại gian của triều đình nhà Minh. Điều đó chúng dân đều biết, về sau vua bắt hấn ném vào trong ngục. Các quan cùng họp lại với nhau viết sớ kể tội trạng của hấn như đã giết Tiêu Sơn Thâm, đã can gián vua, rồi đưa bản thảo đệ trình lên tể tướng Tử Giai xem. Tử Giai xem rồi nói: “Bản tấu trình này đưa lên thì Hoàng thượng lập tức tha hấn ngay, đó là vì cố làm sao? Thế Phan giết những người ấy đều là những cách làm dựa theo ý kiến trên, khiến Hoàng thượng phải tự ra lệnh giết họ. Nếu bản tấu trình này đưa lên, Hoàng thượng có thể sẽ nói: “Rõ ràng là ý trẫm giết những người ấy, làm sao lại đổ tội cho Thế Phan được”. Làm sao hấn lại không được tha? Mọi người hỏi làm như thế nào? Tử giai nói: “Hoàng thượng rất căm ghét giặc Ngụy, nói hấn tư thông với giặc Ngụy là được”. Tử Giai đóng cửa sửa lại bản tấu trình rồi đệ lên. Thế Phan ở trong ngục nghe ngóng được bản tấu trình của các quan, nói với người thân tín: “Các ông bắt tất phải lo lắng, không mấy ngày nữa ta sẽ ra khỏi đây”. Sau đó có lệnh phát ra, nói hấn tư thông với giặc Ngụy, hấn thét kinh kêu lên: “Hết rồi! Hết rồi”. Quả nhiên hấn đã bị giết. Thế Phan có tội cực lớn, cực

ác, đáng ra phải giết, nếu không kể tội tư thông với giặc Ngụy, làm sao có thể bắt hắn chịu tội chết. Từ Giai đã lập ra kế độc ác này, tấm lòng của ông không phải là đen tối, mà người ta sau này nói ông là người mưu trí, không ai nói tới mưu độc của ông, vì sao vậy? Vì trừ hại cho quốc gia.

Lý Thứ Thanh là môn sinh rất được vừa lòng của Tăng Quốc Phiên, Quốc Phiên bị bại trận ở Tinh Cảng Kỳ Môn. Thứ Thanh là người chung hoạn nạn với ông, về sau Thứ Thanh thua trận mất đất, Quốc Phiên nghĩ đến kế của Khổng Minh chém Mã Tắc, gọi tướng sĩ trong phủ căn dặn để nghiêm trị Thứ Thanh, tướng sĩ không đồng tình, lại gọi Lý Hồng Chương dẫn dò, Lý Hồng Chương nói: "Thầy muốn trị Thứ Thanh, môn sinh này xin đi cứu"; Quốc Phiên nói rằng: "Người phải đi, rất có thể ta tự tâu lên cũng được!". Hôm sau cho người mang bốn trăm lạng bạc đến gặp Hồng Chương: "Mời Lý đại nhân thu nhận". Hồng Chương ở hàng tướng sĩ trong trướng phủ, có công tích nhiều năm, vì việc ấy bị đuổi đi. Sớ tâu lên nhà vua, Thứ Thanh bị xử tội nặng, Hồng Chương ra đi không có việc gì làm, đành phải nhờ người nói giúp, lại được trở về trướng phủ. Thủ đoạn dùng ở đây của Quốc Phiên rất cay nghiệt, nên không tránh khỏi chữ Hắc, thế nhưng Thứ Thanh lại vẫn cảm ơn tri ngộ, Quốc Phiên chết, đã làm thơ để khóc, vô cùng thành khẩn. Cuối đời của Hồng Chương được phong tước đưa lên hàng tướng, nói đến Quốc Phiên thì cảm ơn mãi không ngớt. Vì có gì vậy? Chỉ vì không có chút tư tâm.

Trên đây kể lại ba việc của Hồ, Từ, Tăng. Nếu dùng vào mưu đồ tư lợi, thì tránh sao khỏi những việc làm thô bỉ? Còn nếu chuyển sang mưu đồ vì lợi ích chúng sẽ trở thành đạo đức cao thượng nhất. Quan sát những sự việc như vậy sẽ tìm ra được bí quyết của những người đương sự, cũng có thể tìm ra sách lược cứu quốc được nữa. Hiện nay thiên hạ đại loạn, nói chung người ta nói trong tương lai muốn thu phục được đại cục, nhất định phải là những người như Tăng Quốc Phiên, Hồ Lâm Dục, song phải học Tăng, Hồ thì bắt tay từ đâu được? Chẳng lẽ mang toàn tập của Tăng, Hồ đọc từng chữ, học từng câu hay sao? Cũng không cần phải làm điều đó, có một cách giản đơn nhất: Mang hết tinh thần tập trung vào việc chống lại các nước mạnh, mắt khỏi nhìn gì khác, tai khỏi nghe gì khác, chỉ cần nắm thật vững hai chữ Hậu Hắc, cứ ra tay làm tới, chắc chắn có hiệu quả, chắc cũng được như Tăng, Hồ không kém. Nếu ngại hai chữ Hậu Hắc không lọt tai nghe, thì bề ngoài bạn đổi hai chữ khác để nghe hơn. Song chớ học theo Dương Tân Hữu nói rõ hai chữ chuyên chế. Nếu bạn can đảm hãy học Hồ Tâm Dục, nói toạc ra rằng: "Tôi là kẻ vô sĩ". Các nước mạnh thấy thế cũng chẳng sao cả! Thế mới gọi là "Hậu Hắc cứu quốc".

Tôi đã nghiên cứu nhiều năm lịch sử ngoại giao thế giới, cuối cùng đã phát hiện những bí quyết ngoại giao của các nước mạnh. Các phương thức của họ không làm hai loại: Một là kẻ ăn cướp, một nữa là dĩ điểm; khi hoành hành không dựa vào lý được thì dùng vũ khí để cướp đoạt, tức là dùng súng ống gây hấn cướp đoạt tức là ngoại giao kiểu ăn cướp; khi thì dùng những lời nói đường mật, nhằm đưa đẩy bằng những lời ca tâm tình, giống như

bọn dĩ điếm liếc mắt đưa tình với khách, hẹn được liên minh với nhau, nếu chưa thấy hiệu quả, lại dùng những lời thề non hẹn biển của bọn dĩ điếm, thế là ngoại giao kiểu dĩ điếm.

Có người hỏi Nhật Bản dùng kiểu gì lập quốc? Xin đáp rằng: "Lập quốc bằng Hậu Hắc". Bộ mặt dĩ điếm rất dày, tâm can cướp đoạt rất đen. Đại để những hành động quân phiệt của Nhật Bản là kiểu ăn cướp, ngôn ngữ của các quan chức ngoại giao là kiểu dĩ điếm; sau kiểu dĩ điếm, tiếp đó là kiểu ăn cướp. Cả hai thứ ấy có tác dụng tương hỗ hoàn toàn, và nước ta đã thiệt thòi không ít. Bộ mặt dĩ điếm rất dày, nếu bóc vỏ lời thề, thì thấy được Hắc trong Hậu. Cái dã tâm ăn cướp đâu có thềm biết đến những lời chửi mắng nguyên rủa, tức là Hắc có Hậu. Một mặt dùng vũ lực cướp đoạt đất đai của nước ta, một mặt lên giọng nói về sự thân thiện Trung - Nhật, rõ là dĩ điếm và ăn cướp hợp lại làm một.

Có người hỏi: "Nước ta lấy gì để cứu quốc". Xin trả lời "Hậu Hắc cứu quốc". Nhật Bản dùng chữ "Hậu" đến đây, ta dùng chữ "Hắc" đáp lại. Dĩ điếm tốc ngược váy áo, đẩy cửa xông vào, nhưng lại đem quần hết lên đầu, không sao ra được, tổng ra khỏi cửa, thế gọi là dùng chữ "Hắc" phá chữ "Hậu". Nhật Bản hoành hành không đếm xỉa đến lý, dùng vũ lực áp bức, chúng ta dùng cánh cửa Trương Lương để đối phó với Nhật Bản, Trương Lương đọc sách của Dĩ Thượng, có biết bao tác dụng, không ngoài việc duy nhất cho ông biết rõ về mặt dày mặt dạn mà thôi. Cuộc chiến tranh Hán - Sở, Cao Tổ dùng những kế sách của Trương Lương, đã bị chiến bại ở Huy Thủy, chính đồn binh mã, lại đến, Vinh Dương đã bị thất bại nhục nhã, rồi vẫn chinh đồn binh mã nữa, thế mà bức được Hạng Vũ ở Ô Giang. Chúng ta dùng cách đó đối phó với Nhật Bản, tức là dùng chữ "Hậu" phá chữ "Hắc" vậy. Hậu Hắc và cứu quốc được kết hợp làm một, là hồn của Trung Quốc vậy.

Sử ký chép: Hạng Vũ nói với Hán vương rằng: "Thiên hạ lộn xộn mấy năm, nhưng chỉ có ông và tôi đã được người ta nói tới, tôi xin cùng Hán vương quyết một trận thư hùng". Hán vương cười tạ trả lời rằng: "Tôi thà đấu trí chứ không đấu lực". Hai chữ "cười tạ" không phải là "Hậu" thì là gì nữa? Về sau cắt đất Hồng Câu để giảng hòa giữa Hán và Sở. Hạng Vũ đã đem Lã Hậu, Thái Công trả lại, dẫn quân quay về phía đông. Hán vương bỗng nhiên vứt bỏ lời thề, đem đại quân đuổi theo sau Hạng Vũ, bức tử Hạng Vũ ở Ô Giang, không phải là "Hắc" thì còn là gì? Cho nên người dùng "Hậu Hắc cứu quốc" thì điều duy nhất là phải có những phương pháp khéo, đã có những gương trước kia như Việt Vương Câu Tiễn, lại như Lưu Bang nữa rồi.

Có người hỏi tôi rằng: ""Hậu Hắc Học" của ông, tôi mang ra thực hành, đâu đâu cũng thất bại cả? Tôi hỏi lại: "Ông đã xem những chuyện Hậu Hắc từng thoại của tôi chưa?", đáp: "Chưa". Tôi hỏi thêm: "Riêng cái bản "Hậu Hắc Học" đã phát hành, ông đã xem chưa?", đáp: "Chưa, tôi chỉ nghe người ta nói khi làm việc thì không thể tách rời mặt dày mặt dạn, tâm can đen tối, tôi cứ thế mà làm". Tôi nói: "Gan của ông quá là to thật mới nghe nói ba

chữ “Hậu Hắc Học” lại mang ra thực hành, thì chỉ có thất bại mà thôi, chưa thể nói tới bảo toàn tính mệnh được, còn nói chi đến sự sáng tạo của ông nữa. Tôi viết “Hậu Hắc Học” là dùng hai chữ Hậu Hắc, đưa cả 24 pho sử vào đấy, gọi là “Sử quan về Hậu Hắc”. Tôi viết “Tâm lý và lực học”, định ra một điều chung là: “Tâm lý thay đổi, thuận theo sự biến đổi của lực học”. Còn như “Triết lý Hậu Hắc là dựa vào triết lý của Hậu Hắc để sửa cho tốt chế độ chính trị, kinh tế, ngoại giao và chế độ học tập... là ứng dụng triết lý của Hậu Hắc”. Còn như ông chưa xem sách lại mang ra thực hành, quả là to gan thật”.

“Hậu Hắc Học”, cái môn học này cũng giống như học quyền thuật, muốn học thì phải học thật tinh thông, nếu không thì chẳng thà đừng học, hãy an phận giữ mình, tránh khỏi bị đòn. Nếu chỉ học một vài cách đâm đá, thậm chí dù có đến bái cửa võ sư, có thể học được một vài cách đâm đá, đứng từ xa thấy người ta học quyền thuật, tự mình múa tay dơ cẳng đánh người, làm sao tránh khỏi người ta đánh bị thương. Ông hãy nghĩ: Hạng Vũ chôn sống hai mươi vạn binh sĩ đầu hàng, cái tâm của ông có thể gọi là đen, thế mà trong sách của tôi còn nói ông ta thiếu nghiên cứu chữ “Hắc”, nên ông ta thất bại. Lã Hậu tư thông với Thẩm Thực Cộng, Lưu Bang giả như không biết, người sau có thơ rằng: “Quả nhiên Hán vương rộng lượng, tha thứ cho Bích vương hầu. Ông ta mặt dày mày dạn đến như vậy, thế mà vẫn còn thiếu nghiên cứu chữ “Hậu” nữa đấy. Hàn Tín xin phong vương nước Tề, giả sử không có người bên cạnh chỉ ra một điều, thì hầu như thất bại. “Hậu Hắc Học” tinh thâm nhường ấy, chỉ mới nghe nói danh từ ấy đã vội thực hành, tôi có thể nói càng Hậu Hắc càng thất bại thôi.

Có người hỏi: “Phải làm thế nào mới khỏi thất bại?”. Tôi nói: “Bạn trước hết phải hiểu triết để sử quan về Hậu Hắc, triết lý Hậu Hắc và có công phu ứng dụng Hậu Hắc, biết ứng phó mọi việc, mới có thể tránh khỏi thất bại”.

Binh pháp viết: “Trước hết phải đứng vững trên mảnh đất không bị đánh bại”, lại viết: “Trước hết phải làm địch không thể thắng, chờ đến lúc có thể thắng được địch”. “Hậu Hắc Học” cũng như vậy đấy.

Khổng Tử nói: “Thế trận có kỳ binh (trận đánh được dàn quân với nhiều thay đổi hoặc dùng rất nhiều mưu mẹo) và chính binh (trận đánh được dàn quân điều ở mặt chính, tức là đối diện với nhau), biết thay đổi kỳ và chính, cuối cùng giành thắng lợi”. Xử thế không ngoài Hậu Hắc, biết thay đổi Hậu Hắc mới có thể chiến thắng cuối cùng được. Dùng binh có kỳ và chính, trong kỳ có chính, trong chính có kỳ, kỳ chính tương sinh, như là sự tuần hoàn không đầu mỗi. “Hậu Hắc Học” và 13 thiên của Tôn tử - tên thật là Tôn Vũ, ở thời nhà Chu, đã biên soạn bộ binh thư, được ca ngợi đến ngày nay - vốn là hai mà lại là một, là một mà lại là hai. Không biết binh mà dùng binh, tất làm cho binh bại, nước mất. Không hiểu triết lý Hậu Hắc mà đi thực hành Hậu Hắc, tất dẫn đến nhà cửa nát tan, thân mình cũng mất nốt. Người nghe nói rằng: “Học vấn môn này của ông sâu sắc quá, còn có cách nào đơn giản nữa hay không?”. Tôi đáp rằng: “Có”. Tôi có định ra hai điều chung, bạn hãy thực hành theo đó, không cần nghiên cứu sử quan về Hậu Hắc và triết

lý Hậu Hắc, cũng sẽ có thể trở thành anh hùng, thành thánh hiền; nếu muốn đạt được học hàm hàng đầu của một bác học Hậu Hắc thì không thể không nghiên cứu năm này tháng khác những tác phẩm mà tôi đã viết.

Để làm cách ngôn cho mọi người, chúng ta có thể nêu ra một điểm chung: “Dùng 2 để mưu lợi ích chung của chúng dân, thì càng Hậu Hắc nhân cách càng cao thượng”. Nếu nói về sự thành bại, chúng ta có thể nêu ra một điều chung: “Dùng Hậu Hắc để mưu đồ tư lợi riêng cho mình, thì càng Hậu Hắc càng thất bại; dùng Hậu Hắc để mưu lợi ích chung của chúng dân, thì càng Hậu Hắc càng thành công”. Sao lại như thế? Phàm là con người thường đều lấy mình là chủ thể, làm cái tâm của riêng mình, dựa vào cái gốc bẩm sinh, dùng Hậu Hắc để mưu đồ tư lợi của riêng mình, thế tất gây trở ngại đối với tư lợi người khác, cho nên càng Hậu Hắc thì hại người khác càng nhiều; chỉ thấy riêng mình thôi sẽ có hàng ngàn hàng vạn người khác chống lại, ta lấy Hậu Hắc để mưu đồ lợi ích chung tức là điều hành Hậu Hắc thay cho hàng ngàn vạn người mà họ mưu đồ tư lợi, đương nhiên sẽ được hàng ngàn hàng vạn người tán thành và hỗ trợ, đương nhiên sẽ thành công. Ta là một phần tử trong chúng dân, chúng dân có được tư lợi, ta đương nhiên được lợi, không nói đến tư lợi mà tư lợi ở trong cái chung ấy, về sau thành công được, họ hưởng tiếng tăm rộng lớn, được thưởng rất hậu, chẳng những cái lợi riêng mà họ giành được còn bé nhỏ sao? Cho nên dùng Hậu Hắc để mưu lợi cho quốc gia, sẽ được báo đáp lại khi thành công, nếu thất bại cũng được danh thơm, tầm nhìn đâu đến nỗi như hạt đậu, không sao thấy nổi điều ấy được. Xét từ mặt đạo đức: cướp lợi người khác làm của mình, là hành vi trộm cướp nên càng Hậu Hắc thì nhân cách càng bị ối. Dùng Hậu Hắc để mưu lợi ích chung của chúng dân là phải hy sinh bộ mặt của mình, hy sinh tấm lòng của mình, ra tay cứu tế người đời, thấy người ta đói coi như mình đói, thấy người ta bị chìm đắm coi như mình bị chìm đắm, tức là muốn nói “Ta không chui vào địa ngục thì ai chui vào địa ngục”, nên càng Hậu Hắc thì nhân cách càng cao thượng.

Có người hỏi: “Thế gian có rất nhiều người dùng Hậu Hắc để mưu đồ tư lợi, vẫn thành công được, là đạo lý gì vậy?”. Tôi nói: “Cái đó gọi là “Thời thế không có anh hùng, khiến những kẻ tiểu tốt đã thành danh”. Những người đối địch với người ấy không ngoài hai loại: Một loại là người vốn mưu lợi ích chung mà không hiểu kỹ thuật Hậu Hắc; một loại là người mưu lợi mà kỹ thuật Hậu Hắc tương đương với người ấy, thì chắc chắn người ấy thất bại. Thành ngữ đã nói: “Hàng ngàn người đã chỉ trích dù không bệnh tật cũng chết”. Bởi vì đã phương hại tới lợi của hàng ngàn vạn người. Trong hàng ngàn vạn người ấy chỉ có một người thấy được sở đoản của hấn, sẽ nhẹ vào đó đánh hấn. Ví dụ trong sử sách ghi: Hạng vương bảo với Hán vương rằng: “Thiên hạ có biết bao người nổi tiếng, nhưng hai người ông và tôi được nổi danh hơn cả”. Trăm họ thời ấy, ai ai cũng mong một trong hai người ấy chết đi, cho nên khi Hạng vương lạc đường, hỏi một lão nông, lão nông lừa gạt nói đi về bên trái, bên trái sẽ bị hãm vào những đầm lầy rộng lớn, đến khi quân Hán đuổi kịp thì bị chết. Nếu là đoàn quân cứu dân khỏi

nạn nước sôi lửa bỏng, chắc chắn lão nông ấy không nói dối, không lừa gạt Hạng vương? Chúng ta đề xướng "Hậu Hắc Học" cứu quốc, đó là dùng "Hậu Hắc Học" bao vệ tư lợi của hàng trăm triệu người, đương nhiên giành được sự tán thành và sự giúp đỡ của hàng trăm triệu người, đương nhiên thành công.

Người xưa nói: "Văn vương báo đáp quốc gia", không phải tôi đã biết hết văn chương, cái mà tôi biết được là Hậu Hắc mà thôi. Từ nay trở về trước, đều lấy Hậu Hắc báo đáp quốc gia. Hậu Hắc kinh nói rằng: "Tôi chẳng phải là người của đạo Hậu Hắc, không dám bày đặt ra trước quốc dân, nên chúng dân không biết lòng yêu nước của tôi". Bảo tôi không nói về Hậu Hắc khác gì bảo Khổng, Mạnh không nói về nhân nghĩa. Thử hỏi: "Có thể thế được hay không?". Tôi tự hỏi: "Người đời có công sẽ thuộc về người có tấm lòng thay đời hành đạo, phát minh ra "Hậu Hắc Học", mà chỉ giữ khư khư, chẳng bắt nhân làm sao?". Lý Tôn Ngô nói: ""Hậu Hắc Học" của bỉ nhân cũng vậy, ông trời cũng chưa muốn cho Trung Quốc phục hưng, đời này kẻ hèn này đâu dám nói ai, Ngô nay sao lại không nói về Hậu Hắc".

Thơ người xưa nói rằng: "Nhát cuốc bổ giữa nắng trưa, mồ hôi thấm ngập đất, nào ai biết cơm trên bàn mỗi hạt đầy những gian khổ". Chúng dân đều nói cơm ăn ngon, nào mấy ai biết nỗi nhọc nhằn của người làm ruộng; chúng dân đều nói dùng Hậu Hắc thích hợp, nào mấy ai biết nỗi gian truân của người phát minh. Bộ sách "Hậu Hắc Học" của tôi, có thể nói mỗi chữ đều phải chịu gian truân cả.

Học vấn của bộ môn này của tôi, tương lai nhất định phải trở thành một chuyên khoa, hoặc có lẽ còn phải thiết lập một trường đại học chuyên ngành để nghiên cứu. Tôi dự định đem những quá trình phát minh hợp lực với những người cùng tôi nghiên cứu rồi mới viết ra, người sau nếu bắt chước được những sách thời Tống, Nguyên, những sách của các Nho gia thời Minh, sẽ soạn thành một bộ "Hậu Hắc Học", mới tìm được nhiều tài liệu hoặc nếu cùng tôi xây ngôi miếu Hậu Hắc thì những nhân vật này cũng được thụ hưởng.

Hoàng Kính Lâm, một người bạn cũ, gặp tôi trên đường phố Thành Đô nói rằng: "Đã nhiều năm rồi tôi nghe nói anh muốn xây ngôi miếu Hậu Hắc, tôi đã đến lễ ở cửa trên 10 năm trước rồi, mong anh viết nên một đoạn, sau này cũng được hưởng lây một chút". Tôi nói: "Không cần viết nữa, anh xem Lâm Phóng trong sách Luận Ngữ, gặp Khổng Tử chỉ hỏi ba chữ "Lễ chi bản". Cho đến nay vẫn còn chiếm chệ ngôi trong miếu Khổng Tử ăn thịt lợn nguội đầy. Nếu anh có chí theo Đạo này thì chỉ một lần nói chuyện thế này, cũng đủ thừa sức để cùng hưởng rồi". Kính Lâm lại nói: "Tôi năm nay đã 62 tuổi rồi, vì kính phục học vấn của anh, nên không ngại đến lễ dưới cửa". Tôi nói: "Chẳng lẽ tuổi tôi kém anh, sao lại không đủ tư cách làm thầy anh sao? Tôi thu nạp anh đứng bên tường, sẽ là một may mắn lớn cho anh, sau này anh tự chọn biên chép thêm vào, viết mấy chữ "Tiên sinh Lý Tôn Ngô là thầy của ta", cũng vinh quang hơn nhiều so với "Bản phong tước thời Thanh xưa kia cho một vị đại phu nào đó".

Năm trước, La Bá Khang ở cùng huyện gửi thư cho tôi nói rằng: “Nhiều người nói anh thiết giảng “Hậu Hắc Học”, khi tôi gặp, người ta biện bạch rằng anh không “Hậu”, không “Hắc””. Tôi viết thư đáp lại rằng: “Tôi phát minh “Hậu Hắc Học”, những đệ tử ngoan ngoãn của riêng tôi đầy khắp thiên hạ, gọi tôi là “Hậu Hắc Tiên Sinh”, và dùng sách tôi đặt lên bậc trên, tôi thì đặt sách xuống bậc dưới, họ tự giác tôn xưng như thế, so với Văn Thành Công, Văn Chính Công, thì đã vinh quang hơn nhiều rồi. So với xưa này thường lấy làm tự hào, không kể tước hạ (tiếng xưng hô tôn kính người bạn của mình) gặp người ta nói tôi không “Hậu”, quả là tôi làm sao lại hỏi tội tước hạ được. Thế mà tước hạ lại vẫn báo cho tôi điều đó? Ô hô Bá Khang, biết nhau đã bao năm rồi, sao lại cam chịu bỏ đi những điều xưa, hãy giữ gìn đôi chân của tước hạ, khỏi phải dùng đến cây gậy chống”. Những ngày gần đây nhiều người khuyên tôi không cần giảng giải “Hậu Hắc Học” nữa, than ôi! Sự truyền trong thiên hạ hướng theo ý muốn vút bỏ ấy sao nhiều vậy.

Trước kia Tạp lục Hậu Hắc truyện được công bố là ghi lại những cuộc trò chuyện của tôi với chúng dân, những chuyện viết ở lần này là để mở rộng Tạp lục Hậu Hắc truyện, có lẽ người ngoài cuộc chưa đọc hết các loại văn trước đây của tôi, nay đem toàn bộ nội dung, cùng với những cảm nghĩ mới hiện có hỗn hợp lại viết rộng ra hơn. Những chuyện viết thêm lần này là thể tùy bút, **nội dung gồm có bốn loại: 1/ Sử quan về Hậu Hắc; 2/ Triết lý Hậu Hắc; 3/ Ứng dụng Hậu Hắc Học; 4/ Lịch sử phát minh Hậu Hắc Học.** Tôi chỉ viết theo ý, chưa phân loại mà thôi.

Phần 3

TÔI HOÀI NGHI CÁC THÁNH NHÂN

Những người kiệt xuất được coi là thánh trong thế gian đã được sinh ra rất nhiều từ thời Tam đại về trước, khi ấy sao có thể sinh ra nhiều thánh nhân đến thế. Sau thời tam đại thì đã tuyệt chủng, đâu có sinh ra thêm một thánh nhân nào nữa. Sau thời Tần, Hán không biết bao nghìn, bao trăm vạn người học để trở thành thánh nhân, kết quả chẳng có ai thành thánh nhân được cả, cao nhất thì chẳng qua chỉ đạt tới địa vị hiền nhân mà thôi. Xin hỏi có thể học để trở thành thánh nhân được không? Nếu nói có thể học được, thế thì sau Tần, Hán có biết bao nhiêu người học, ít nhất cũng xuất hiện được một thánh nhân chứ! Nếu học không nổi, tại sao chúng ta lại phải khổ luyện ngày đêm, học sách vở của họ, liều chết mà học?

Trước thời tam đại có các thánh nhân, sau thời tam đại không có thánh nhân, đó là một việc hết sức kỳ quái từ xưa tới nay. Những thánh nhân mà chúng ta thường gọi là Nghiêu, Thuấn Thang, Chu Văn Vương, Chu Võ Vương, Chu Công, Khổng tử (theo truyền thuyết là thời kỳ trước Tam Đại. Nghiêu chết truyền ngôi cho Thuấn, không phải là con hoặc anh em – có lẽ

là chế độ tù trưởng, nhưng con người thời đó chất phác lắm. Ngày thời kỳ nhà Hạ, nhà Thương cũng không nhường ngôi cho con, mà thường là em hoặc em họ. Từ thời nhà Chu mới hình thành dần chế độ phong kiến, Ngu công là một thủ lĩnh một bộ lạc cổ đại, tương truyền có công trị thủy, nhân dân ái mộ. Thành Thang sau Chu Võ Vương, đã khắc mấy chữ: "Nhật Tân" vào một cái kỷ của Võ vương để lại. Nay được coi là một bảo vật quý giá. Chu Văn Vương, Chu Võ Vương trước công nguyên khoảng trên 1000 năm, có công lớn giải thích và sáng tạo hình bát quái của Phục Hy – Phục Hy sáng tạo hình bát quái bao gồm mấy cái vạch, khi Trung Quốc chưa có văn tự-thành kinh sách. Khổng Tử là học giả sống vào thế kỷ 6 và 5 trước công nguyên). Chúng ta thử phân tích về họ một chút, trong đó chỉ có Khổng Tử là người bình dân, những người còn lại đều là những vua có công khai quốc cả, là những thủy tổ các học phái đời sau, đó là lỗi hồng đã hiện ra.

Các Chư tử đời Chu, Tần mỗi người định ra một học thuyết, tự cho mình đã tìm ra chân lý tự tin nếu cứ theo họ mà thực hiện lập tức có thể cứu nước, cứu dân nào ngờ người ta lại coi thường, chẳng mấy ai tin theo.

Vậy tâm tưởng của họ ra sao? Nhân loại đã thông minh rồi, đều biết họ là những người dựa vào quyền thế. Phàm những lời của những người có quyền thế nói ra thì mọi người nhất định phải nghe theo, quyền thế lớn nhất trong thế gian thuộc về một ông vua, nhất là ông vua khai quốc, các sách ở thời đó chỉ khắc trên những mảnh tre, hiếm người đã có thể đọc được sách, cho nên người sáng tạo một học thuyết mới, đều nói rằng: "*Chủ trương của ta, lấy từ sách một vị quân vương có công khai quốc nào đó di truyền lại. Cho nên Đạo gia dựa vào Hoàng Đế, Mặc gia dựa vào Đại Ngu, để xướng việc chia ruộng đất để canh tác dựa vào Thần Nông, việc viết cuốn bản thảo văn đáp cũng dựa vào Thần Nông, viết sách về y học, binh pháp, đều dựa vào Hoàng Đế. Ngoài ra, trăm nghề khéo léo và các loại phát minh đều không thể không quy công cho các quân vương khai quốc, không thể không quy công cho các quân vương khai quốc. Khổng Tử sống ở thời đó nên đương nhiên cũng không đi ngược với phép tắc này. Những người được ông ta dựa ngoài Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Chu Văn Vương, Chu Võ Vương ra, còn dựa thêm Chu Công là người mở mang ra nước Lỗ nữa, nên ông là người thành công lớn nhất. Các Chư Tử thời Chu, Tần ai nấy cũng đều dùng cách làm đó, nêu ra một vài lời hay đức tốt thêm vào cho các đế vương thời xưa. Thế là các đế vương thời xưa được hưởng thêm nhiều danh thơm. Không một ai trong ấy lại không trở thành tổ sư của một học phái để lại cho đời sau".*

Các Chư Tử thời Chu, Tần ai cũng tuyên bố học thuyết của họ, tập hợp một số môn đồ giảng dạy, các môn đồ của họ đều nói thầy họ là bậc thánh nhân. Nghĩa gốc của hai chữ thánh nhân thời xưa không phải là cao quý lắm. Theo Trang Tử thì thiên hạ nói rằng: "*Trên Thánh nhân còn có những bậc thiên nhân, thần nhân, chí nhân, thánh nhân được liệt vào hàng thứ tư, nghĩa của chữ thánh, chẳng qua là: "Mới nghe họ đã hiểu thấu sự tình, không việc nào không thông hiểu cả", thế thôi. Thật ra những người thông*

minh thấu hiểu nhiều sự việc thì có thể gọi là "Thánh" được; nói ví như chữ "Trẫm" thời xưa, ai cũng có thể tự xưng được. Về sau, được thánh hóa, dùng riêng cho vua, không cho phép những người bình thường được mạo xưng chữ "Trẫm", nó mới trở thành cao quý. Các môn đồ Chư tử thời Chu, Tần đều tôn xưng thầy mình là bậc thánh nhân cũng không là quá đáng. Các môn đồ của Khổng Tử gọi Khổng Tử là thánh nhân, Các môn đồ của Mạnh Tử gọi Mạnh Tử là thánh nhân. Các vị Lão Tử, Trang Tử, Dương Châu và Mặc Dịch đương nhiên cũng có người gọi là thánh nhân; đến thời Hán Vũ Đế, quần thần dâng biểu xin xóa bách gia, từ trong số các Chư Tử thời Chu, Tần; chỉ chọn ra Khổng Tử, thừa nhận một mình ông là thánh nhân; danh hiệu thánh nhân đều bị nhất loạt tước bỏ hết. Khổng Tử đã trở thành thánh nhân được ngưỡng mộ. Khi Khổng Tử trở thành thánh nhân thì Nghiêu, Thuấn, Ngu công, Thành Thang, Chu Văn Vương và Chu Võ Vương mà ông ta vẫn tôn ngưỡng, đương nhiên cũng trở thành thánh nhân cả. Cho nên các thánh nhân của Trung Quốc chỉ có một người bình dân, còn lại đều là các vua chúa có công khai quốc cả.

Học thuyết của các Chư tử thời Chu, Tần phải dựa vào các vua chúa thời cổ cũng chỉ là những thứ bất đắc dĩ mà thôi. Có thể lấy một số ví dụ: Thời "Nam Bắc Triều - Triều phương Nam và triều phương Bắc, sau thời kỳ Đông Tấn ở Trung Quốc - có một người tên là Trương Thiên Giản đưa bài văn của ông đến cho Lỗ Nạp xem, Lỗ Nạp bảo là thứ dỏm nên vứt vào sọt rác. Sau đó Thiên Giản viết lại, lấy tên là Thẩm Ước, lại đưa cho Lỗ Nạp xem, đọc câu nào ông đều tán thưởng câu ấy. Trần Tu Viên triều đại nhà Thanh viết một bài Tam Tự Kinh y học, lúc đầu ký tên là Diệp Thiên Sĩ, khi quyển sách đã được lưu hành rồi mới dám đổi tên mình. Điều này trong lời tựa của Tu Viên có thể chứng minh rõ. Xem xét hai sự việc trên, giả sử các Chư tử thời Chu, Tần không dựa vào các vua chúa có công khai quốc, e rằng các học thuyết của họ đã bị tiêu diệt rồi, đâu còn truyền đến ngày nay nữa. Các Chư tử thời Chu, Tần có ý muốn cứu đời, phải dùng các biện pháp ấy, học thuyết của họ mới có thể tiến hành được. Không ít những người sau đã được khích lệ, chúng ta cần phải cảm ơn họ, thế nhưng để nghiên cứu cho ra chân lý không thể không xé toạc cái màn che chắn bên trong.

Sau Khổng Tử, cũng có một thánh nhân trong đám bình dân ra đời. Người này là Quan Vũ mà ai nấy đều đã biết! Phàm người đã chết rồi thì sự nghiệp kết thúc, duy nhất có Quan Vũ sau khi chết còn liên quan đến nhiều sự nghiệp, vẫn tự dành lấy danh hiệu thánh nhân lại, đã viết nên "Đào Viên Kinh" (Ý nói về những lời thề của chuyện kết nghĩa Đào Viên: Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi thời Tam Quốc), "Giác Thế Chân Kinh" (Chân kinh để giác ngộ cho đời) lưu truyền đời sau. Trước thời Khổng Tử, sự nghiệp và sách kinh điển của những thánh nhân ấy cũng giống như Quan Vũ mà thôi.

Ngày nay ở một làng quê hẻo lánh nào đó, ngẫu nhiên có một người được hưởng giàu sang một tí chút; nói theo thuyết nhân quả, tức là người đó đã tích nhiều công lao ở dưới âm phủ. Nói rất hay: "Nào là phần mộ của ông ta rất tốt, đã phát rồi; xem tướng đoán số mệnh đều nói là tướng mạo anh

ta khác thường so với mọi người”, tôi nghĩ lòng người thời thượng cổ không khác bao nhiêu so với hiện tại, đại khái cũng có người nói về thuyết nhân quả; nhìn thấy các đế vương mở mang lập nghiệp, thì nói hành vi của các đế vương ấy là rất đạo đức rất tốt, cách nói này cũng được lưu truyền, trở thành tái hiện của những sách vở các Chư tử thời Chu, Tần. Thêm nữa, con người ta đều có thành kiến, trong lòng đã có thành kiến, khi nhìn các vật thì hình tượng sẽ bị thay đổi. Người đeo kính màu xanh, nhìn mọi vật sẽ trở thành màu xanh; người đeo kính màu vàng, nhìn mọi vật đều trở thành màu vàng. Các Chư tử thời Chu, Tần sáng tạo ra một học thuyết, dùng con mắt của mình để quan sát người xưa, người cổ xưa tự nhiên đã thay đổi hình tượng, sao cho phù hợp với học thuyết của ông ta.

Chúng ta hãy thử nghiên cứu Đại Ngu trong các thánh nhân. Đùi ông ta không có bắp, cẳng chân không có lông, đầu trọc đen, sắc mặt đen bóng, thế mà lại là nhà Kiêm Ái vì “mọi người mà không ngại gian khó”. Hàn Phi Tử nói: “Ngu triệu các vương hầu đến họp, họ đề phòng đến chậm bị Ngu giết chết”, ông ta lại trở thành một đại pháp gia, chấp pháp vững như núi vậy. Khổng Tử nói: “Ta không ưa Ngu mấy, chẳng thích ăn uống mà lại hiếu với quý thần, ghét quần áo mà lại thích mũ miện đẹp, không ưa ở nhà mà lại tận lực ở chốn ao chuôm”. Rõ ràng là một bậc rất thuần Nho, thế mà Khổng Tử lại có cái khẩu khí châm biếm bất đắc dĩ như vậy. Đọc những bài văn về những ngôi sao thời Ngụy, Tấn thì thấy bước đường ông đi như Tào Phi, Lưu Dục. Các vị Tống nho đã nói: Ông ta (chỉ Đại Ngu) trở thành nhà lý học rộng lớn. Trong tập thư có nói ông ta lấy một cô gái Đồ Sơn, là một hồ ly tinh, phảng phất giống như một thư sinh công tử ở Liêu Trai. Nói rằng ông ta thoa phấn mong làm thay đổi cô gái họ Đồ Sơn, lại phảng phất như khoe khoang sự phong lưu của đôi lông mày được vẽ ra. Lại nói ông ta trị thủy, đã lừa dối được quý thần, có điểm giống như Tôn Hành Giả trong “**Tây Du Ký**”, giống Khương Tử Nha trong truyện “**Phong Thần**”. Theo con mắt nhận xét của Tôn Ngô này, ông ta lúc đầu đã quên người thân thờ kẻ thù, tiếp đó lại cướp đoạt thiên hạ của người thù địch. Cuối cùng bức tử người thù cũ, chôn ở Thượng Ngô giống như những nhân vật quan trọng trong **Hậu Hắc** vậy. Con người này thật vô cùng quái dị, giả thật chẳng biết quái gì cả, những thánh nhân khác khéo cũng chẳng kém ông ta là bao, nếu chúng ta suy nghĩ thêm một chút, vứt bỏ cái màn che bên trong cũng có thể làm rõ ra được. Bởi vì các thánh nhân là những nhân vật được kết thành bởi những hoang tưởng của người đời sau. Sự hoang tưởng của mỗi người đều không giống như nhau cho nên hình dạng của các thánh nhân có biết bao nhiêu cái khác nhau.

Tôi đã viết “**Hậu Hắc Học**”, từ thời nay đi ngược lại thời Tần, Hán thấy tương hợp, đủ thấy từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến nay, tâm lý của con người nói chung cũng tương đồng. Lại truy cứu từ Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn, Võ, Chu Công thì biết được tâm lý của họ, thật là thần diệu khôn lường, làm theo lệ trời, tinh vi duy nhất, quả là “Hậu Hắc Học” không sao áp dụng cho được. Mọi người đều nói lòng người sau thời Tam Đại không cổ xưa, phảng phất như lòng người trước thời Tam Đại với lòng người sau

thời Tam Đại đã trở thành hai phái khác biệt lắm, thế thì không kỳ quái lắm sao? Thật ra đâu có gì là kỳ quái; giả dụ ở thời Văn Cảnh, cũng dùng các biện pháp của Vũ Đế, xóa bỏ tên tuổi Bách gia Chư Tử vốn là thánh nhân, chỉ để lại một mình Lão Tử là thánh nhân mà thôi. Lão Tử đã tôn xưng Hoàng Đế thì Hoàng Đế cũng là thánh nhân. Trong đám bình dân chỉ có Lão Tử là thánh nhân thì trong các vua khai quốc chỉ có Hoàng Đế là thánh nhân. Tấm lòng của Lão Tử "Huyền Thông kỳ diệu, sâu sắc khôn lường". Tấm lòng của Hoàng Đế cũng là "Huyền Thông kỳ diệu, sâu thẳm không thể biết được", "Chính sách chủ trương của họ luôn luôn thâm lặng, dân của họ luôn thuần nhất", sau Hoàng Đế nhân tâm không cổ hủ nữa. Thiên hạ mà Nghiêu đã cướp của người người anh, thiên hạ mà Thuấn đã cướp của bố vợ, thiên hạ mà Ngu đã cướp của kẻ thù, văn võ quần thần của Thành Thang đã phản lại vua. Chu Công là em đã giết anh, cuốn "Hậu Hắc Học" mà tôi viết ấy cũng chỉ có thể xét người lại tới thời Nghiêu, Thuấn thôi. Lòng người ở trước thời Tam Đại, lòng người ở sau thời Tam Đại đều dung hòa làm một mối. Nếu chịu khó tìm ngược về trước thì thấy lòng người ở thời đại Hoàng Đế và lòng người sau thời Nghiêu, Thuấn bị cắt thành hai mảnh. Giả dụ Lão Tử quả nhiên gặp vận may như Khổng Tử, ông đã trở thành một thánh nhân được vua ban. Tôi nghĩ cái danh hiệu Á Thánh của Mạnh Kha, nhất định sẽ bị Trang Tử cướp đi. Tứ Thư mà chúng ta đọc nhất định là của Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Y Tử; kinh thư mà chúng ta đọc nhất định là Linh Khu Tổ Vấn, sách của Khổng – Mạnh cùng với sách của Quản, Thương, Thân, Hàn đều là dị đoan để nơi gác tía, chỉ có ai hiểu kỳ mới tình cờ gỡ ra xem, lễ ký trong Đại Học, Trung Dung giống với Mệnh Lệnh. Quy chế của vua; nhân tâm chỉ sợ 18 chữ, nếu tìm ẩn những nét cổ xưa cũng chẳng có gì tinh vi kỳ diệu cả

Người đời sau giảng đạo nhất định hướng theo Đạo Đức Kinh, một môn huyền diệu sâu kín, cứ việc cặm cụi nghiền ngẫm, nhất định sẽ tạo ra cái thiên huyền, nhân huyền, lý tấn dục tấn...v.v.. Theo tôi nghĩ, chân tướng của thánh nhân chẳng qua là như thế cả (**Sau này tôi ngẫu nhiên gỡ Thái Huyền Kinh có thấy từ ngữ thiên huyền nhân huyền, duy chưa thấy từ ngữ "Lý tấn dục tấn"**)

Học thuyết chung của Nho gia đều lấy nhân nghĩa làm xuất phát, định ra một điều chung: "Người làm theo nhân nghĩa thì tốt đẹp, người không làm theo nhân nghĩa thì chết", những thành bại xưa nay có thể hợp với điều chung này, thì gác qua một bên không bàn nữa. Xin nêu một ví dụ để nói: Thái Sử Công nói trong sử nhà Ân: "Tây Bá về rồi vẫn tu âm đức làm việc thiện", sử nhà Chu thì nói: "Âm đức Tây Bá tốt đẹp làm việc thiện", có thể thấy tác dụng của hai chữ "Âm". Các thế gia đời Tề nói toạc ra: "Tây Bá siêu thoát quy vào đạo nghĩa, cùng với Lã Thượng mưu tu đức, nhằm lật đổ chính quyền nhà thương, việc ấy là thuật nắm binh quyền đầu phải thực lòng vì dân, các Nho gia thấy Văn vương đã thành công nên đã suy tôn ông hết cỡ. Từ Yển Vương đứng lên làm việc nhân nghĩa, 36 nước chư hầu Đông Hán đều theo, Kinh Văn Vương ghét người hại mình đem binh tiêu diệt, đó là sự thất bại của kẻ làm việc nhân nghĩa, các nho gia lại tuyệt nhiên không

nêu lên. Luận điệu của họ hoàn toàn giống như sự báo ứng của thuyết nhân quả được truyền tụng trong nhân gian, thấy người ta giàu sang thì nói người ấy có âm đức, thấy ai bị điện giật chết thì bảo người ta là kẻ nghịch tử bất hiếu, tâm của họ khuyên mọi người làm việc thiện, nhưng đạo lý chân chính thực sự đâu phải như vậy.

Thánh nhân đời xưa quả là vô cùng kỳ quái, Lưu Bình tán thưởng nơi mà thánh nhân đặt chân lên, lập tức thay lòng đổi mặt, thánh nhân cảm hóa con người, có sự thần diệu như thế? Tôi không lý giải được bố của Quảng Thái là thánh nhân, mẹ là thánh nhân, anh em điều là thánh nhân, vì bốn phương tám hướng đều bị các thánh nhân vây chặt, làm sao ở giữa lại có thể đẻ ra họ hàng cú vọ nhỉ!

Lý Tự Thành là tên giặc phiêu bạt khắp nơi, tiến vào Bắc Kinh, tìm thi thể Sùng Trinh Hoàng Hậu cho táng ở bên cửa hoàng cung, liệt quan tài gỗ liễn, đặt tại cửa Đông Hoa, để cho mọi người đến cúng tế. Vũ vương là bậc thánh nhân, ông ta đến chỗ Trụ vương chết, bắn vào Trụ vương ba mũi tên, rút chiếc kích vàng lớn chém xuống, treo đầu lên lá cờ màu trắng, các cụ, các ông của Vũ vương là những người đã từng xưng thần trước cung điện Trụ vương, thế mà ông ta lại có những hành động ấy, phẩm chất và hành vi của ông ta, rõ ràng cũng là một vị thánh nhân tài tình duy nhất, quả là cực khó khăn lắm thay? Giả dụ cái án ấy không được phơi trần ra thật đầy đủ, Ngô Tam Quế đã đầu hàng, thì Lý Tự Thành sao không trở thành Thái Cao Tổ Hoàng Đế nhỉ?

Thái vương ngày từ đâu đã trừ tận gốc nhà Thương, Vương, Quý Văn Vương nổi ngôi, Khổng Tử tôn xưng các vị Vũ vương, Thái vương, Quý Văn Vương, thật ra có khác gì Tư Mã Viêm, Tư Mã Ý, Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu chỉ khác là những người sống ở thời trước Khổng Tử được cái danh thánh nhân truyền lại đời đời, còn người sống sau Khổng Tử đều được cái danh nghịch thần cả.

Người đời sau thấy các thánh nhân đã làm những việc không đạo đức, tìm trăm phương nghìn kế để giải thoát cho họ, đến lúc có những chứng cứ xác đáng, không có cách gì giải thoát được nữa, mới nói đến các sự tích kể trên, lại phụ họa với người đời sau. Mạnh Tử đã nói rõ dẫn chứng này, ông nói: *"Đến lúc phải lấy nhân để đánh kẻ bất nhân, sẽ không thể không có chuyện đổ máu. Các chuyện Sở Thành Vương đổ máu trần ngập ấy chắc chắn đâu phải là chuyện giả. Từ chuyện dân chúng nhà Ân làm Tam Phán, chúng ta thấy có quá nhiều chiếu chỉ thông báo, cứ xem những chữ viết trong đó, đủ thấy khi phạt trụ thì máu đổ đầy tràn không phải là chuyện giả, chỉ e rằng: "Lấy nhân đánh kẻ bất nhân", câu nói này có phần giả dối chăng?"*

Tử Cống nói: *"Trụ vương không phải là kẻ thiện, chẳng qua nói quá vậy thôi, lấy danh nghĩa quân tử mà làm ác với những kẻ hạ lưu, lại quy tội thiên hạ là ác vậy sao?",* tôi cũng nói: *"Cái thiện của Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn vương và Chu công chẳng là quá xá sao, rõ ràng đều lấy danh nghĩa quân tử ngồi trên đám hạ lưu, lại quy cho thiên hạ đều là đẹp cả*

sao?”. Nhược bằng đổi chữ hạ lưu thành thất bại, đổi hai chữ thượng lưu thành thành công, còn cảm thấy xác thực hơn

Người xưa khi bày ra các đạo, các giáo, lập đàn tế lễ, lấy một người chết, chỉ cho chúng dân: “Đây là thần cúng tế”, chúng dân hướng vào đó gục đầu lễ bái. Đồng thời lại lấy đạo thánh giảng dạy, nói với chúng dân: “Học thuyết của ta là do các thánh nhân truyền lại”. Có người hỏi: “Đâu là thánh nhân?”. Người ấy tiện tay chỉ vào Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn vương và Chu công nói rằng: “Đây là các thánh nhân”. Chúng dân coi đó là những thi thể nói chung, hướng vào đấy gục đầu lễ bái. Về sau đã tiến hóa rồi, khi tế lễ đã bỏ đi những thi thể, duy chỉ có sự mê muội đối với các thánh nhân thì hàng nghìn năm vẫn chưa tỉnh được. Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn vương, Chu Công vẫn được sùng bái hàng bao nghìn năm

Những người giảng thuyết nhân quả, nói có Diêm vương, hỏi Diêm vương ở đâu? Họ nói: “Ở dưới đất”, những người giảng lý học, nói có nhiều thánh nhân, hỏi thánh nhân ở đâu? Họ nói: “Từ thời cổ”. Những quái vật ấy đều chỉ là tưởng tượng ra mà thôi, không thể nhận thấy, không thể chứng thực. Cái mà có thể chứng thực là đạo lý của họ, càng huyền diệu, những người tin lại càng nhiều. Những người sáng tạo ra những nghị luận này, vốn chỉ khuyên người ta làm việc mà không xác thực có thể gây ra nhiều tệ nạn. Các tệ nạn của thuyết nhân quả sẽ gây ra nạn quyền phi (Một hội bí mật đời thanh, luyện tập quyền thuật rất tinh thông, tức là Nghĩa Hòa Đoàn – Les Boxers), cái tệ của các thánh nhân khiến chân lý không thể xuất hiện được.

Sau khi Hán Vũ Đế tôn Khổng Tử là thánh nhân, dư luận trong thiên hạ từ đáy lòng đều chẳng ưa gì, nhưng không dám trái lệnh. Khổng Dung chỉ sơ lược bàn luận một vấn đề với bố mẹ, Tào Tháo đã giết ông ta. Kê Khang bài báng Thương Vũ, Tư Mã Chiêu đã giết ông ta. Nho giáo truyền bá được, đều phải dựa vào quyền lực nói chung như Thào Tháo, Tư Mã Chiêu. Về sau cho dù mở trường, tìm tòi kẻ sĩ, người đi học nếu không đọc sách của nho gia, sẽ chẳng còn đường để tiến thân. Một Khổng Tử đã chết, ông ta vẫn có thể tay trái nắm các tước quan, tay phải nắm lấy giang sơn, sao lại không trở thành người thầy của muôn đời được. Những nhân vật trong những học phái của các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh, trong tâm khảm của họ, nếu là những nhân vật đứng dưới chân ngựa của thánh nhân Khổng Tử cả, đã bị thánh nhân dẫm đạp, nên những nghị luận của họ đâu dám xa rời những điều vô căn cứ, đâu dám tránh những con đường quanh co khó hiểu.

Các thánh nhân của Trung Quốc là những kẻ cực kỳ chuyên quyền độc đoán. Những điều mà họ chưa hề nói, người sau không dám nói, nếu nói ra, dân chúng nghe thấy đều coi là dị đoan, sẽ công kích họ ngay. Chu Tử phát minh được một thứ học thuyết, không dám nói là tự mình phát minh được một thứ học thuyết, không dám nói là tự mình phát minh được, đành phải nói là một thứ cách vật trí tri ở cửa Khổng Tử đem lại, giải thích thêm chút ít, nói học thuyết của ông ta đích thực là di truyền của Khổng Tử. Về

sau mới có người tin. Vương Dương Minh phát minh một thứ học thuyết mà ai nấy đều biết, cũng đành phải nói là một thứ cách vật trí tri, có giải thích thêm, về sau nhận là học thuyết, bảo rằng Chu Tử đã nói sai, học thuyết của anh ta mới đích thực là của Khổng Tử di truyền lại. Học thuyết của hai vị Chu, Vương vốn dương ngọn cờ độc lập, không cần, không cần dựa vào Khổng Tử thì học thuyết của họ tài gì mang ra áp dụng được. Hai người ấy đã tốn bao tâm lực để tìm chỗ dựa, thế mà người thời ấy còn nói là thứ nguy học, bị công kích mạnh mẽ. Sự chuyên quyền của thánh nhân đến mức vậy thì làm sao nghiên cứu ra chân lý được?

Hàn Phi Tử - một nhà luật học thời chiến quốc - đã nói đùa rằng: "Người Dĩnh (tên địa phương, Thời Văn Vương nước sở dựng đô ở đất Dĩnh) gửi thư cho tướng quốc nước Yên (tên một nước thời chiến quốc, trong lịch sử Trung Quốc còn có cái tên: Tiền Yên, Hậu Yên, Nam Yên, Tây Yên và Bắc Yên; tên cũ của Bắc Kinh là Yên Kinh), khi viết trời tối xăm lại, kêu lên rằng: "thấp đuốc", người viết thư bèn viết hai chữ thấp đuốc. Thư được đưa đi, tướng quốc nước Yên xem khá lâu, nói rằng: "Thấp đuốc thì sáng lên, sáng lên là ý nói biết dùng người hiền", lời nói ấy được tâu lên vua nước Yên, vua nước Yên nghe theo lời tâu, đất nước trở thành đại trị, tuy có hiệu quả nhưng sai với bản nghĩa của lời thư", cho nên Hàn Phi Tử nói: "Tiên vương có sách Dĩnh, hậu thế có nhiều thuyết về Yên". Rốt cuộc bốn chữ cách vật trí tri sẽ giải thích ra sao, e rằng chỉ những người viết sách Đại Học mới rõ được mà thôi, trong hai ông Chu, Vương ít nhất cũng có một người không tránh khỏi sự phê bình của thuyết Yên trong sách Dĩnh. Đâu phải chỉ có bốn chữ "**Cách vật trí tri**", e rằng cả **Thập Tam Kinh (Kinh dịch, Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ, Kinh xuân thu, Chu lễ, Nghi lễ, Công dương, Cốc Lương, Luận ngữ, Nhĩ nhã, Mạnh Tử)** trong các kho sách của Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều có nhiều luận thuyết khéo léo, cũng không tránh khỏi sự phê bình của "Thuyết Yên trong sách Dĩnh".

Cái màn đen trong học thuật cũng giống như cái màn đen trong chính trị. Thánh nhân và vua chúa là một cái thai sinh đôi, đều là bầy lang sói dựa dẫm vào nhau ở khắp nơi cả. Thánh nhân không chịu phục tùng uy quyền của cái gậy vua chúa thì thánh nhân đã không được tôn sùng nhường ấy. Vua chúa không tuân theo cái gậy của học thuyết các thánh nhân thì vua chúa cũng chẳng thể làm càn, bậy bạ như vậy được, vì thế vua chúa đem danh hiệu của mình giao cho thánh nhân mới có thể xưng vương được. Thánh nhân đem danh hiệu của mình chia cho vua chúa, sẽ xưng thánh được. Vua chúa kiểm chế mọi hoạt động của nhân dân, thánh nhân kiểm chế tư tưởng của nhân dân, vua chúa phát ra một mệnh lệnh, nhân dân đều phải tuân theo. Nếu có người nào làm trái đều bị coi là kẻ đại nghịch, vô đạo, pháp luật sẽ không tha. Thánh nhân đưa ra một loại nghị luận nào, các học giả đều phải tin theo, nếu có ai phi báng đều bị coi là kẻ phi thánh, vô pháp, dư luận không tha thứ. Nhân dân Trung Quốc đã bị sự áp bức tàn khốc của chế độ quân chủ hàng bao nghìn năm, ý dân không thể được nêu ra, không trách nền chính trị luôn rối loạn. Các học giả Trung Quốc chịu sự áp bức tàn khốc của các thánh nhân hàng bao nghìn năm, tư tưởng không

thể được độc lập; không trách học thuật bị chìm đắm. Vì học thuật có sai lầm, nên chính trị mới đen tối, cho nên phải cải cách mệnh chế độ quân chủ, cái mệnh của các thánh nhân cũng phải cải cách luôn thôi.

Tôi không dám nói nhân cách của Khổng Tử không cao, cũng không dám nói học thuật của Khổng Tử không tốt, tôi chỉ nói ngoài Khổng Tử ra, cũng còn có những nhân cách khác, những học thuyết khác. Khổng Tử không thể áp chế chúng ta, cũng chưa nói đến cấm chỉ những học thuyết khác lạ do chúng ta sáng tạo, không như những người đời sau chỉ biết đề cao Khổng Tử, áp đặt tất cả, khiến tư duy của các học giả không dám vượt ra ngoài phạm vi của Khổng Tử.

Tâm khảm của các học giả bị Khổng Tử khống chế đã lâu rồi, đáng lẽ phải đẩy ông ta ra, tư tưởng mới có thể độc lập, mới có thể nghiên cứu ra được chân lý của vũ trụ. Thời trước, có người đã đẩy Khổng Tử ra, thời này, những người như Đác-uyn đã xông ra, chiếm cứ được tâm khảm của các học giả, dư luận thiên hạ lại nghiêng sang phía những người theo học thuyết Đác-uyn, trở thành một Khổng Tử biến hình, chấp hành những nhiệm vụ của thánh nhân. Đã có những người chống lại học thuyết của họ, lại bị coi là đại nghịch vô đạo, bị chửi bới ầm ĩ trên các trang báo, tạp chí. Nếu những người theo học thuyết Đác-uyn phải ra đi, lại có thể có người nhảy ra, chấp hành các nhiệm vụ của thánh nhân, học thuyết của người ấy cũng sẽ không cho phép ai trái ngược được. Theo tôi nghĩ: Học thuật là nhiệm vụ chung của thiên hạ, cần phải nghe người ta phê bình, nếu tôi có nói sai, phải sửa đổi theo học thuyết của người khác, sẽ không hại gì cho tôi cả, hà tất phải áp dụng thái độ quân phiệt, cấm người ta phê bình.

Phàm những việc đều lấy bình đẳng làm gốc, chế độ quân chủ không bình đẳng đối với các học giả, nên trong học thuật sinh ra rối loạn. Thánh nhân không bình đẳng đối với các học giả, nên trong học thuật sinh ra rối ren. Tôi chủ trương hạ bệ Khổng Tử xuống, cho ngang hàng với các Chư Tử thời Chu, Tần. Tôi và các chư vị độc giả cùng nhau tham gia, ngồi ngang hàng cùng với họ, hoan nghênh các vị theo học thuyết Đác-uyn, đối lập với nhau, tranh luận với nhau, không cho phép các vị theo học thuyết Khổng Tử hay Đác-uyn ngồi trên chúng ta, chúng ta cũng không ngồi trên chốc họ, ai nấy đều độc lập về tư tưởng, mới có thể nghiên cứu ra được chân lý.

Tôi vốn đã hay hoài nghi các thánh nhân, cho nên mỗi khi đọc sách của các thánh nhân, không thể không hoài nghi được, vì thế đã định ra ba bước đọc sách để định rõ những bước đi của mình, tiện đây xin trình bày như sau:

Bước thứ nhất: Coi những điều cổ xưa là địch thủ; đọc các sách của những người xưa đều coi họ là những kẻ kinh địch của tôi, có họ sẽ không có tôi, không thể không có trận huyết chiến với họ, từng bước tìm cho ra những kẻ hở của họ, nếu thấy kẻ hở nào thì xông ra công kích; lại tìm ra các cách kháng cự những người thời cổ đại, càng đánh càng mãnh liệt, càng công kích càng sâu hơn, đọc sách như thế mới có thể hiểu được mọi nghĩa lý.

Bước thứ hai: Coi những điều cổ xưa là bạn, tôi phải chịu khó đọc mới thấy, tức là nêu một chủ trương đối kháng với người xưa, lại coi người xưa là bạn tốt của mình, cùng nhau cọ sát. Nếu chủ trương của tôi sai, sẽ không nề hà sửa theo người xưa; nếu chủ trương của người xưa sai, thì dựa theo chủ trương của tôi, nghiên cứu tiếp thêm nữa.

Bước thứ ba: Làm học trò của người xưa, những người xưa đã trước tác các sách, học thức rất sâu sắc, nếu tôi tin vào học lực của các vị thời xưa ấy, thì không nề hà đọc sách của họ, đem sách ra đọc và bình phẩm như một học sinh bình văn nói chung, nói lên được cái đúng, sẽ khuyên mấy vòng khuyên thật kín đặc; nói lên được cái không đúng, sẽ gạch mấy gạch thật đậm. Ngôn ngữ dung tục thể gian hàm súc nhiều ý hay, thú vị, nhưng không nhiều, huống hồ là sách của người xưa, đương nhiên có rất nhiều điều có lý chứa đựng trong đó. Phê bình càng nhiều tự nhiên tri thức càng cao, đó là điều nhờ đó mà lớn lên trong học tập phổ thông đã từng nói. Nếu gặp một người xưa mà tri thức tương đương với tôi, tôi mời người ấy và đối đãi như một người bạn già. Nếu gặp người có trí thức hơn tôi, tôi lại coi người này như một kẻ kinh địch, tìm những khe hở của họ, để xem có thể công kích vào những khe hở đó được hay không.

Tôi tuy đã định ra ba bước như vậy, kỳ thực vẫn chưa làm được, tự mình cảm thấy hổ thẹn. Tôi hiện nay mới làm được bước thứ nhất, muốn tiến lên bước thứ hai, vẫn chưa thể đạt được, còn lượng sức mình có lẽ suốt đời không thể đạt tới bước thứ ba. Giả dụ, tuy đã tìm ra được con đường phải đi, song con đường ấy quá dài, sức chân có hạn, đành phải cố gắng cất bước, đi từng đoạn lại tình cho đoạn bước tiếp sau vậy.

Phần 4

TÂM LÝ VÀ LỰC HỌC

Chúng ta không thể quên được, năm Dân Quốc thứ 9 là kỷ nguyên mới trong sự phát triển tư tưởng của Tôn Ngô, "Hậu Hắc Học" của ông thực ra mà nói là bắt nguồn từ thuyết tính ác của Tuân Tử, về mặt lý luận không thể không nói rằng không dựa vào đây, nhưng lúc ấy tự ông cũng cảm thấy chỗ dựa ấy không đủ. Một hôm, ông cùng một người bạn là Tào Kinh Chiêm ngồi nói chuyện phiếm ở quán trà, Kinh Chiêm bèn hỏi Tôn Ngô rằng: "Bạn bè đều coi tư tưởng của ông là rất sắc bén, tại sao chỉ dừng ở mức độ đùa vui châm chọc thôi? Nên đi sâu nghiên cứu thành một học thuyết, nếu có phát minh cũng là vẻ vang cho bè bạn".

Nghe lời nói đó ông rất cảm động, lại từ "Hậu Hắc Học" đi sâu nghiên cứu thêm một bước. Ông cho rằng "Hậu Hắc Học" có quan hệ với tâm lý học, bèn tìm các sách tâm lý học trong và ngoài nước để đọc nhưng mãi vẫn không thể thu nhận được gì thêm. Ông đã hoang mang không biết theo ai, và theo bản tính ông gạt hết những lời thuyết của người xưa, đời nay, rồi

dùng những quy luật của vật lý học để nghiên cứu tâm lý học. Một hôm đang đi ngoài phố, bỗng thấy linh tính lấy chữ "Tôi" làm chủ thể, phảng phất trước mặt có nhiều cái vòng vây lấy chữ "Tôi", rồi mở rộng dần ra như cái nam châm vậy. Sự biến đổi nhân tâm đều theo quy luật của lực học, các sự tích cổ kim, việc chính trị ngày nay, việc vật thường ngày, trong tâm khảm của mình, ở lý hóa số học, ở các thuyết phương tây đều biểu hiện rõ ràng, cảm thấy có thể thông được. Cũng lúc ấy, thấy ánh hào quang giác ngộ hiện lên ở người phật, và cũng lúc ấy "Thuyết tương đối" của AnhsTanh (Einstein) và thuyết của Niu-Tơn (Newton) ứng dụng vào tâm lý học, rồi tìm ra một dự đoán "Tâm lý dựa vào quy luật của lực học biến đổi". Trong năm ấy tôi viết một chuyên luận, tiêu đề là "Tâm lý và lực học" rồi dùng lực học và số học để giải thích mọi sự biến đổi của con người. Qua hơn mười năm nghiên cứu, bổ sung và chỉnh lý mới mở rộng thành một cuốn sách ra mắt người đời, cuốn sách này được xem là trung tâm tư tưởng của tôi. Đương thời, tôi đã tìm ra một dự đoán, muốn biến nó thành dẫn dụ. Đầu tiên tôi bắt đầu nghiên cứu "nhân tính luận" của Mạnh Tử và Tuân Tử. Mạnh Tử nói: "Đứa bé đang bế trên tay không đứa nào không yêu mẹ, đến khi lớn lên đứa nào cũng kính yêu anh". Tôi cho rằng lời nói ấy chưa hẳn đã đúng. Thử mời một bà mẹ bế đứa con của mình làm thí nghiệm trước công chúng, nếu bà mẹ bế con và cho nó ăn cơm, đứa bé sẽ đưa tay kéo cái bát cơm trên tay mẹ, nếu không chú ý cái bát có thể rơi vỡ. Hiện tượng ấy sao có thể gọi là yêu mẹ được, rồi bà mẹ cầm trong tay một miếng bánh ngọt, đứa bé trông thấy vội giơ tay giắt lấy, nếu bà mẹ không có nó mà bỏ vào miệng mình, đứa bé ấy sẽ đưa tay móc miếng bánh ra rồi bỏ vào miệng nó. Hiện tượng ấy có gọi là yêu mẹ được không? Khi đứa bé đang được mẹ bồng bế trong lòng mà ăn cái gì đó, chẳng anh đến gần, đứa bé đẩy anh ra và đánh anh, hành động này sao gọi là kính yêu anh? Trẻ em ở nước nào, châu nào cũng vậy. Sự thật có hiện tượng như thế thì thuyết "Tính thiện của Mạnh Tử rõ ràng là không đúng chẳng?" nhưng câu nói: "Đứa bé đang bế trên tay không đứa nào không yêu mẹ, đến khi lớn lên đứa nào cũng kính yêu anh" rất cuộc từ đâu mà ra. Muốn giải thích vấn đề này đành phải dùng phương pháp vật lý học để nghiên cứu.

Thiên tính của con người lấy "Tôi" làm chủ thể. Tôi và mẹ đối lập nhau, đứa bé chỉ biết có cái "Tôi" nên móc miếng bánh từ trong miệng mẹ ra bỏ vào miệng mình. Mẹ là người cho tôi bú, anh là người anh là người mang thức ăn đến cho tôi, so sánh giữa mẹ và anh thì mẹ gần gũi hơn anh. Cho nên đứa bé yêu mẹ. Lúc lớn lên, "Tôi" tiếp xúc với hàng xóm, so sánh giữa anh với hàng xóm, thì anh gần gũi tôi hơn nên kính yêu anh.

Từ đó suy ra, nếu đi ra khỏi làng thì yêu hàng xóm, nếu đi ra tỉnh khác thì yêu người tỉnh mình, nếu đi ra nước ngoài thì yêu người nước mình, nó có một quy luật nhất định. Quy luật đó là cách tôi càng gần, tình yêu càng đậm thắm, tình yêu thương và khoảng cách tỷ lệ nghịch với nhau. Ta thấy trong câu nói "Đứa bé đang bế trên tay không đứa nào không yêu mẹ, đến khi lớn lên đứa nào cũng kính yêu anh" của Mạnh Tử đã chứa đựng chữ "Tôi" chẳng qua nói rõ ra thôi. Nếu bổ sung chữ tôi vào vẽ hình xem tự nhiên sẽ sáng tỏ ngay.

Phần 5

TÍNH LINH VÀ ĐIỆN TỬ

Một đối tượng nghiên cứu khác của Tôn Ngô là vấn đề "Tính linh và điện tử". Vấn đề này là sự tiếp tục nghiên cứu của "Tâm lý và lực học", là sự phát triển cao nhất của ông. Từ "Thuyết tính ác" ông mạnh dạn nêu lên thuyết "Mặt dày tâm đen tôi", nhưng vẫn không ngừng tiếp tục nghiên cứu "Thuyết tính người". Trong quá trình nghiên cứu, ông không chỉ phủ nhận "Thuyết tính ác" và cũng phủ nhận thuyết "Thiện ác lẫn lộn", thuyết "tính có thiện ác" và thuyết "ba mặt của tính tình". Sau này, ông phát hiện tính con người không gọi là thiện, không gọi là ác mà nó có một "lực", "lực" này có thể đẩy và hút, giống như hiện tượng của vật lý, do đó ra đời cuốn sách "Tâm lý và lực học"

Về sau, ông lại sáng tạo ra một giả thuyết: Tính linh của người do điện tử quá đất chuyển đến. Giả thuyết này nếu được chứng minh đầy đủ thì sẽ có cuộc tranh luận giữa khoa học và huyền học, tranh luận giữa duy vật và duy tâm, đề ra nhiều chuyện. Nhưng do trình độ học vấn và tuổi tác của ông hạn chế, không thể đem giả thuyết này chứng minh đầy đủ, ông chỉ có thể đem những điều mình suy nghĩ viết thành một bài "Tính linh và điện tử" để các học giả sau này có thể bác bỏ hoặc công nhận.

Ông cho rằng vật chất không bị tiêu diệt, năng lực không bị tiêu diệt, đó là định luật của khoa học. Theo định luật này người ta khi chết đi, cơ thể rữa thành bùn đất, còn tính linh hóa thành điện tử. Nếu coi đó là tính linh của cơ thể, sinh ra tự có, chết đi chạy mất, liên hệ với thuyết vật chất không bị tiêu diệt, năng lực không bị tiêu diệt thì có thể thông được. Đó là duyên cớ có người tu luyện thành tiên thành phật, hoặc có người tu luyện để điện tử ngưng tụ không tan. Hoặc có người nói "Oan hồn không tan" tức là lòng thù hận giữ điện tích tụ, đến khi oán thù đã báo, lòng hận thù mất đi, điện tử không tích tụ thì hồn ma sẽ mất.

Nếu theo giả thuyết "Tính linh do điện tử chuyển biến mà thành", thì vấn đề này giải đáp được. Người ta chết đi, vật chất trên người trả cho quá đất, tính linh hóa thành điện tử thì linh hồn coi như bị tiêu diệt, nhưng cơ thể con người tuy chết, vật chất còn tồn tại, điện tử thì có thể nói linh hồn vẫn tồn tại. Trang Tử nói: "Trời đất sinh cùng thời với ta, vạn vật với ta là một" có lẽ theo cái lý nêu trên.

Người theo đạo phật rất coi trọng 4 chữ "Liễu liễu thường tri". Người ta lúc ngồi tĩnh tâm thì lòng dạ minh mẫn, đến khi gặp việc bề bộn thì lòng dạ không còn minh mẫn nữa. Người có học lực sâu tuy gặp việc bề bộn, lòng dạ vẫn minh mẫn, nhưng đêm ngủ thì mê mẫn. Người có học lực sâu hơn khi ngủ vẫn minh mẫn đó gọi là thức ngủ như một. Người có học lực rất

sâu, chết rồi vẫn minh mẫn, đó gọi là “Sống chết như một”, chết rồi vẫn còn minh mẫn tức là nói linh hồn tồn tại lâu dài.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chữ Vạn từ não đức Như Lai toát ra hào quang quý báu, tia chớp nháy có muôn vàn màu sắc, tỏa khắp thập phương, Phật truyền thế giới, trong chốc lát. Hào quang quý báu ấy là điện quang. A Nạn nói về Phật rằng: “Ta thấy Như Lai có 32 tướng đẹp đẽ tuyệt trần, hình thể lấp lánh như ngọc lưu ly, thường ngồi tư duy, tướng ấy không để ra lòng dục ái. Sao vậy? Dục khí vẫn đục, tập chất giao thông, huyết dịch hỗn loạn, không thể tĩnh tâm minh mẫn được, kinh quang không thể ngưng tụ thoát ra được. Đó là nói Thích Ca tu dưỡng rất công phu, đã đem huyết nhục biến thành chất ngưng tụ của điện từ, nên phát ra hào quang quý báu, tỏa khắp thế giới. Người theo đạo Phật có thuyết mắt thông thiên, bây giờ phát minh vô tuyến điện đã có thể chứng minh cho cách nói này. Bản thân Thích Ca là một đài vô tuyến điện, tương lai điện học phát triển lên có thể chứng minh lời trong kinh Phật không phải là hư vô, cũng có thể chứng minh giả thuyết “Tính linh do điện từ chuyển biến mà thành”.

Lão Tử khi nói thường lấy nước làm ví dụ, Phật cũng thường lấy nước làm ví dụ. Chúng ta không lấy không khí làm ví dụ, nhưng cho rằng không khí không diệt, không bẩn không sạch, không tăng không giảm, không cổ không kim, không biên giới, không trong ngoài, các tổ chất ấy không khí đều có đủ. Thêm một bước lấy điện từ trung hòa làm ví dụ lại càng chính xác. Nếu nói giả thuyết “Tính linh của người do điện từ chuyển biến mà thành” mà đọc sách đạo Phật, đạo Lão cũng có thể giải thích được.

Con người thường cho mình cao hơn vạn vật, đó chẳng qua chỉ là cách đề cao con người. Thực ra người và vật đều do quả đất sinh ra, mọi nguyên tố trên cơ thể đều là vật chất của quả đất. Từ quả đất mà nhìn nhận thì người và vật đâu có khác nhau, giống như bố mẹ sinh ra hai người con, con trưởng là “Người”, con thứ hai là Vật, chẳng qua con trưởng thông minh, con thứ hai ốm đau cầm điếc mà thôi. Vật chất ở người, vật chất ở quả đất đều do điện từ cấu thành, người có linh hồn, quả đất cũng có linh hồn, linh hồn của quả đất là điện từ. Vật chất của quả đất biến thành thực vật, đồng thời điện từ của quả đất cũng biến thành bộ máy nuôi thực vật. Con người ăn thực vật, vật chất biến thành râu tóc, xương thịt mỗi lần biến chuyển càng cao hơn, điện từ của quả đất biến thành bộ máy nuôi thực vật, biến thành tính linh của con người, càng biến càng cao vậy. Tuy qua mấy lần biến chuyển, tính chất vốn có vẫn tồn tại, cho nên nguyên tố của con người với nguyên tố của quả đất giống nhau, cảm ứng tâm lý địa từ giống nhau. Nhưng qua mấy lần biến chuyển, râu tóc thịt xương của người khác với bùn đất cát sỏi của quả đất, tính linh người khác với điện từ của quả đất. Tại sao vậy? Vì quả đất là vật chết, con người là vật sống, cho nên vận dụng quy luật của lực học để quan sát sự việc con người, phải thích hợp chứ không cứng nhắc được.

Lão Tử nói: “Các vật hỗn thành, trước tiên trời đất làm chủ, đứng riêng không đổi, xoay quanh không dừng, coi là mẹ của thiên hạ, ta không biết

tên nó nên gọi là Đạo, nói mạnh hơn là Đại". "Đạo" mà Lão Tử nói tức là "Chân như" mà Thích Ca nói: "Núi sông đất đai, mặt trăng mặt trời tinh tú, thân khí trong ngoài đều do chân như không giữ tính của nó, biến hiện mà ra". Cách nói ấy giống với Lão tử. Chân như không giữ được đặc tính của nó, biến thành điện từ trung hòa, từ đó biến thành khí thể, bay cuộn trong thái không, qua mấy lần chuyển biến mà hình thành núi sông đất nước, mặt trăng mặt trời, các vì sao. Từ đó sinh thực vật, sinh động vật, sinh loài người. Mà Phật nói trạng thái "A lại gia thức". Tương tự nói trạng thái điện từ trung hòa, khi là A lại gia thức của người, do cùng là vật chất, ở quả đất là bùn đất cát sỏi, ở người là râu tóc xương thịt. Người bây giờ nói tính linh của người không giống với sự hồi chuyển của điện từ là do thiếu kiến thức khoa học, thấy râu tóc xương thịt không giống với bùn đất cát sỏi. Điện từ trung hòa là biến hiện sơ khai của chân như, chân như không nhìn thấy được. Chúng ta đọc sách của Lão và Phật, đứng ở điện từ trung hòa thì thấy "Đạo" và "Chân như" phảng phất ở trạng thái như vậy.

Chúng ta giả định "Tính linh điện từ do điện chuyển biến mà đến". Trong nhiều thuyết pháp của Phật và Tống nho thương nói: "Cá ở dưới nước, nước ở ngoài cũng như nước ở trong bụng cá chép vậy". Nhà Nho đời Minh nói: "Khấp trời đất đều tà tâm". Các cách nói ấy không cần nhiều lời giải thích. Sách Trung Dung nói: "Mừng giận buồn vui chưa phát ra gọi là Trung". Đại Tổ nói: "Lúc nào không nghĩ thiện, không nghĩ ác, lúc đó bộ mặt lộ rõ nhất". Trang Tử nói: "Tâm không vui buồn, các đức đến vậy, một khi không động, cái tĩnh đến vậy, đó đều là hiện tượng A lại gia thức, đó cũng là hiện tượng trung hòa điện từ. Phát động trung hòa điện từ lên, gây tác dụng đẩy hút nhau thì sự việc cũng ào ào nổi dậy. Cho nên muốn nghiên cứu các sự biến của người đời, đầu tiên phải tạo ra một ước đoán tính linh của người, từ điện chuyển biến mà đến, nhưng nghiên cứu điện từ không thoát ly được lực học, do đó phải tạo ra ước đoán mới "Tâm lý theo quy luật lực học mà biến hóa". Các ước đoán đó, các sự vật mới có quỹ đạo mà theo. Các học thuyết khác nhau trên thế giới mới có thể hội quy thành một.

Phần 6

PHÁT MINH RA "TUYỂN QUAY VỀ GỐC"

Ta còn nhớ điều ông phát minh ra: "Sự biến đổi của tâm lý là đi theo luật của lực học", cho nên ông muốn tuân theo định luật đó để tìm ra quỹ đạo sự diễn biến của học thuật mà quỹ đạo phải theo. Nếu biết được học thuật trước đây diễn biến như thế nào thì có thể đoán được tương lai học thuật sẽ phát triển theo con đường nào. Ông nói: Từ lúc khai thiên lập địa, loài người đi lại trên quả đất, mới biết rằng dù mình đi như thế nào đều bị sức hút của tâm quả đất chi phối. Tư tưởng của loài người tự cho rất được tự do, nếu đem học thuyết Newton khuyếch đại lên, ứng dụng vào tâm lý học thì biết rằng tư tưởng nào dù rất tự do đều phải có quỹ đạo đi theo. Mọi sự biến đổi trong đời người theo thói quen mà không quan sát, cũng như con

người sống trước Newton không biết có sức hút của tâm quả đất. Vì vậy, ông có cách nhìn đặc biệt với xu thế học thuyết Trung Quốc với sự giao lưu học thuật của thế giới.

Ông nói: Học thuật của nước ta trước kia có hai thời kỳ, thứ nhất là kẻ sĩ thời Chu, Tần; thứ hai là nhà Nho thời Triệu, Tống. Học thuật của hai thời kỳ này có tính sáng tạo. Năm đời Hán, Ngụy, Tống, Nam bắc triều, Tùy, Đường là kẻ thừa học thuật thời Chu Tần mà nghiên cứu sâu hơn; triều Nguyên là kẻ thừa học thuật thời Hán, Tống mà nghiên cứu sâu hơn; Triều Thanh là kẻ thừa học thuật của Trung Quốc độc lập phát triển; Triệu Tống là thời kỳ học thuật Trung Quốc dung hợp với học thuật Ấn Độ, kẻ sĩ thời Chu, Tần nói chung lấy Khổng Tử là người đại diện, ai không lấy Khổng Tử là người đại diện mới lấy Lão Tử là người đại diện. Các nhà Nho thời Triệu Tống nói chung lấy Chu Tử là người đại diện, nếu không lấy Chu Tử là người đại diện mới coi Trình Minh Đạo là người đại diện. Bây giờ đã bước sang thời kỳ thứ ba, thế giới giao lưu, bốn bể là anh em, thời kỳ mà học thuật Trung Quốc, Ấn Độ, Phương Tây dung hợp thì có thể tìm ra quỹ đạo tiến hóa của học thuật. Biết được do học thuật Trung Ấn dung hợp mà hình thành phương thức nào đó thì cũng sẽ biết được do học thuật Trung-Ấn-Tây phương dung hợp tạo nên. Ta dùng cánh chim vỗ cánh bay lên không trung hoặc nhìn nước sông chảy ra biển, thì có thể nhìn thấy xu thế lớn của học thuật.

Ông nói, cuốn sách Lão Tử là cương lĩnh chung của học phái thời Chu, Tần; sách các Chư Tử là tiểu đề mục. Chư Tử nêu lên một bộ phận trong cương lĩnh, phát huy thêm, chỉ có thể nói là họ nghiên cứu rất tinh tế nhưng không ra phạm vi của Lão Tử. Chân lý vũ trụ là một cái có thật, ban đầu mờ mịt như một ngọn núi hoang cực lớn, không người khai phá. Về sau tình cờ có người nhật được ở núi đó một vài của quý, mọi người thấy lạ mới rủ nhau lên núi tìm kiếm, có người được bạc, có người được đồng, sắt, thiếc. Tuy không giống nhau vẫn là có bắt được của quý; người làm sách Hà Đồ, Lạc Thư là tình cờ bắt được của quý; Chư tử thời Chu Tần là người lên núi khai thác của quý, Lão Tử là người được nhất trong bọn họ. Lão Tử đem chân lý vũ trụ, sự biến cố kim dung hợp lại, tìm ra quy luật biến hóa quy luật biến hóa của nó, đặt tên là "**Đạo**". Đạo là đường, tức là nói vạn vật trong vũ trụ không thể không đi theo con đường ấy. Đem quy luật ấy viết thành quyển sách đặt tên là "**Đạo Đức Kinh**". Căn cứ vào sự biến từ trước, đoán được sự biến cố tương lai nên nói: "*Giữ đạo xưa để chế ngự cái hiện có*".

Lão Tử hiểu rằng quỹ đạo của mọi sự vật có ở tâm nên Lão Tử nói "**Đạo đức**". Khổng Tử sinh sau Lão Tử hiểu rõ lẽ này, dùng nó để dạy người nên Khổng Tử nói "**Nhân**", Mạnh Tử nối tiếp Khổng Tử nên nói "**Nhân**" phải thêm chữ "**Nghĩa**". Tuân Tử nối tiếp Mạnh Tử, chú trọng chữ "**Lễ**". Hàn Phi học Tuân Tử thấy chữ Lễ chưa đủ khoan con người lại nên nói: "Pháp thuật hình danh". Những điều ấy theo thời phát triển, tự nhiên như vậy, người đời gọi "**đạo đức**" thành "**pháp luật hình danh**", đầu tiên là Lão Tử nêu lên, nào có biết từ đạo đức đến nhân nghĩa, từ nhân nghĩa mới đến

pháp luật hình danh. Người nói nhân nghĩa không có tội, người nói đạo đức không có tội không thể không kêu oan cho Lão Tử. Đạo đi mà thành đức, đức đi mà thành nhân, nhân đi mà thành nghĩa, nghĩa đi mà thành lễ, lễ đi mà thành hình, hình đi mà thành binh. Đạo đức đứng đầu, hình binh đứng cuối. Tôn tử nói binh, Hàn Phi nói hình nhưng gốc của nó đều từ Lão Tử. Ba pháp bảo của Lão Tử: một gọi là Từ, hai gọi là Kiệm, ba là không dám bước đi trước thiên hạ. Năm điều Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng của Khổng Tử thì chữ Kiệm giống với Lão Tử, chữ Nhượng giống với không dám đi trước thiên hạ của Lão Tử, 3 chữ Ôn, Lương, Cung là cụ thể hơn chữ Từ, đó đủ cho ta thấy các nhà Nho xuyên thông với Lão Tử. Kiệm Ái của Mặc Tử là Từ của Lão Tử, Tiết dùng của Mặc Tử là Kiệm của Lão Tử. Lão Tử nói về binh: "*Không dám làm chủ mà làm khách, không dám tiến tấc mà lui thược*". Lại nói: "*Giữ thì vững*", Mặc Tử nói: "*Không công mà giỏi thủ*" thì cũng giống như Lão Tử ở trên. Các nhà thuyết khách thời Chiến Quốc, Tô Tần được coi là đứng đầu. Sách ông đọc là Âm Phù Kinh, đó là sách của đạo sĩ gần giống với Lão Tử. Lão Tử nói: "*Đạo của trời như trương cung vậy, người cao đề xuống, người dưới giơ lên*". Câu này của Lão Tử theo lập luận chữ "**Bình**". Tô Tần làm tướng 6 nước, mỗi khi dùng câu "*Thà làm đầu gà, không làm đuôi trâu*" là muốn kích động lòng bất bình của 6 nước trong đó chứa đựng nguyên lý đạo trời trương cung hợp với cái lẽ tự nhiên, cho nên lời nói của Tô Tần mới mê hoặc được lòng người. Câu nói: "*Dục thủ cô dữ*" của Lão Tử được các nhà chính trị, các nhà quân sự đời sau tôn thờ. Dương Chu, Trang Tử, Liệt Tử, Quan Y là những người trực tiếp thừa kế học thuyết của Lão Tử. Chữ Tử Chu Tần thường công kích nhau nhưng không công kích Lão Tử, chứng tỏ học thuyết của Lão Tử không xung khắc với Chư tử, tức là xuyên thông với nhau. Thời xuân thu chiến quốc, các nước tranh giành nhau, đồng thời trong giới học thuật cũng đề ra trăm nhà đua tiếng. Từ Tần về sau, thiên hạ thống nhất, học thuyết cũng là ý của vua, cũng thống nhất. Thời Tần chỉ có học thuyết pháp gia được tồn tại, các học thuyết khác bị bãi bỏ. Đầu nhà Hán, đổi sang theo Hoàng Lão, đến Hán Vũ Đế, chuyên theo học thuyết Khổng Tử, nhưng học thuyết Lão Tử vẫn còn rất mạnh, nên xuất hiện 2 dòng đạo Khổng, đạo Lão. Về sau đạo Phật truyền vào Trung Quốc ngày một hưng thịnh trở thành 3 dòng đạo trong cùng một khu vực, dựa nhau đẩy nhau, qua một thời gian dài tự nhiên có một xu thế hợp nhất, học thuyết Tống Nho theo xu thế ấy sinh ra.

Muốn nói về học thuyết Tống Nho, trước tiên phải nghiên cứu sự giống và khác nhau của 3 đạo giáo. Sự giống khác nhau này người xưa đã nói nhiều, nhưng điểm quan trọng nhất là 3 đạo giáo phải "*Quay về gốc*". Mạnh Tử nói "*Gốc của thiên hạ là nước, gốc của nước là nhà, gốc của nhà là thân*". Nhưng quay về đến thân vẫn chưa dừng được nên ông lại nói: "*Đứa bé không đứa nào không yêu mẹ, khi lớn lên không đứa nào không kính anh*". Ta thấy nhà Nho quay về gốc; quay đến đứa bé nhóc mới thôi. Sách của Lão Tử thường nói "**Anh nhi**", anh nhi là đứa bé đẻ rơi xuống đất. Mạnh Tử nói đứa bé bế trên tay biết yêu kính là có trí thức rồi. Lão Tử quay về gốc, đi sâu hơn quay đứa bé mới đẻ ra rơi xuống đất chưa có dục vọng gì mới thôi.

Lời của Lão Tử tuy vô tư vô dục nhưng còn có tâm, nên nói: "*Tâm thánh nhân không thường có, lấy tâm trăm họ làm tâm mình*". Thích Ca coi tâm ấy là không có, không có người, không có ta, chỉ có Niết Bàn. Nhà Phật thường răn người: "*Xem khuôn mặt trước khi bố mẹ sinh*", tức là nhìn thấu cái thai trong bụng mẹ, còn tiến bộ hơn "**Anh nhi**" của Lão Tử. Ba đạo giáo Nho, Phật, Lão đều trên một tuyến như hình vẽ:

TrướcCanh - Thiên hạ

Kỷ - Nước

Mậu - Nhà

Đinh - Thân (ta) lúc thành người

Bính - Bé bế trên tay (biết yêu kính)

Ất - Anh nhi (Vô tri vô dục)

Giáp - Trước khi bố mẹ sinh (Không người không ta)

Nhà Nho từ Canh quay về Đinh, lại từ Đinh quay về Bính. Lão Tử từ Đinh quay về Ất, nhà Phật từ Đinh quay về Giáp; Tôn Ngộ gọi tuyến này là "*Tuyến quay về gốc*". Từ đó ta có thể thấy sự giống nhau và khác nhau của ba đạo giáo. Nói họ giống nhau là học đều là tuyến quay về gốc đi về phía sau; nói họ giống nhau thì nhà Nho đều quay đến điểm Bính là dừng, Lão Tử quay đến điểm Ất thì dừng, nhà Phật quay đến điểm Giáp mới dừng, đó là điểm họ khác nhau.

Theo hình trên, hình như cảnh giới của Phật, chỉ có Lão Tử mới đến được, cảnh giới của Lão Tử chỉ có Khổng Tử mới đến được. Phật nói "*Diệu thường*", Lão Tử cũng nói "*Hậu mệnh là thường*", lại nói "*Huyền chi lưu huyền, chúng diệu chi môn*". Cảnh giới diệu thường của Phật, Lão Tử không sao đến được. Phật chủ trương "*Phá ngã chấp, phá pháp chấp*", Khổng Tử nói "*Vô ý vô tất vô cố vô ngã*", Phật gọi là ngã chấp pháp chấp, Khổng Tử không sao phá được? Ba đạo giáo cùng trên một tuyến, nhưng từng đạo đứng riêng, tôn chỉ của đạo giáo đều khác nhau. Phật muốn xuất thế, muốn đi tìm đến trước lúc bố mẹ sinh ra, đến hạt nhân của tâm cũng phải phá mới xuất thế được. Vì muốn xuất thế nên không nghiên cứu đến lễ nhạc hình chính của đời. Khổng Tử muốn trị thế nên hết sức lo việc đời, mọi sự phát sinh đều lấy ý niệm làm khởi điểm, mà ý niệm thuần túy nhất là đứa bé bế trên tay, nghiên cứu từ đứa bé bế trên tay lấy thành ý là tâm đặc nhất nên để ra chính tâm tu thân, cho đến tề gia trị quốc bình thiên hạ. Tôn chỉ của đạo Khổng là trị thế cho nên không quan tâm đến Niết Bàn diệt độ. Lão Tử muốn thám sát bản nguyên của tạo hóa, nên bỏ tâm bỏ trí, vô tri vô dục, đi vào cõi hư, cõi tĩnh, lĩnh hội các lẽ hay là lặng yên không động, cảm thấy mà dần thông nên ý nghĩ đến đứa trẻ sơ sinh. Đi về phía sau là cách xuất thế, đi về phía trước là cách nhập thế. Ông nói: "*Đa ngôn sở cùng, bất như thủ trung*". Chữ trung này chỉ là điểm Ất, là đứng ở giữa nhập thế và xuất thế.

Mười hai bộ kinh tam tạng của Phật, các sách Thi Thư Lễ Nhạc Dịch Xuân Thu của Khổng Tử quả là rất nhiều. Lão Tử không muốn nói nhiều, chỉ giản đơn có 5000 chữ, lấy điểm Ất làm lập luận, chính ẩn ý mà không nói rõ ra.

Ông muốn đem nhập thể xuất thể xuyên thông thành một, tìm ra nguyên lý để người ta tự nghiên cứu mà không muốn nói nhiều. Nói xuất thể không ai nói giỏi hơn Phật, nói nhập thể không ai nói giỏi hơn Khổng Tử. Tóm lại Phật nói xuất thể, Khổng nói nhập thể, Lão muốn xuyên thông thành một, đó là chỗ khác nhau giữa ba đạo.

Tình người thường chán cũ thích mới. Thời Ngụy, Tấn nói suông lâu rồi cảm thấy chán, gặp lúc đạo Phật truyền vào Trung Quốc, càng truyền càng thịnh, về học thuật mở ra một thế giới mới, từ vua quan đến thứ dân đều hoan nghênh. Đến thời Đường, kinh Phật phổ biến khắp nước, đền chùa mọc khắp nơi. Thiền Tông có phái Nam, Phái Bắc rất giỏi, đó là thời cực thịnh của đạo Phật giáo. Nhà Đường tự xưng là con cháu cháu Lão Tử, truy tôn Lão Tử là Huyền nguyên hoàng đế nên đạo Lão cũng rất thịnh. Đạo Khổng được tôn sùng qua mấy triều đại, cũng rất thịnh hành, 3 đạo này nương dựa nhau, đẩy nhau, tự nhiên có xu thế hợp nhất. Các nhà nho thời ấy, nhiều người nghiên cứu học thuyết của Phật, Lão, họ làm việc hợp nhất ba đạo giáo nhưng chưa làm được, cho đến thời Tống Nho, nhất là Trình Minh Đạo mới hoàn thành công việc này.

Trước Trình Minh Đạo, tuy có Tôn Minh Phú, Hồ An Định, Thạch Thủ Đạo, Chu Liên Khê là những nhà Nho đi tiên phong mở đường ở thời Tống nhưng chỉ là thời kì manh nha; đến Minh Đạo mới thu hút được tinh hoa của ba đạo giáo, lấy tư tưởng Lão Tử làm chủ đạo, sắp xếp thành hệ thống mà ta gọi là Tống học. Về sau học phái Trình, Chu, Lục, Vương đều là từ Minh Đạo chia ngành ra. Minh Đạo là ông tổ của Tống học, học thuyết của ông dáng dấp như các nhà nho thời Lão Tử thời Triệu Tống. Tống Nho lấy học thuyết của Phật trị Tâm, học thuyết của Khổng trị Thế, ba đạo giáo cùng theo lẽ thuận mà đi, đem trị tâm trị thế gộp thành một là đi vào con đường của Lão Tử. Do đó ta thấy không chỉ học thuyết của Lão Tử mà làm thông suốt các Nhà Nho thời Tống Minh. Tóm lại, nói lại học thuyết của Lão Tử xuyên thông các học thuật toàn Trung Quốc cũng không sai. Mặc dù giới Tống Nho nói rằng học phái của họ là theo Khổng Tử, không liên quan đến Phật Lão, thực tế do dung hợp ba đạo giáo mà thành, học thuyết của họ còn đó, che dấu sao được? Thực ra dung hợp ba đạo giáo thành một, đó là thành công lớn nhất của học thuật. Họ có công trồng cây, đáng phải tự hào, lại phủ nhận, hàm nhận là dòng phái của Khổng Tử, khác nào nhận nhầm cửa ngõ. Thực ra theo xu thế tiến hóa, 3 đạo Phật, Nho, Lão đến thời Tống tự nhiên hợp lại, các nhà Tống Nho làm theo xu thế ấy như người ta cầm mái chèo thuyền trên sông, các nhà Tống Nho muốn đi ngược dòng lên thượng nguồn nhưng ngược lại bị đẩy trôi ra biển. Giả dụ hai ông Trình, Chu định hợp nhất ba đạo giáo là họ nhìn thấy xu thế tự nhiên; đảng này họ cực lực phản đối ba đạo giáo hợp nhất, nhưng thực tế là hoàn thành hợp nhất, thế mới biết xu thế tự nhiên là vĩ đại. Học thuyết Tống Nho không bị lu mờ là do đã hoàn thành việc hợp nhất 3 đạo giáo; họ như người có bệnh, bên trong là tam giáo hợp nhất, ngoài mặt chỉ nói đến đích học phái Khổng Tử, khác nào kẻ treo đầu dê bán thịt chó vậy.

Học thuyết Tống Nho vốn có tinh thần cách mạng. Họ lập lại tất cả cách nói của Hán Nho. Sáng lập ra thuyết mới là có phá có xây. Họ không dám nói là mình sáng lập ra học thuyết mới, vẫn nói dựa vào Khổng Tử, giả là phục cổ thực là cách tân. Tôn giáo mới của Mi-tin-lôt, văn nghệ phục hưng Châu Âu đều đi con đường này. Học thuyết Tống Nho có tính sáng tạo, người tin theo đông, người phản đối không ít, hiện tượng đó thường thấy khi học thuyết mới ra đời. Giới Tống Nho có nhược điểm khá lớn, đi sâu vào chi tiết nên sinh rắc rối, bộ lộ 2 điểm:

1/ Về con người Khổng Tử, Trình Tử và Chu Tử nói không đúng.

2/ Cũng là người tôn sùng Khổng Tử, Trình Tử và Chu Tử nói là đúng, người khác nói không đúng.

Hợp hai điểm này lại, mới bày ra thuyết "đạo đức" của Hàn Dũ. Những người như Trình, Chu rất sợ người học sau này nhiễm phải thói xấu ấy. Từ Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến bây giờ còn tranh luận mãi không thôi. Nguồn gốc căn bệnh đó là thiếu chữ "Lượng". Giới Tống Nho đều đủ tài đức duy thiếu chữ "**Lượng**". Bọn họ trên lĩnh vực chính trị thế này, ở lĩnh vực học thuật cũng như vậy. Quân tử bài xích quân tử nên để ra tranh cãi về Lạc Thục, tín đồ của Khổng Tử bài xích tín đồ Khổng Tử nên để ra tranh cãi về Chu Lục.

Nếu không có cái nhìn hạn hẹp, mở rộng lượng ra, vỗ cánh bay cao mới là theo xu thế tự nhiên. Khổng Tử là người thuật việc mà không làm, thuật chuyện Nghiêu Vũ, viết lời văn võ, dung hợp các thuyết trở thành một phái. Trong sách Lão Tử thường trích dẫn lời cổ, ông cũng là người thuật việc mà không hay làm, học thuyết của ông cũng là dung hợp các học thuyết trở thành một phái. Ấn độ có 96 đạo, qua Thích Ca nghiên cứu, sau đó lập ra thuyết mới, cũng là dung hợp các thuyết, hiện tượng đó là hiện tượng phân ra trong học thuật.

Một học thuyết khi trở thành một phái, phái đó lại chia làm nhiều phái nhỏ. Hàn Phi nói: "*Nho chia 8, Mặc chia 3*" là tuân theo quỹ đạo ấy. *Hán nho nghiên cứu các kinh để lại, lập nên hán học, sau đó lại phân ra nhiều phái. Học phái của Lão Tử cũng phân ra nhiều phái. Phật học Ấn độ chia ra nhiều phái, truyền vào Trung Quốc lại phân ra mấy phái. Đơn cử thuyết Phật tự thiên tông của Tống nho nêu lên, truyền đến 5 ông tổ lại chia ra bắc nam hai phái. Phái bắc Thần Tú, phái nam Tuệ Năng. Tuệ Năng truyền đến 6 ông tổ, bọn họ lại chia làm 5 phái: Minh Đạo sáng lập ra phái lý học, đến Trình (Y Xuyên) Chu và Lục lại phân ra 2 phái. Học trò của Y Xuyên lại chia ra nhiều phái, học trò của Chu Tử cũng chia ra nhiều phái, học trò Lục Vương cũng chia ra nhiều phái. Hiện tượng đó là hợp mà phân trên học thuật.*

Chân lý vũ trụ là hỗn nhiên, trí thức của nhân loại là nông cạn, không thể nhìn thấy hết được, phải phân rồi hợp, hợp rồi phân để nghiên cứu, mới

ngiên cứu ra chân lý của vũ trụ. Hễ khi nào bung ra nhiều học thuyết, sẽ có người xuyên thông quy hợp lại, đó là việc làm phân đến hợp. Sau khi quy hợp lại mọi người lại chia ra nghiên cứu, đó là việc làm từ hợp đến phân, ai cũng muốn tìm ra chân lý, nhưng còn lệ thuộc vào kiến giải chủ quan của mình. Dù phân mà hợp, dù hợp mà phân, về học thuật mà nói là có công. Chỉ có tầm nhìn trong cửa ngõ thống nhất một đạo là không thể được.

Chúng ta đang ở thời đại học thuyết phương tây truyền vào Trung Quốc, xung đột với học thuyết vốn có từ trước, đương là thời đại nhan nhản học thuyết, chúng ta nên đem học thuyết đông tây dung hợp xuyên thông, làm công việc từ phân đến hợp, có như vậy mới phù hợp với xu thế từ phân đến hợp. Sau khi đã dung hợp xuyên thông, lại đưa ra nghiên cứu, làm công việc từ hợp đến phân.

Nhưng muốn làm được việc dung hợp văn hóa đông tây, phải phân chủ khách, không thể đem văn hóa đông tây nhào thành một cục, lung tung lộn xộn, làm ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của chúng ta, chẳng có gì thích hợp, đó là hiện tượng hỗn loạn mấy năm gần đây. Cần lấy văn hóa dân tộc đã ăn sâu vào lòng người mấy nghìn năm qua làm trọng tâm, rút cái hay của người bổ sung cho cái thiếu của ta, hoặc thu hút tinh hoa của người bổ sung cho sức sống của mình. Xưa kia có truyện: Nước Lỗ có chàng trai sống độc thân, hàng xóm có người đàn bà góa sống độc thân. Đêm mưa nhà đổ, người đàn bà sang xin ở nhờ, gã đàn ông đóng cửa không cho vào, người đàn bà nói: "*Anh không học Liễu Hạ Huệ sao?*", gã đàn ông nói: "*Liễu Hạ Huệ thì được còn ta lại không được, đem cái không được của ta học cái được của Liễu Hạ Huệ*". Khổng Tử nghe được chuyện này thì khen rằng: "*Người thích học Liễu Hạ Huệ không ai bằng gã đàn ông nước Lỗ!*". Triết học nước ta do người xưa sáng lập, bỏ ngoại mạo lấy tinh thần, đó là đặc sắc lớn nhất của giới học thuật nước ta, họa sĩ, nhà viết sách đều phải như vậy, trên tinh thần đó ta tiếp thu văn hóa phương Tây chỉ có lợi không có hại.

Phật học Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, chúng ta ra sức nghiên cứu, sửa chữa hoặc phát huy nên có tông phái Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tịnh Thổ trở thành văn hóa Trung Quốc nên được nhiều người hoan nghênh, trở thành đạo giáo rất thịnh hành; chỉ thiên tông mà tông phái chỉ ở Ấn Độ, nên có cũng như không. Chỉ có tông phái Duy Thức mang màu sắc Ấn Độ quá đậm từ đời Đường đến nay coi như thất truyền. Từ đó ta thấy học thuyết Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, càng Trung Quốc hóa càng thịnh hành, càng màu sắc Ấn Độ càng không thịnh hành thậm chí tiêu vong. Từ nay về sau, chúng ta ứng dụng văn hóa phương Tây như ứng dụng văn hóa Ấn Độ, khiến nó trở thành Trung Quốc hóa, giống như sao tắm bào chế dược liệu, bỏ đi chất độc, chỉ còn lại chất hữu ích là được. Bước thứ nhất, dùng phương pháp của Lão Tử, cái gì phù hợp với xu thế tự nhiên thì dung nạp, cái gì không hợp thì bỏ đi; bước thứ hai dùng phương pháp của Khổng Tử, trước tiên việc gì cũng qua lương tâm phán xét, vào tâm mình mà yên thì sau đó mới truyền

ra. Nếu biết cách dung nạp như vậy, văn hóa đông tây có thể dung hợp, con đường chúng ta đi là theo nguyên tắc này.

Người phương Tây dùng cách ngửa lên cúi xuống để tìm ra quy luật tự nhiên của vũ trụ, nên đẻ ra các môn lý học, hóa học. Người Trung Quốc cổ xưa cũng dùng cách ngửa lên cúi xuống tìm ra quy luật tự nhiên của vũ trụ mà định ra các chế độ của đất nước, một bên tìm ra quy luật tự nhiên dùng vào sự vật, một bên dùng vào việc người, văn hóa hai bên tất có sự thông nhau.

Người Quốc xưa định chế độ, nhiều chỗ tưởng như chẳng có lý lẽ gì, mà lại rất có lý lẽ như nói: cha hiền con hiếu, anh nhường em kính, đó là nói người trên thì nhân từ, người dưới thì tôn kính, giống như luật cảm ứng của điện từ, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người đều có ở trong ấy, tạo nên mối thích thú giữa người với người. Người phương Tây vạch ra nhiều giới hạn trong mỗi quan hệ giữa người với người, quyền lợi nghĩa vụ của bố con, vợ chồng, đều theo phương thức thẩm kế để tính toán, quyền lợi nghĩa vụ rất rạch ròi nhưng tình cảm hứng thú với nhau giảm đi nhiều. Luân lý phương Tây nếu được cắm dòng điện từ vào mới xua tan đi không khí lạnh lẽo. Nhưng làm thế không tránh khỏi hồ đồ, vì còn phải xem cách tổ chức gia đình của họ. Hiếu như vậy, văn hóa Đông Tây sẽ dung hợp được. Nghiên cứu học vấn cũng như đào hầm mỏ, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người phương Tây, mỗi người đào một hố và đào về phía trước. Hố của người Trung Quốc thông với hố của người Ấn Độ trước, bây giờ đang chạm với hố của người phương Tây. Chân lý vũ trụ là một cái gì hỗn nhiên, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người phương Tây đều nghiên cứu, từ việc của người nghiên cứu đi, hoặc từ vật lý nghiên cứu đi, chia thành mấy phái, các phái phân ra rồi lại hợp lại, hợp rồi phân. Theo xu thế hiện nay thì ba học thuyết Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây nên được dung hợp xuyên thông, học thuyết về vật lý nên được dung hợp xuyên thông. Chúng ta sinh ở thời đại này cần đi theo trào lưu, làm công việc dung hợp, sau khi dung hợp không ngại chia ra nghiên cứu cứ phân rồi hợp, hợp rồi lại phân qua mấy lần như thế mới đem cái hỗn nhiên. Xung đột là triệu chứng của dung hợp. Không nói xung đột là không nói dung hợp; ví dụ mấy cục bùn đặt ở trên mâm, không cho chạm nhau, làm gì có xung đột. Mấy cục bùn đứng riêng thì làm gì trở thành một cục được, nếu đem nó đặt vào một chỗ, nằm lại thành từng viên. Bây giờ thế giới cạnh tranh kịch liệt, giống như thời đại thất hùng thời chiến quốc. Học thuyết phương Tây truyền vào Trung Quốc xung đột với học thuyết cũ như thời đại nam bắc triều, Tùy Đường, Phật Giáo được truyền vào nhiều người tỏ ra bi quan với tình hình xung đột ấy thế mà không biết đó là lúc mấy cục bùn đang được vo viên lại, là động cơ đưa thế giới đến đại đồng, là động cơ dung hợp học vấn Đông Tây. Điều khác nhau là, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất các nước lại, chỉ có một ông vua ngự ở trên cao, tương lai Thế giới Đại Đồng sẽ biến quân chủ thành dân chủ, Lý học của Tống Nho, tuy dung hợp các thuyết khác, nhưng để thực hành học thuyết ấy là dựa vào uy lực của vua, bắt nhân dân phải theo. Giờ dung hợp các học thuyết Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây là kết quả tự do nghiên cứu của các học giả không cưỡng bức người ta theo, các hiện tượng

trên thế giới, trên học thuật điều là xu thế tự nhiên, sức người không chống lại được như nước chảy ra biển, muốn chống lại chỉ uống công vô ích, làm theo xu thế ấy mới không đi ngược lại trào lưu.

Nhưng xung đột giữa văn hóa Trung Quốc và phương Tây, căn bệnh do phương Tây gây ra. Ví dụ: người phương Tây lấy "Cái tôi" làm khởi điểm, lấy chữ "thân mình" làm khởi điểm để xử lý việc xã hội, việc nước. Các nhà nho Trung Quốc nói trị quốc bình thiên hạ. Bắt đầu từ chính tâm thành ý, lấy chữ "tâm" làm khởi điểm, hai bên đều muốn bồi dưỡng khởi điểm tốt lên, cho nên người phương Tây thấy ai đó vô công rồi nghề thì bảo họ làm việc, bồi dưỡng thân thể tốt lên. Người Trung Quốc thấy kẻ vô công rồi nghề thì bảo họ đọc sách để bồi dưỡng cái tâm tốt lên. Người phương Tây muốn bồi dưỡng bản thân mình, người Trung Quốc muốn bồi dưỡng tâm mình; người phương Tây dạy chú trọng bốn chữ "Có ích bản thân", người Trung Quốc dạy người chú trọng bốn chữ "Hỏi tâm hổ thẹn". Smith đề xướng tự do cạnh tranh, Đác - uyn (Darwin) đề xướng cường quyền cạnh tranh, người phương tây đề ủng hộ vì theo học thuyết "Có ích bản thân". Các thánh hiền Trung Quốc không có loại học thuyết này, vì nêu nó lên sẽ lợi mình hại người, hỏi tâm có thẹn. Chúng ta tìm trong Tứ thư Ngũ kinh, Bách gia chư tử, rất khó tìm thấy học thuyết giống như Smith, Đac - uyn. Chỉ trong sách của Trang Tử lúc bàn về trộm cướp có nói gần như thế, nhưng người Trung Quốc rất căm ghét chủ trương này. Học thuyết của Khổng Tử "Muốn tu thân mình, trước tiên phải chính tâm mình, muốn chính tâm mình, trước tiên phải thành thật với ý mình". Chữ "Thân" của Khổng Tử đi vào phía trong hai vòng tìm ra chữ "Ý", lấy thành ý làm khởi điểm rồi phát triển ra ngoài. Giống như xây nhà vậy, gạt hết lớp bùn đi, tìm đến đất mới xây móng. Từ tu thân đến trị quốc bình thiên hạ. Xã hội tạo nên là "Lấy thiên hạ làm một nhà, lấy Trung Quốc làm một người"; người với ta không xung đột, đó là chỗ tinh hoa nhất của học thuyết Trung Quốc. Người phương Tây tự do cạnh tranh, gây mông mống thế giới đại chiến, người chết mấy người vạn; sau đại chiến vẫn không giải quyết được, lại phải có chiến tranh thế giới thứ hai, về kinh tế tạo thành chủ nghĩa tư bản, gieo mầm cho cách mạng xã hội, kết cục tương lai không còn biết đổ bao nhiêu máu nữa.

Chúng ta xem "Tuyển quay về gốc" vẽ ở trên, càng thấy rõ cái hay cái dở của văn hóa Trung Tây. Nước ta chủ trương đứa bé lúc còn nhỏ đã được gia đình bồi dưỡng tâm lý yêu mẹ kính anh, sau đó mở rộng ra, yêu người thân thì có nhân với dân, có nhân với dân thì yêu loài vật, tạo thành thế giới giới nhân ái. Có thể nói gia đình Trung Quốc là "Nơi bồi dưỡng nhân ái", phương Tây từ chữ "Ta" đến chữ "nước", ở giữa thiếu chữ "Nhà", nên không có "Nơi bồi dưỡng nhân ái", thiếu hẳn đoạn từ chữ "Đình" đến chữ "Bính", thiếu "Công phu thành ý" tức là "Sự phán xét của lương tâm". Cho nên học thuyết phương Tây phát huy lên, thế giới trở nên tàn khốc.

Về văn hóa vật chất, Trung Quốc dĩ nhiên kém phương Tây nghìn lần, nhưng về luân lý xã hội thì lại hơn nhiều điểm. Về mặt này phương Tây nên theo cách của Trung Quốc, chứ Trung Quốc không nên làm theo phương Tây.

Cuối cùng đứng ở trí văn hóa Trung Quốc, Tôn Ngộ chủ trương học thuyết Trung Quốc có thể cứu được cái dở của phương Tây và Ấn Độ. Ông lấy Lão Tử đại diện cho học thuyết Trung Quốc đã nói ở phần trên. Ông cho rằng cách nói của phương Tây là thuyết nhập thể cực đoan. Cách nói của Ấn Độ là thuyết xuất thể cực đoan, cách nói của Lão Tử là xuyên thông nhập thể và xuất thể làm một. Các nhà Nho thời Tống Minh đều làm công việc của Lão Tử, coi như đã nghiên cứu hai đến ba nghìn năm, mở ra con đường rộng thênh thang. Nếu đem học thuyết này, phát huy lên làm tỏa hào quang thì có thể dung hợp ba nền văn hóa Trung - Ấn - phương Tây thành một.

Theo thuyết "Tuyến quay về gốc", người phương Tây lấy khởi điểm từ "Đỉnh" đi về phía trước, đến điểm "Kỳ" hoặc điểm "Canh" thì dừng, không quay đầu lại. Người Ấn Độ lấy khởi điểm từ "Đỉnh" đi về phía sau, đến điểm "Giáp" thì dừng, không hề quay đầu lại. Lão Tử lấy khởi điểm từ "Đỉnh" đi về phía sau, đến điểm "Ất", lại quay đi về phía trước, đến điểm "Canh" thì dừng, lại chiếu cố cả đôi bên. Lão Tử nói: "Tiết căn phục mệnh" là thông với học thuyết Ấn Độ.

Cách nói "Lấy chính trị quốc, lầy kỳ dùng binh" là thông với học thuyết phương tây. nói về cách xuất thể thì ông nói không sâu bằng Ấn Độ, nói về nhập thể thì ông nói không kỹ bằng phương Tây, nhưng hình như học thuyết ông là cầu nối giữa học thuyết phương Tây và học thuyết Ấn Độ xuyên thông là một.

Học vấn phương Tây coi trọng phân tích, học vấn Trung Quốc coi trọng hội thông. Người phương Tây bất kể việc gì đều chia thành khoa nghiên cứu, người Trung Quốc cổ xưa hể mở miệng là nói trời đất vạn vật, theo cách nói tổng quát toàn thể. Lấy "Tuyến quay về gốc" mà nói, người phương Tây nó cá nhân chủ nghĩa chỉ thấy điểm "Đỉnh" (ta) ở tuyến mà không thấy các điểm khác. Nói đến chủ nghĩa quốc gia chỉ thấy điểm "Kỳ" (nước), nói đến chủ nghĩa xã hội chỉ thấy điểm "Canh" (thiên hạ) nghĩa các chữ xung đột nhau. Học thuyết của Khổng Tử tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ là nhất quán. Lão Tử nói: "Tu thân mình đức sẽ chân, tu nhà mình đức sẽ dư, tu làng mình đức sẽ trường, tu nước mình đức sẽ phong, tu thiên hạ đức sẽ phổ". Khổng Tử, Lão Tử đều nhìn thông suốt tuyến này cho nên cách nói: "Coi thiên hạ làm một nhà, coi Trung Quốc làm một người". Như thế dù nói cá nhân, quốc gia, xã hội đều không cảm thấy xung đột. Học vấn Trung Quốc coi trọng hội thông nhưng lại mệnh mông khái quát, người phương Tây nghiên cứu rất tỷ mỉ nhưng lại không quán thông. Đem cách nghiên cứu phương Tây quán thông với cách nhìn Trung Quốc. Các loại chủ nghĩa sẽ không xung đột, văn hóa Trung Quốc phương Tây sẽ dung hợp làm một.

Người phương Tây nói cạnh tranh, nói siêu thân, thực ra là cái tôi ở cuối trào lưu, thử hỏi 3 nhà triết học Hy Lạp sao không là những nhân vật cùng dòng với Khổng Tử, Lão Tử, Trung Quốc là nước Đạo Giáo Nho, Phật, Lão cùng tồn tại nhưng các sư sãi, đạo sĩ, cử nhân tú tài thời nay mấy ai theo

kip Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử trào lưu cuối kỳ giống như phương Tây vậy. Mọi xung đột trên thế giới từ tư tưởng mà có, xung đột tư tưởng lại bắt nguồn từ xung đột học thuyết, gọi là xung đột những học thuyết cuối kỳ, còn ban đầu Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, Xô – crat... có xung đột đầu. Tương lai nhất định sẽ có người đem học thuyết Nho, Phật, Lão, triết học Hy Lạp, học thuyết thời Minh, học thuyết cận đại phương Tây hợp lại nghiên cứu, dung hội quán thông sáng tạo ra học thuyết mới. Việc làm này giống như Trình Minh Đạo dung hợp 3 đạo Phật, Nho, Lão thành môn lý học. Nếu công việc này hoàn thành tư tưởng thế giới sẽ nhất trí, hành động nhất trí, có hy vọng thế giới Đại Đồng.

Những điều nói trên là nội dung tóm tắt giới thiệu cuốn sách "Xu thế học thuật Trung Quốc" của Tôn Ngô. Ngoài ra cuốn sách này còn nói đến mối quan hệ giữa "Tổng Học" và "Thực học" chỉ rõ học thuyết của ông họ Trình chịu ảnh hưởng rất sâu sắc của Thực học thời bấy giờ, nhất là dịch học của Trình Y Xuyên. Đồng thời đạo Lão, đạo Phật một thời ở Tứ Xuyên, 2 ông họ Trình chịu ảnh hưởng sâu, cho nên sau này họ mới làm được công việc dung hợp 3 đạo giáo. Thêm nữa Thực Chủ Mạnh Kinh lúc đó nhiệt tình với văn hóa và nên chính trị cũng trong sáng, coi như đứng đầu thiên hạ. Tô Tử nghiên cứu học thuyết Lão Tử là người trước đây chưa có ai, tất cả sự kiện ấy đủ để chứng minh Tứ Xuyên có thể là cái nôi văn hóa của Trung Quốc từ đó về sau.

Tôn Ngô khảo chứng và thuyết minh về các vấn đề trên mà những nhà nghiên cứu lịch sử học thuật Trung Quốc chưa từng chú ý đến. Ông nêu lên Lão Tử nhằm quán thông toàn bộ học thuyết Trung Quốc; ông lại nói học thuyết phương Tây và Ấn Độ đều cực đoan chỉ có học thuyết Trung Quốc có thể điều chỉnh hai cực đoan ấy, quan điểm ông có chủ quan phiến diện không, mong độc giả cho ý kiến.

Phần 7

BÀI VĂN HAY Ở TUỔI SÁU MƯƠI

Bỉ nhân năm nay (năm dân quốc thứ 28) vừa tròn 60 tuổi. Lúc này dù có buông xuôi tay nằm giữa chính tẩm hoặc bị máy bay Nhật ném bom chết, thì trên bài văn tế phải viết đã lên thượng thọ sáu mươi có lẽ. Khi có sống không một ai biết, sau khi chết tôi nói khắp cả mọi người ai nghe nói đều phải chúc mừng tôi. Tôi nói: "Thôi đừng hao tâm tổn sức làm gì, nhiều người làm quan, họ tự dựng bia công đức, tự sửa lấy nhà thờ, thế thì bài văn khai sự không dám phiền bạn bè, tôi sẽ tự làm lấy".

Viết bài thọ văn phải viết sự nghiệp văn chương công đức của người ấy, những cái khác có thể lược đi, Bỉ nhân là kẻ thất phu vớ lên làm thánh nhân **Hậu Hắc**, sáng lập ra một đạo giáo, khác với Nho, Phật, Lão đó là đặc điểm riêng nhất. Nhưng làm việc này mọi người đã biết, nhà nhà đã

học, có nhiều người dốc sức thực hiện, đặc điểm này không cần khen ngợi nữa. Điều bây giờ chẳng qua muốn nêu rõ trọng trách của Bì nhân để về sau tự khen mình mà thôi.

Bì nhân sinh ngày 13 tháng giêng năm Kỷ Mão tức là năm thứ năm Triều Quang Tự, ngày hôm sau mới lập xuân. Thầy tướng số bảo: "Người sinh năm Kỷ Mão đoán mệnh Mậu Dần". Cho nên ai sinh năm Kỷ Mão là đồng tuế với tôi, ai sinh năm Mậu Dần cũng là đồng tuế với tôi. Năm Kỷ Mão thời Quang Tự là năm 1879 dương lịch, Anhstanh (Einstein) sinh ngày 19 tháng 3 sau tôi một chút, cói là em đồng tuế với tôi thế mà trong thuyết tương đối của ông ta đã chấn động toàn cầu. Còn "**Hậu Hắc Học**" của tôi mới phổ cập ở Tứ Xuyên, tôi không khỏi hổ thẹn với người em đồng tuế của tôi. Sau này chỉ có tuyên truyền mạnh mẽ học thuyết do tôi phát minh mới không uổng phí cuộc đời. Ngày 13 tháng Giêng trên lịch ghi rõ: "Ngày dương công sự kỵ, mọi việc không thành". Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8 cũng là ngày dương công sự kỵ, số tôi giống như Khổng Tử, vận làm quan không hanh thông, chỉ được coi là giáo chủ, trời sinh ra tôi, đãi ngộ giống như Khổng Tử, tôi đâu dám phi báng.

Cách tính ngày dương công sự kỵ, lấy 13 tháng giêng làm khởi điểm, sau đó lùi hai ngày cho đến ngày 21 tháng hai, mồng 9 tháng 3 ... đến tháng 8 lại biến đổi lấy ngày 13 làm khởi điểm, mỗi tháng lùi 2 ngày tức là ngày 25 tháng 9, ngày 23 tháng 10... đến tháng giêng bỗng lấy ngày 13 làm khởi điểm. Mời các vị giở lịch sử ra xem sẽ thấy tôi không nói khoác. Hễ là giáo chủ đều ứng vận sinh ra, ngày sinh của Khổng Tử là ngày 27 tháng 8 cho nên ngày sinh của tôi không thể không là ngày 13 tháng Giêng. Như vậy hàng nghìn năm trước dương công đã đoán được rồi.

Ngày sinh của Khổng Tử là ngày 27 tháng 8 âm lịch, các nhà nghiên cứu lại nói khác đi, đổi thành 27 tháng 8 dương lịch, người thường lơ mơ đâu biết. Hàng nghìn hàng vạn năm sau, tín đồ tôi uống nước nhớ nguồn, sẽ dựng cho tôi cái miếu **Hậu Hắc**, cúng tế vào ngày sinh thánh, phải tra biểu đổi ngày tháng âm dương thêm phiền phức. Thôi thì coi ngày 13 tháng Giêng năm này (năm quốc dân thứ 28) là ngày sinh giáo chủ **Hậu Hắc**, sau này mỗi năm đến ngày ấy vào miếu cúng tế chẳng tốt lắm sao.

Tứ Xuyên từ Hán triều, sau khi Văn ông hưng học, văn hóa so với Tề, Lỗ thời Tấn, Đường có phần sáng sủa hơn. Thực học hưng thịnh lên đủ cạnh tranh với các tỉnh Giang, Triết. Cuối thời Minh, giặc Hiến chà đạp đất Thục, gây nên thảm sát chưa từng có. Các hào kiệt nổi lên tập võ, gây nên khí thế, đến đời thanh, có nhiều danh tướng được phong tước công, hầu, bá, tử, nam đủ cả. Thời gia đạo, cả nước có 19 trấn tướng thì Thục chiếm đến 7 - 8 người. Do đó võ công đất Tứ Xuyên rất thịnh còn văn học không lên được. Sáu mươi (60) năm trước, Trương Văn Tương lập lên Tôn kinh thư viện, sau đó Vương Nhân Thu tiên sinh đến Tứ Xuyên dạy học, cùng các học trò ông là Giao Tú Bình, Tống Văn Tử viết nhiều sách để lại cho đời, văn chương lại thịnh lên. Theo nhật ký Tương Y Lâu, ngày 12 tháng Giêng

năm Kỷ Mão là ngày Vương tiến sinh tiếp nhận Tôn kinh thư viện, ngày sau thì sinh tôi, ngày sau nữa lập xuân, vạn vật đổi mới, thế mới biết tạo hóa ứng vận thật kỳ diệu.

Để vương hưng nghiệp tất phải khu trừ người đi trước, giáo chủ hưng đạo cũng phải khu trừ người đi trước, trật tự bốn mùa cứ thế mà đi. Khổng Giáo hưng thịnh đã hơn hai ngàn năm, đỉnh cao với vợ, giờ lại chọn đất Tứ Xuyên làm nơi sinh ra giáo chủ mới khiến cho thánh nhân Đông Lỗ đối lập với thánh nhân Tây Thục. Người Tứ Xuyên đã khu trừ thói chuộng võ đến tôi là đỉnh cao.

Dân quốc năm thứ nhất mở ra kỷ nguyên mới về chính trị, giờ đây đã là Dân quốc năm thứ 28 cũng tức là 28 năm kỷ nguyên **Hậu Hắc**. Tiến hóa của Tứ Xuyên có thể phân ra 3 thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất, khai quốc hoang sơ, chưa có gì sâu sắc, sau khi Tần thông với Thục, do Tư Mã Tương Như đời Hán rồi đến Dương Thuận đời Minh, người Tứ Xuyên coi văn học là thể mạnh, đó là công lao của các văn ông vậy. Đến thời Thanh, người Tứ Xuyên lấy võ công làm thể mạnh, đó là thời kỳ thứ hai, công lao ấy thuộc về Trương Hiến Trung vậy. Từ Dân quốc đến nay, người Tứ Xuyên lấy **"Hậu Hắc Học"** là thể mạnh, đó là thời kỳ thứ ba, công lao ấy thuộc về tôi vậy.

Từ Dân quốc năm thứ nhất trở về trước, tôi cùng con cháu và học trò ra sức truyền bá, biến Tứ Xuyên thành một nước **Hậu Hắc**, cho nên kẻ sĩ Trung Quốc lớn tiếng hô rằng: "Tứ Xuyên là căn cứ phục hưng dân tộc. Sao nghĩ muốn phục hưng dân tộc, cần đánh đổ Nhật Bản, bỏ qua học thuyết này, còn có cách gì khác?". Cho nên trong cuốn **"Hậu Hắc Tùng Thoại"** tôi viết ra, gào lên khẩu hiệu "Hậu Hắc cứu quốc" nêu lên Việt Vương Câu Tiễn là nhân vật điển hình. Ban đầu Câu Tiễn sang nước Ngô, nếu bản thân mình không chịu xưng thần, vợ là thiếp phục vụ Phù Sai, sẽ bị chết đói, đó gọi là Hắc. Từ 918 đến nay, nước ta từng bước thoái nhượng, đó là phương thức Câu Tiễn diệt Ngô. Cực thế nước nhà, định ra quốc sách, nếu có chỗ nào ngầm hợp với học thuyết của tôi thì là may mắn lắm.

Bỉ nhân phát minh **"Hậu Hắc Học"**, là bí mật xưa nay chưa được truyền lại, từ nay về sau ra sức tuyên truyền đến chết mới thôi. Đối với xã hội, bỉ nhân có cống hiến vô cùng to lớn, nhân sĩ trong xã hội cần biểu dương Bỉ nhân. Con cháu, học trò Bỉ nhân cần làm thơ văn ca ngợi công đức ngày sinh giáo chủ. Theo con mắt Bỉ nhân, lẽ trái ở đời, vinh dự đều có giá trị ngang nhau. Ngoài học trò con cháu ra có người tâm đầu ý hợp như Dật Bá Ngọc, có người đi theo hướng khác hoặc có người chống đối lại như Sở Cuồng Thả Trúc, Chinh Sinh Miêu... nên cố gắng viết đôi lời dù khen ngợi hay chửi bới, Bỉ nhân đều kính cẩn tiếp nhận. Sau này, tập hợp thành một cuốn sách tên là **"Hậu Hắc giáo chủ vinh lục"**. Nghìn vạn năm sau, **"Hậu Hắc Học"** sáng giữa trời quan thì sống cũng vinh mà chết cũng vinh. Trung Hoa dân quốc vạn tuế, **"Hậu Hắc Học"** vạn tuế. Ngày 13 tháng 3 năm thứ 28 kỷ nguyên **Hậu Hắc**, Lý Tôn Ngô kính cẩn thưa rằng: **Ngày này tức là ngày trước một ngày ông em đồng tuế Anhstanh tròn 60.**

Phần 8

GHI CHÉP VỀ KHỔNG TỬ MỞ TRƯỜNG HỌC

Trường học họ Khổng không đâu không có. Tài liệu giảng dạy thuần lấy từ **"Luận ngữ"**. Tác giả Tôn Ngô dùng cách cắt đoạn trong văn bát cổ, tùy ý bớt đi thêm vào, chữ nghĩa viết sai cũng mặc, thời đại nói sai cũng mặc, có thể nói là một việc làm cực kỳ hài hước. Bây giờ chép lại một đoạn nói về lúc trường sắp đóng cửa xem.

Khổng Tử mở trường học, mới đầu phân các khoa như: *Tu thân do Nhan Uyên, Văn Tử Ngang, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung phụ trách; về ngôn ngữ do Tể Ngã, Tử Cống phụ trách; Quốc văn do Tử Du, Tử Hạ phụ trách; cách trí do Tăng Tử phụ trách; số học do Nhiễm Hữu kiêm nhiệm; thể thao do Tử Lộ kiêm nhiệm, lịch sử do Khổng Tử tự đảm nhiệm*, về sau các giáo viên kẻ chết, người bỏ đi. Thầy hiệu trưởng Khổng Tử là một thầy vạn năng, hễ thiếu giáo viên là thầy dạy thay. Trừ khoa ngôn ngữ ra, các khoa khác đều do Khổng Tử dạy thay, ở trường chỉ có một nửa giáo viên, tại sao lại nói chỉ còn có một nửa giáo viên? Vì tất cả trường chỉ có một mình Tể Dư là giáo viên, hàng ngày ông ta ngủ suốt, đến giờ lên lớp Khổng Tử phải đến phòng ngủ gọi ông ta dạy. Mỗi giờ chỉ dạy không quá 30 phút, cho lớp tan rồi đi ngủ, nên gọi là một nửa giáo viên.

Giảng bài không nghiêm túc, tự nhiên sinh ra lỏng lẻo. Học trò suốt ngày uống rượu nhậu nhẹt, dọa nạt ra lệnh nhưng rất có cảm tình với thầy hiệu trưởng. *"Có rượu thết mời thầy xơi"*. Khổng Tử rất khách khí *"Thấy món ăn ngon biến sắc mặt mà ngồi"*, thầy trò chóng quên nhau. Có lúc học trò mời thầy đánh cờ, đánh bài, lúc đầu học trò lên mời thầy, lâu lâu về sau, Khổng Tử thấy thích thú, hàng ngày sau khi ăn sáng xong bèn nói với học trò: *"Suốt ngày ăn uống, chẳng làm gì, khó chịu thật"*, *"Ăn no rồi không có việc gì làm, ngày đó buồn thật"*. *"Trong hòm các người có quân cờ, quạt chược, tú lơ khơ không, đem ra chơi đi, ngồi không chẳng có việc gì làm"*. Làm như vậy trong trường tự nhiên yên tĩnh, không ngờ bên ngoài có người dị nghị, có người có viết ca dao chửi bới họ.

Ngoài ra Tôn Ngô còn định viết một cuốn tiểu thuyết đặt tên là **"Khổng cáo đại chiến trật văn"** nhưng chưa xong. Những đoạn tôi đọc được ở một hồi, tài liệu toàn lấy ở Luận Ngữ và Mạnh Tử, linh tinh lộn xộn chẳng định hiểu nói gì. Theo ông ta nói, văn bát cổ, nhất là những người giỏi văn bát cổ châm biếm vừa dùng văn phụ lục. **"Khổng cáo đại chiến trật văn"** bắt đầu như sau: Cuối thời mẫn Thanh, "Quảng ích tùng báo" ở Trùng Khánh đăng bài: "Luận tội vua Thuấn" kể mười mấy tội lớn của Thuấn, chứng cứ xác đáng, lâu ngày chỉ còn nhớ mang máng. Nói Thuấn đục thông bốn núi, cướp ngôi vua Nghiêu, đó là tội lớn không cần nói nữa. Hay nhất là nói, Thuấn cho ta già rồi, móc đồng tử mắt ta ra, nhét vào mắt ông ta, cho nên

ta bị mù còn ông ta mỗi mắt có hai đồng tử, đó là một tội lớn. Nga Hoàng Nữ Anh là tổ cô của Thuần, tộc phả còn ghi, ông đã lấy làm vợ, đó là tội lớn thứ hai. Thời vua Nghiêu, thiên hạ có 12 châu, sách của Thuần viết: ta có 12 châu. Thuần sai người đốt 3 châu, đến thời Ngu chỉ có 9 châu, đó là tội lớn thứ 3...

Toàn bài văn viết rất mùi mẫn, chỉ tiếc không nhớ rõ, lúc ấy, tờ báo nọ còn đăng một thiên tiểu thuyết, nói Đường Tam Tạng cùng các đồ đệ Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Hòa Thượng đi du học nước ngoài...

Còn có người viết tiểu thuyết nói Mạnh Tử đi lấy kinh ở Đông Thiên, giữa đường gặp Cáo Tử, tay cầm "lá liễu" miệng ngậm "nước sông", Mạnh Tử không giết nổi hắc, đi cầu cứu Tăng Tử, Tăng Tử tay cầm "Chùy thận chung" cưỡi rùa "dân đức" miệng nói "Thận chung đuổi xa, dân đức quy hậu" vẫn không thẳng được Cáo Tử, bèn cầu cứu Khổng Tử, Khổng Tử tay cầm "Thương nhân hồ" cỡi "bất vấn mã" hô: "Thương nhân hồ, bất vấn mã", nhưng vẫn bị Cáo Tử đánh bại. Bỗng nhiên từ không trung bay đến một người, cỡi "lợn ốm" hô lớn: "ta họ Nghiêu tên Thuần, bắt Cáo Tử phải hàng". Tôi nghĩ: "Khổng Tử là giáo chủ lớn nước ta, làm sao bị thua dễ dàng thế?" Phải có một trận ác chiến mới đúng nên mới viết bổ sung cho cuốn "Khổng cáo đại chiến trật văn", chép ra để mọi người xem.

Chính văn của tiểu thuyết bắt đầu từ lúc Khổng Tử nhận được thư cấp báo của Tăng Tử, ông liền điểm ba nghìn quân mã, bảy mươi hai đại tướng, oai phong lẫm liệt tiến đánh dinh Cáo Tử. Cáo Tử nhìn thấy quân Khổng kéo đến liền dẫn binh ra ứng chiến, hai bên dùng vũ khí, quân mã xông vào đánh giáp lá cà, mọi danh từ dùng cho chiến sự ấy đều lấy từ thành ngữ của Luận ngữ và Mạnh Tử, lựa chọn giai âm để nghe. Giờ trích một đoạn mô tả chiến sự ác liệt ấy.

Khổng Tử nổi giận, rút bên người ra một đoạn bùa thiêng gọi là "Bùa giết người" quăng lên không hô lớn: "Lục đỉnh lục giáp đâu?" Chỉ thấy trên không bay đến một người cưỡi ngựa "Bất vấn" lớn tiếng: "Ta là thần lửa đây". Nói xong xua rống lửa, ngựa lửa, vọt lửa, chuột lửa xông ra dập tắt ngọn lửa. Dòng nước chảy mãi, tràn ngập mênh mông trong chốc lát nhấn chìm ngựa của họ Khổng. Khổng Tử thấy vậy nói rằng: "Không sợ, chờ ta niệm chân ngôn tránh nước". Nhan Uyên hãy dẫn người ngựa từ nước chui ra. Nói xong miệng Khổng Tử đọc: "A, A, nước A từ nước mà ra". Nhan Uyên đang định chui ra bị Cáo Tử trong thấy hét lớn: "Định chạy đi đâu?" giơ tay chỉ một cái, nước biến thành bức tường sắt, hô một cái Nhan Uyên ngã lặn ra đất, nhìn lên thấy nước đã cao trăm trượng, Nhan Uyên than rằng: "Nước ơi mày cao quá, quá cứng quá tao chết mất". Đến lúc này Khổng Tử vô kế khả thi, Tử Lộ đang bị thương nằm dưới đất kêu lên: "Tôi có tài làm nước đóng băng nhưng bị thương rồi không làm gì được. Thầy ơi thầy có pháp thuật ngồi trên nước sao không dùng?". Câu nói làm Khổng Tử tỉnh ngộ, bèn dẫn môn sinh nổi lên mặt nước chạy đi; Sai Nhiễm Hữu, Tử Cống đi sau cùng. Cáo Tử dẫn người đuổi theo, Nhiễm Hữu, Tử Cống giơ đại đao lên, hươ tay

định chém hai lần, Cáo Tử trông thấy sợ quá, ôm đầu chạy trốn. Anh em Cáo Tử trông thấy chẳng hiểu đầu đuôi vì sao bèn xúm quanh Nhiễm Hữu, Tử Cống hỏi: “Chúng tôi học đạo Ni Sơn, 18 môn võ nghệ đều tinh thông mà vẫn chưa biết đao pháp này, các vị học ở đâu vậy?”. Hai đứa cười tít: “Binh pháp này các người không biết được, chỉ có Nhiễm Hữu và Tử Cống biết được thôi”. Chuyện dông dài không nói nữa. Khổng Tử về đến dinh thấy quân mã mất một nửa rất là đau xót, bèn hạ lệnh, gọi Tể Dư đến dặn rằng: “Tướng sĩ toàn dinh mệt mỏi lắm rồi, hôm nay cần được nghỉ ngơi, ngày mai sẽ tiếp tục đại chiến. Chỉ lo rằng Cáo Tử nửa đêm cướp trại, người ban ngày ngủ nhiều rồi (Tử Dư vốn ngủ ngày) nên ban đêm thức và đi tuần”. Khổng Tử nói xong, gục đầu xuống rồi, gáy o o ...

Phần 9

CHỦ TRƯỞNG KHẢO THI BỊ ĐÁNH

Năm Dân quốc thứ 11, Tôn Ngô cùng Du Tử là đốc học của tỉnh đi khảo sát giáo dục thấy thành tích của các trường ở các tỉnh phía Nam, phía Bắc so với tỉnh mình không kém là mấy nhưng do chế độ giáo dục hiện hành bị gò bó thì không thể phát triển tốt đẹp được. Vì vậy sau khi đi khảo sát về ông ra sức thực hành chế độ khảo thi mong sao thoát khỏi sự tồi tệ này. Học kỳ 2 năm thứ 12, Thành Đô mở hội nghị bàn về chế độ học mới, ông cùng mấy vị Đốc học khác trong tỉnh và nhiều người trong hội nghị nêu ra đề án thi cử, thảo luận ở hội nghị nhưng chưa được thông qua. Sau hội nghị, một mình ông làm tờ trình, chủ trương học sinh các trường tốt nghiệp do Hội đồng nhà nước khảo hạch, mười năm sau, Bộ giáo dục mới ban hành chế độ hội khảo toàn quốc. Tờ trình của ông nêu lên 16 điều và xin cho được làm thử ở Phú Thuận, sau khi tỉnh phê duyệt cử ông làm chánh chủ khảo vào mùa hè năm thứ 13 sau đó mở rộng ra các huyện tỉnh phía nam tỉnh Tứ Xuyên. Mùa hè năm thứ 14, học sinh trung học liên lập phủ thúc châu tốt nghiệp, ông lại làm chánh chủ khảo qua mấy đợt thi. Một buổi tối nhiều học sinh tây cầm gậy gộc que sắt đến nhà lôi ông ra khỏi phòng ngủ, đánh một trận thật đau. Theo ông kể lại, lúc chúng nó đánh trật tự rất nghiêm, khắp trường im lặng, học sinh không nói câu nào, ông cũng ngậm miệng không kêu, học sinh đánh ông chịu đòn. Khi chúng nó đánh chán rồi, bỏ đi mới chửi một câu: *"Mày là đồ con chó, còn chủ trương khảo thi nghiêm khắc nữa không?"*. Ông nằm dưới đất nghĩ thầm: *"Nếu không bị đánh chết, lại làm"*. Học sinh đi rồi, ông mời Tri huyện Nghi Tân đến khám nghiệm vết thương viết thành bệnh án, gậy gộc que sắt tập trung lại làm chứng cứ. Sáng hôm sau, lại mời thầy hiệu trưởng trường ấy đến bên giường. Ông đọc cho viết bức điện gửi cấp trên, tường thuật sự việc xảy ra, cuối cùng nói: *"Quan lẫn bạo động này thấy cần phải khảo thi. Đốc học bị đánh trọng thương, sông chết không quản, nếu không khỏi được, mong cứ cho thi để thay đổi bồi phong bại tục. Chủ trương của tôi nếu được các vị thực hành, dù chết về nơi chín suối cũng lấy làm vinh hạnh"*.

Vết thương vừa đỡ lại tuyên bố tiếp tục khảo thi, ông bằng vết thương lên phòng thi, hạ lệnh tất cả học sinh đã đánh ông. Nội quy trường thi càng chặt chẽ hơn trước, học sinh đành phải theo quy củ dự thi. Sau vụ việc này, ông viết một bài "**Bàn về chế độ khảo thi**" nói rõ sự cần thiết phải thi, chú trọng đến cải cách chế độ học tập do Nhà giáo dục in phát cho các huyện thảo luận. Ông thường nói với mọi người: "*Nếu không bị trận đòn đau thì bài viết này không ra đời, tôi phải cảm ơn những học sinh ấy!*".

Ông cho rằng lần đánh đòn ấy là đáng đời vì bấy giờ học sinh các nơi đang vận động bỏ chế độ thi mà ông lại chủ trương thi rất chặt chẽ, lại không tuyên truyền nói rõ lý do, tránh sao thoát khỏi bị đòn. Sau lần bị đòn ấy, ông mới giác ngộ một điều, việc quan trọng phải thực hành thì càng cần phải tuyên truyền; nguyên nhân ông bị đánh là do nhiều người hoài nghi chế độ thi nên mới có việc chống đối lại.

Pháp chế mới của Vương An Thạch vốn đúng, khi ông làm quan ở Đồng huyện đã làm thử, mọi người đều khen là tiện lợi, đến khi ông làm tể tướng, pháp chế này thực hành trong cả nước nên bị thất bại lớn. Nói ông không có nghị lực chăng? Ông không sợ trời không sợ người, gánh vác cả tầm vóc vũ trụ, là một nhân vật xưa nay hiếm. Nói rằng pháp chế mới của ông không tốt sau? Sau khi ông chết, cách làm của ông được người ta sử dụng, có những luật còn áp dụng đến ngày nay, chẳng qua là đổi tên đi và sửa sang một chút mà thôi. Tại sao Vương An Thạch lại bị thất bại? Tại ông thiếu công việc tuyên truyền. Những danh nhân đương thời như Tư Mã Quang, Tô Đông Pha đều không hiểu nên phản đối ông, mỗi người đi một hướng, kết quả hai bên đều tổn thất, không riêng nhân dân bị thiệt thòi, đất nước thiệt thòi gây ra mằm mống mất nước, thật là điều không may. Nếu Vương An Thạch không im lặng tiến hành, trước tiên làm việc tuyên truyền nêu lên cách làm của ông cho mọi người góp ý, loại trừ thái độ cố chấp, dung nạp ý kiến đúng đắn, sửa sang viết lại đưa cho các vị hiền nhân nghiên cứu, chắc họ cũng không cố giữ pháp luật xưa kia, qua tranh luận để đưa đến nhất trí, mọi người đồng tâm hiệp sức thi hành, đó không phải là việc tốt sao?

Tôn Ngộ suy nghĩ như vậy mới đem ý kiến chủ trương khảo thi của ông phát biểu ra

Phần 10

TRIẾT HỌC SỢ VỢ

Giáo chủ Hậu Hắc lúc sinh thời thích viết văn hài hước, hoặc dùng thể tạp văn, hoặc dùng thể tiểu thuyết. Bất cứ bài viết hay thiên truyện nào cũng đều gây ra tiếng cười vui, mắng mỏ, đầy hàm ý chế giễu. Có người nói: "Khi giáo chủ **Hậu Hắc** còn sống là một người châm biếm cay đắng trong thiên hạ", tôi cũng nói như vậy. Ông không chỉ là chế giễu người đời, có

khi cũng tự chế giễu mình. Nhưng khi ông tự chế giễu mình, lại là sự chế giễu độc ác người đời hơn, đó là tài ứng biến nhất quán của ông. Tỷ dụ, ông đề xướng "**Hậu Hắc Học**" rõ ràng là ông mượn đó để chửi người đời, nhưng lại chỉ một mình ông đơn phương cang đáng, tự coi là giáo chủ của "**Hậu Hắc Học**". Ông còn viết cả "**Hậu Hắc kinh**", "**Hậu Hắc truyện**", "Tập lục Hậu Hắc truyện" nữa. Nếu có người chất vấn ông: "Tại sao ông chửi người ta?", tất nhiên ông trả lời: "Tôi đâu dám chửi người ta! Tôi chửi chính tôi đấy". Thử hỏi bạn có cách gì xử sự với ông ta? Bài viết này chủ yếu giới thiệu bài "Triết học sợ vợ" của ông đã viết. Ở đây muốn làm rõ một điều nên biết, động cơ của việc ông viết bài này để kiểm định lại luân thường của nước ta đang ngày càng tồi tệ. Cái gọi là năm đạo luân thường (theo lý luận đời xưa của các nho gia Trung Quốc, có 5 đạo luân thường: Quân thần (Vua Tôi), phụ tử (Cha con), phu phụ (Vợ chồng), huynh đệ (Anh em), Bằng hữu (bạn bè) cơ hồ đã bị phá tan hết, trong xã hội không nơi nào không đầy rẫy những kẻ hám của và hám gái. Nhưng tác phong của ông lại không giống những học giả khác, chỉ nhất quán thốt lên những từ ngữ than thở "Đạo lý ở đời không cổ hủ, nhưng sự vật ngày càng thoái hóa". Ông đã đưa lời than thở bằng khẩu hiệu "sợ vợ", như là một sự đề xướng và viết thành chuyên luận, với danh nghĩa triết học, cuối cùng còn nêu thành "Phạ Kinh"(phạ là sợ), để so với "Hiếu kinh" của các nho gia. Sự chế giễu này có thể nói là rất độc ác! Bản thân ông có sợ vợ hay không, chúng tôi quả thật không biết, nhưng ông đã từng cùng một số bạn bè nam giới tích cực chủ trương thành lập "Hội nghiên cứu khoa học sợ", để cùng nhau nghiên cứu khảo luận, nghiêm nhiên ông là Hội trưởng nghiên cứu "Khoa học sợ". Chẳng lẽ đây không phải là thuyết pháp thể hiện chính ông hay sao?

Ông tự coi luận văn này là triết học, đại ý muốn nói: Phần lớn sự kiến lập một quốc gia tất phải có một trọng tâm nhất định. Nước ta đã tuyên bố là xử sở của lễ giáo, cái chủ yếu trước hết là 5 đạo luân thường, coi là cái gốc của mọi hành động. Cho nên nói: "Thờ vua mà không trung thành là bất hiếu", "Không tin bạn bè là bất hiếu", "Ra chiến trận mà không dũng cảm là bất hiếu". Trọng tâm của cả nước được kiến lập trên một chữ "hiếu", do đó đã sản sinh ra biết bao sự văn minh. Nước ta nhòm ngó với đầy uy quyền vùng Đông Nam Á đã mấy nghìn năm, đâu phải là không có nguyên nhân. Từ khi cơn gió từ Châu Âu tràn vào trời đông, nói chung các học giả đều lớn tiếng kêu lên "Lễ giáo là giết người", trước hết đả đảo chữ "Hiếu", cả nước mất hẳn trọng tâm. Vì thế những người lo việc nước đã không trung thành nữa, không tin bạn bè nữa, ra chiến trận không dũng cảm nữa. Đó là những hiện tượng như vậy, quốc gia làm sao mà không suy kém, tránh sao khỏi nạn xâm lăng từ bên ngoài? Vì vậy, phải tìm một chữ khác làm trọng tâm cho việc lập quốc, để thay thế cho chữ "Hiếu" xưa kia. Chữ này vẫn phải tìm trong 5 đạo luân thường, thì vua tôi đã cách mạng rồi, cha con đã bình đẳng rồi, anh em bạn bè đã bỏ đi rồi (Có lẽ tác giả viết bài này sau cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, mới có những lời lẽ như trên), may mà trong đạo luân thường vẫn còn tồn tại đạo vợ chồng. Chúng ta phải coi tất cả mọi thứ của nền văn hóa kiến lập trên đạo luân thường

này. Con trẻ trong thiên hạ có đứa nào không yêu người thân của chúng, tích ái thành hiếu, cho nên nền văn hóa thời xưa đã được kiến tập trên chữ "Hiếu". Những người chồng trên thế gian, không ai lại ít yêu vợ, thế là "Tích ái thành phạ" (Yêu nhiều thành sợ). Cho nên nền văn hóa từ nay trở đi phải kiến lập trên chữ "sợ". Do đó, chữ "Sợ" trong từ sợ vợ không thể không thành trọng tâm của cả nước.

Ông nói, người tiên tiến trong "Học thuyết sợ" phải nói trước hết ở Tứ Xuyên. Trần Quý Thường ở triều đại nhà Tống là người cự phách nổi tiếng nhất của giới sợ, câu chuyện về tiếng gào thét của sư tử Hà Đông đã trở thành giai thoại của giới sợ. Cho nên Tô Đông Pha đã tán thưởng bằng thơ rằng: "Sư tử Hà Đông bỗng gầm vang, hồn xiêu phách lạc, chân tay rụng rời" (dịch nguyên văn: "Bỗng nghe tiếng gầm thét của sư tử Hà Đông, tâm hồn rụng rời, làm rơi cả chiếc gậy trong tay"). Đó là ông hình dung trạng thái sợ vợ, coi như không làm chủ được tâm hồn, lục giác tiêu tan cả, nhưng Trần Quý Thường đâu phải kẻ mềm yếu, ông là ẩn sĩ nổi tiếng cao đạo. Người cao đạo ở ẩn đều sợ vợ như thế cả, cho nên chuyện sợ vợ, có thể được coi là đạo lý muôn thuở. Đông Pha lại kể về ông Trần rằng: "Quanh vách đều vắng lặng và ông có ý là tự đắc được làm người hầu cho vợ". Điều này đã chứng minh, Trần Quý Thường rõ ràng là một đấng ông chồng ngồi trên chữ "sợ", cho nên trong gia đình mới thu được hiệu quả như vậy.

Còn một vị nữa là Lưu Tiên Chủ vốn ở Tứ Xuyên vào thời sớm hơn nữa, có thể nói ông là nhà phát minh kiêm thực hành của môn "Khoa học sợ". Đem tâm hồn, ông quỳ dưới chân Tôn phu nhân, về sau bị lưu giữ ở Đông Ngô. Mỗi khi gặp điều gì không may đều giữ vợ lại khóc lóc, hơn nữa luôn quỳ gối. Gặp phải điều ác lại hóa điều lành, gặp nạn lại thành may mắn. Nhưng ông ta phát minh kỹ thuật loại này quả thực có thể nói làm một đấng nam nhi phải vượt qua muôn trùng bể khổ. Phàm những người đã nghe tiếng gầm thét của sư tử Hà Đông có thể dùng bảo pháp của Lưu Tiên Chủ, thì dù ở trong khuê phòng cũng có được dáng vẻ yên vui, vợ vui thì cũng vui, thậm chí vợ vui cũng thút thít khóc được.

Tác giả còn lấy trong lịch sử để chứng minh: Sau thời Đông tấn, nam bắc đều ngang sức với nhau, trải qua Tống, Tề, Lương, Trần cho đến khi Tùy Văn Đế xuất hiện mới thống nhất được nam bắc, thế mà Tùy Văn Đế lại là người sợ vợ nhất. Một hôm, một mình Hoàng Hậu nổi giận, Văn Đế sợ quá, chạy vào trong núi, trốn hai ngày, nhờ có các đại thần khuyên giải được Hoàng Hậu, mới dám trở về. "Phạ Kinh" nói: "Gặp vợ thì như chuột, gặp kẻ địch thì như hổ". Tùy Văn Đế thống nhất được thiên hạ ai dám nói là không xứng đáng?

Cuối đời nhà Tùy thiên hạ đại loạn, Đường Thái Tông quét bọn vương hầu hùng bá bốn phương, bình được thiên hạ, mưu thần được dùng là Phòng Huyền Linh cũng là một người rất sợ vợ, ông thường bị vợ áp bức, vô kể khả thi, bỗng nhiên một hôm ông nghĩ: "Thái Tông nay là thiên tử, đương nhiên có thể chế phục được bà ta", do đó ông đã tổ khổ với Thái Tông, Thái

Tông nói: “Khanh gọi bà ấy đến, đợi trẫm xử lý”. Nào ngờ Phòng phu nhân chỉ nói vài câu đã làm Thái Tông cảm miệng không nói được lời nào, bèn nói riêng với Phòng Huyền Linh: “Trẫm mới gặp đã sợ bà ấy rồi, từ nay về sau cứ theo đúng mệnh lệnh của bà ấy là được”. Thái Tông mới gặp vợ của một bầy tôi đã sợ, thật không đáng hổ thẹn là một anh quân khai quốc.

Trong lịch sử nước ta, không những phải là người sợ vợ mới có thể thống nhất được toàn quốc; mà chính những kẻ an phận ở một góc trời nào đó nếu không sợ vợ, không thể chống đỡ được những nguy kịch. Những người an phận thời Đông Tấn thuở xưa đều dựa vào Vương Đạo để được yên thân, dựa vào ông ta; nhưng cái hai bên đều là những phần tử tiên tiến của giới “Phạ học” cả. Vương Đạo với chức phận tể tướng, kiêm chức chủ tịch những cuộc họp bàn sông. Một hôm tay cầm một sợi lông bần, ngồi trên chức vị chủ tịch, chính lúc đang trò chuyện phấn khởi nhất, bỗng nhiên được báo: “Phu nhân đã đến!”, ông ta vội vàng nhảy lên xe chạy, làm như gặp lang sói không bằng. Nhưng công lao của ông ta trong triều đình rất lớn, đã giành được sự sủng ái với chín lần ban thưởng của thiên tử. Xét cho đến cùng toàn là nhờ vào sức mạnh của chữ sợ cả. Phù Kiên dùng vạn quân đánh nhà Tấn, bị Tạ An vây chặt ở một nơi vắng lặng, mà Tạ An không hề thay đổi sắc mặt, đã đánh bại và giết Phù Kiên, cũng là nhờ sức mạnh của chữ sợ. Bởi vì mọi người đều người: Bà vợ Tạ An dùng lễ giáo của Chu Công sửa đổi để trói buộc chồng bà, Tạ An từng phải trải qua sự huấn luyện nghiêm khắc của phu nhân đã quen với tập quán dù núi Thái Sơn có đổ xuống trước mặt cũng không hề biến sắc. Phù Kiên làm sao biết được địch thủ của mình.

Tác giả chủ trương tầm quan trọng của chữ sợ vợ như vậy, khó tránh khỏi sự hoài nghi của người đời. Cho nên có người hỏi ông rằng: “Tai họa từ ngoài đưa đến nghiêm trọng như vậy, nếu lại để xướng “Phạ học” nuôi thành thói quen, nếu kẻ địch đến, sẽ sợ hãi như tâm lý sợ vợ, làm sao tránh khỏi vong quốc?”. Ông nói: “Không phải thế đâu!”. Ngày xưa có viên đại tướng rất sợ vợ, một hôm nổi hứng lên nói: “Sợ gì?”, bèn ra tướng lệnh, tập trung cả ba quân lớn bé, lệnh cho người mời phu nhân ra, định lấy quân pháp xử lý, phu nhân của ông ta tới, thét hỏi: “Mời gọi tôi có việc gì?”, ông ta hốt hoảng phục xuống dưới đất nói: “Mời phu nhân ra duyệt binh”. Việc này đã được tác giả tra cứu nhiều lần, mới biết chuyện đó nói về Thích Kế Quang triều đại nhà Minh. Nhưng ông ta không hề cảm thấy lạ lùng, Kế Quang tuy làm việc quân cực kỳ nghiêm, con ông ta vi phạm quân lệnh, bèn ra lệnh chém đầu; nhưng phu nhân tìm ông ta và làm ấm lên, ông ta tự biết không có gì khuất phục được, không dám lên tiếng biện hộ, thế là nuôi thành thói quen sợ vợ, nào ai có biết một khi đã sợ thì thường cái mặt to lên, về sau Nhật Bản đến, ông ta đã không sợ, trở thành một anh hùng kháng Nhật. Bởi vì Nhật Bản thật đáng sợ, nhưng lại không đáng sợ bằng vợ, cho nên ông ta dám xông lên chiến đấu. Phàm những ai đã đọc lịch sử Hy Lạp đều biết chàng trai Spắc-tắc mỗi khi xuất trận, vợ bèn nói với ông ta: “Anh trở về không chiến thắng, thì không được phép gặp mặt tôi nữa”. Cứ lần này qua lần khác anh dũng chiến đấu tiêu diệt địch, Spắc-tắc đã

tung hoành khắp cả tiểu quốc, rồi vươn lên xưng hùng, nếu ngày thường không thành tập quán sợ vợ thì làm sao thu được hiệu quả như vậy.

Tác giả từ trong lịch sử chứng minh danh ngôn cần phải sợ vợ, ông còn khảo sát cả những nhân vật trên vũ đài chính trị, đã rút ra kết luận rằng cấp quan càng cao thì mức độ sợ vợ càng sâu, cấp quan và mức độ sợ vợ tỷ lệ thuận. Vì thế những sự vật từ xưa đến nay được quy nạp thành định lý rõ ràng, nên đặc biệt đã viết thành một số điều về "Phạ Kinh" để răn dạy cho đời sau.

Giáo chủ nói: "Sợ vợ là đạo lý muôn thuở phải theo, người dân đã làm như vậy. Trong tội ngũ hình (năm hình phạt: tội chết, tội đầy có thời hạn, tội đầy không thời hạn, tội giam, tội phạt tiền), có ba ngàn điều nhưng không có hình phạt nào lớn hơn tội không sợ vợ".

Giáo chủ nói: "Ai là người cũng đều sợ vợ, thế mà dám là người không sợ thì làm sao tốt đẹp được. Ai là người không dám sợ, có thể nói là kẻ không giúp nước hưng thịnh được. Người quân tử có nghĩa vụ chính là tự mình phải là học trò của đạo, cũng là người sợ vợ, đây là cái gốc để phục hưng trung quốc!".

Giáo chủ nói: "Duy chỉ có các ông lớn là có thể có cái tâm sợ vợ, hể sợ vợ là ổn định đất nước".

Giáo chủ nói Đạo của "Phạ học" dẫn đến điều thiện, làm người vợ chỉ có nghiêm, làm người chồng chỉ có sợ, trong nhà có nghiêm quân, tức là nói tới người vợ. Vợ phát lệnh ra ở bên trong, chồng phải bên ngoài, đó là đạo lý muôn thuở".

Giáo chủ nói: "Coi vợ là lớn mới phải đạo! Duy chỉ có vợ cao vời vợi, lớn lao như trời, kẻ không có tài cán gì mới lơ mơ không hiểu! Không hiểu không biết thì cứ tuân theo vợ".

Giáo chủ nói: "Cứ làm rồi khắc được, tập cho quen chứ không phải xem xét nữa, suốt đời sợ vợ, và không biết sợ chúng dân nữa".

Giáo chủ nói: "Người quân tử thấy vợ nổi giận thì ăn vị ngọt không thấy ngọt, nghe nhạc chẳng thấy vui, ở không thấy yên, tất phải thành kính, không phải để chướng tai nữa".

Giáo chủ nói: "Mỗi khi vợ có lỗi, thì phải bình tĩnh khuyên can, nói năng nhã nhặn, vẻ mặt hòa nhã, khuyên can không nghe tỏ ra kính trọng ắt sẽ được dài lâu. Ba lần khuyên can không được thì tất phải khóc sụt sùi theo. Nếu vợ nổi giận không vui, có đánh chảy máu cũng không oán giận, tỏ ra kính trọng và biết sợ".

Giáo chủ nói: “Làm người chồng khi vắng nhà mà không về, thì vợ tựa cửa ngóng trông, khi đã xa mà không về thì vợ ở nhà sốt ruột mong đợi không yên. Cho nên vì vợ mà không đi chơi xa, đi chơi phải có hướng”.

Giáo chủ nói: “Việc gì của người quân tử, nhìn không thấy gì, nghe không thấy tiếng. Vào phòng thì phải cung cúc lễ độ. Không có lệnh cho ngồi thì không dám ngồi, không có lệnh cho lui thì không dám lui. Vợ lo buồn thì cũng phải lo buồn, vợ vui mừng thì cũng vui mừng”.

Giáo chủ nói: “Mưu việc nước mà không trúng cũng chưa đáng sợ, không tin bạn bè cũng chưa đáng sợ, nhưng hễ hành động thì không dám quên, nói ra điều gì cũng không dám quên vợ. Làm việc không thiện nghĩ đến uy danh của vợ, ắt có hiệu quả. Làm việc không thiện nghĩ đến sự tui nhục của vợ ắt không làm.

Giáo chủ nói: “Người sợ vợ tức là nói về thân phận suốt đời của người chồng. Thân thể có phát phù cũng thuộc vào người vợ, không dám kêu đau, thế là bắt đầu biết sợ. Muốn lập thân hành đạo để lại tên tuổi cho đời sau, phải tỏ rõ với vợ là vợ suốt đời”.

Theo tác giả chương 12 của “Hữu Kinh”: “Người mới nhập môn phạm học, sẽ thấy thú vị vô cùng. Là người chồng phải tìm hiểu bằng được, áp dụng suốt đời, quả là vô tận”. Cuối cùng tác giả kiến nghị với các sử gia sau này: Lễ giáo cũ chú trọng chữ “Sợ”. Nếu tôi có một người nào đó sợ vợ, thì người đó vinh dự như trung thần hiếu tử, là rất vinh quang. Người có hiếu với bố mẹ là “Người con có hiếu”, người trung với vua là “bầy tôi trung”, người sợ vợ thật xứng danh là “Người chồng sợ”, sử sách ngày xưa có “Những chuyện về bầy tôi trung”, có “Những chuyện về những người con có hiếu”. Lịch sử Trung Quốc tương lai nhất định phải viết “Những chuyện về những người chồng sợ vợ”

Hết

*Bản văn này trích từ phongthuyquan.com